

PHẦN KHẢO CỨU SỐ 48 NGÀY 25-12-44

VĂN MỚI

DẶNG TRON

CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

của P. N. KHUÊ

	Trang
Ý nghĩa hai danh từ (Danh từ xã hội và tư tưởng dân quyền — danh từ cá nhân và tư tưởng quốc gia).	33
Quan niệm bình đẳng (Nguồn gốc, kết quả của quan niệm bình đẳng)	46
Quan niệm tự do (Thế nào là tự do — giá trị của quan niệm tự do)	64
Thực tại xã hội (Nguồn gốc xã hội — bản thể xã hội)	101
Ý thức cá nhân (Tín ngưỡng về linh hồn — những trạng thái ý thức).	115
Vai trò cá nhân (Vai trò thụ động — phản động — tác động)	135
Con đường phát triển của cá nhân (Toa thuốc hạnh phúc của văn-sĩ A. Maurois — mấy nguyên tắc của bác-sĩ A. Carrel — cá nhân trong một tổ chức xã hội mới).	158

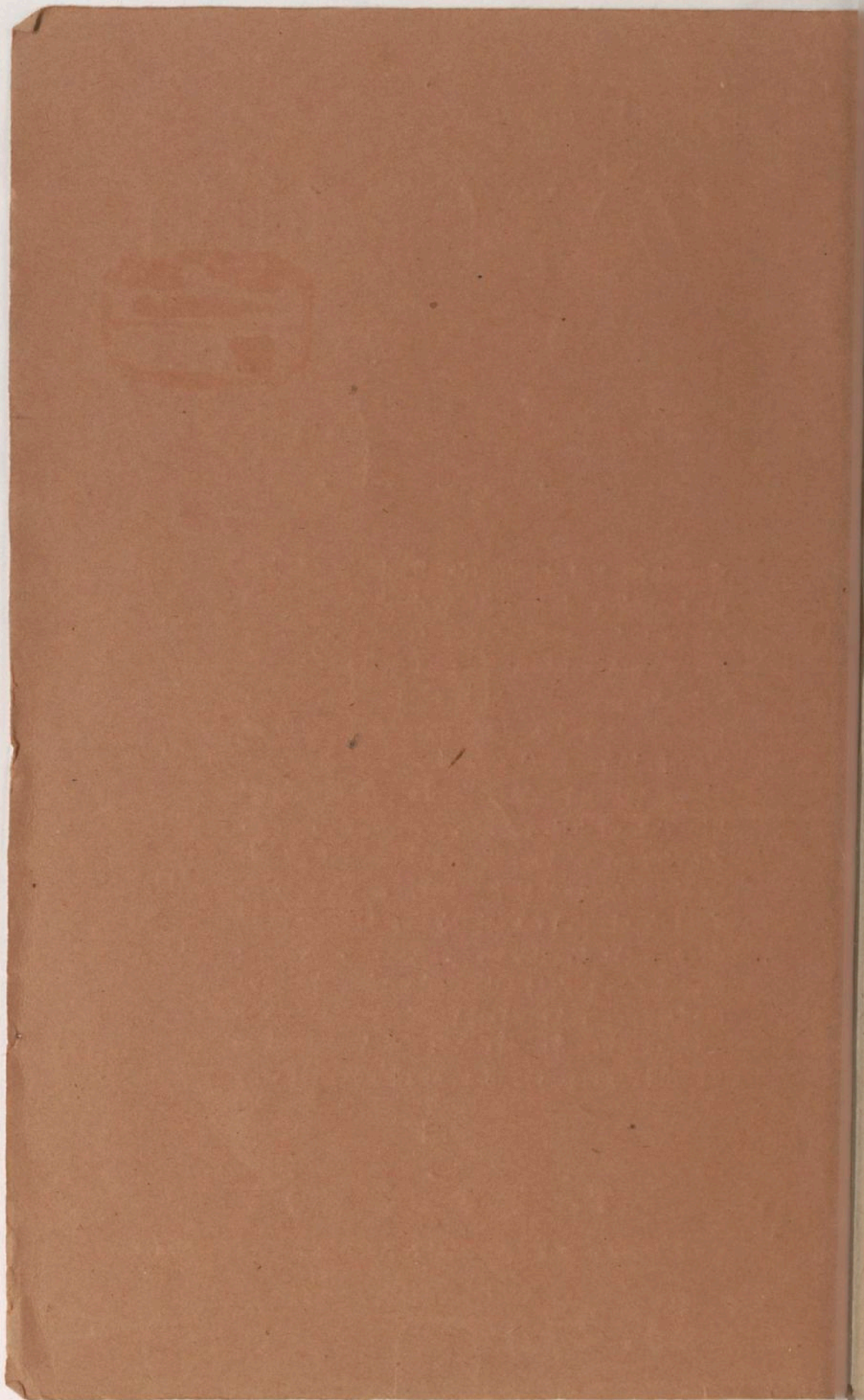


TÂN VĂN HÓA

Toà-soạn và tri-su' : 71 Phố Tiên-Tôn

HANOI

80 Jo. 2747



Ngày 25 Décembre 1944, TẬP MỚI số 48

VĂN MỚI

TẠP CHÍ PHỔ - THÔNG GIÁO - DỤC

MỖI THÁNG RA HAI KỶ

Chủ nhiệm :

Chủ bút :

NGUYỄN XUÂN LƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

69-71, Phố Tiên-Tôn — Hanoi

VĂN MỚI KHẢO CỨU

Mỗi số đăng tron một thiên khảo cứu hoặc thảo luận về một vấn đề khoa học, văn học, triết học, sử học, xã hội học...

Số này đăng :

CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Tác giả : P. N. KHUÊ

Autorisé (publication

créée antérieurement à la

loi du 13 Décembre 1941)

-162

Inolactin

-1994

2009 25 December 1944 1 49 M 01 38 48

VĂN MÔI

TẠP CHÍ PHỔ THÔNG GIÁO DỤC

MỖI THÁNG RA HAI KỶ

Chức năng

Chức năng

NGUYỄN XUÂN LƯƠNG | NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

TỌA ĐỘ VÀ LƯỚI

49-71, 1000 1000 1000

VĂN MÔI KHẢO CỬU

Một số đáng trọng một thiên khảo sát học các luận về một
văn hóa học, văn học, triết học, xã hội học...

Số này đáng :

CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Tên và địa chỉ

Sắp phát hành :

VĂN HÓA (VĂN ĐỘNG)

THỜI THƯỜNG CỎ

(1944) 13 December 1944
tác gia Nguyễn Đức Quỳnh

P. N. KHUÊ

CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

(TIỂU LUẬN)



HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã xuất bản

- Sức khỏe mới
- Nguồn sinh lực
- Nghị lực
- Cải tạo sinh lực
- Óc khoa học
- Cá nhân và xã hội.

D

Sắp xuất bản

- Ý Xuân
- Triết học duy vật
- Yêu đời



NHÀ TẠP SÁCH QUỐC GIA

Cải chính

Trang Giòng

In làm

Xin đọc là

11	6	những luật thép	những kỷ luật thép
13	14	phương diện sản xuất	phương-tiên sản xuất
—	25	Cavel	Carrel
17	4	Chương I	Phần thứ nhất -- Chương I
20	9	những tay ngồi chiến	những ngôi chiến
20	24	vì như Khổng-tử	Ngay Khổng-tử
23	2	cái đô thị	ô-ô đô thị
25	9	bấp dẫn ra rất	hấp dẫn rất
26	13	đồ cổ	đồ cổ
27	19	libre concurrence	libre concurrence
33	8	cái tư tưởng ấy	tư tưởng dân quyền
38	25	thiên nhiên ấy	thiên nhiên ấy và bệnh
		bệnh vực	vực
50	17	mà đã khám phá	mà họ đã khám phá
56	11	vẽ duy lý	ôc duy lý
—	15	kinh viện học	(kinh viện học)
61	16	họ	bản
72	21	fascite	fasciste
74	25	một bọn người	người ta đang
75	22	những bánh vi	những bánh xe
81	9	tính cách như	tính cách siêu lý như
85	5	giống người	giống nòi
—	—	truyền tục lại	truyền lại
93	18	bắt chiếc	bắt chước
96	6		(1) Đoạn văn này trích ở cuốn « Đời đoàn thể » của ô. Hải Tùng trang 18.
97	1	các đoàn thể ấy	cái đoàn thể ấy

Trang Giòng

In lăm

Xln đợc là

—	6	một sinh vật cơ thể	một cơ thể sinh vật
98	2	(1) Định nghĩa này của Boukharine tác giả cuốn « Duy vật sử quan »..	phản ứng động tế liệt
107	13	ít ứng động	dễ nhận
—	14	đã nhận	ý thức cá nhân
109	10	cá nhân tính	3.)
—	19	3.)	chúng ta
—	20	chúng tôi	ý thức cá nhân đã khá mạnh mẽ, chỉ còn...
111	15	ý thức cá nhân của họ	Hy-lạp có
112	6	Hy-lạp có	Hy-lạp là
113	2	xã hội còn	xã hội vẫn còn là
—	8	đời sống thường trực	đời sống đoàn thể là thường trực
—	21	tài công đã vụn	tài công để vụn
117	2	chủ chương	chủ trương
—	5	bắt chiếc	bắt chước
122	6	đề mà luyện	đề mà luyện
140	5	và không dả động	và nếu có dả động
143	26	một sự đối phó	dấn kíp sự hung hăng gay gắt đả độn
152	10	nguyên lợi	quyền lợi
154	11	nhu cầu	nhu cầu
156	21	thế lực tăng gia	thế lực (trong không gian)
160	26	Sự thực ra	Thực ra

MỤC LỤC

NHẬP ĐỀ	9
-------------------	---

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I. — Ý nghĩa hai danh từ xã-hội và cá nhân .	17
CHƯƠNG II. — Quan niệm bình đẳng	34
CHƯƠNG III. — Quan niệm tự do	47
CHƯƠNG IV. — Một thần tượng mới	65
CHƯƠNG V. — Kết luận phần thứ nhất.	79

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I. — Thực tại xã hội . . .	85
CHƯƠNG II. — Ý-thức cá nhân . . .	102
CHƯƠNG III. — Vai trò cá nhân . . .	116
CHƯƠNG IV. — Con đường phát triển của cá nhân .	135
CHƯƠNG V. — Kết luận phần thứ hai	159
ĐOẠN KẾT	162

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I - Ý nghĩa hai danh từ	17
CHƯƠNG II - Quan niệm	34
CHƯƠNG III - Quan niệm về do	47
CHƯƠNG IV - Một số vấn đề	63
CHƯƠNG V - Kết luận phần thứ nhất	79

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I - Thực tại xã hội	83
CHƯƠNG II - Ý thức cá nhân	103
CHƯƠNG III - Vai trò cá nhân	118
CHƯƠNG IV - Con đường phát triển của cá nhân	133
CHƯƠNG V - Kết luận phần thứ hai	149

CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

NHẬP ĐỀ

Xã hội hay là cá nhân

Một tình trạng khó xử. — Đó là tình trạng của phần đông thanh niên trí thức tiêu tư sản ở xứ ta ngày nay.

Chúng ta vừa mới thoát ra khỏi ảnh hưởng của văn hóa phong kiến (Khổng-giáo) khỏi phạm vi làng xóm, khỏi khuôn khổ đại gia đình. Ta muốn làm thỏa mãn đầy đủ những dục vọng căn bản của cơ thể đã bị đè nén bao nhiêu đời ; ta muốn được tự do suy nghĩ, tự do tin tưởng, tự do hành động ; ta bênh vực nhân cách và giá trị của ta mặc dầu ta giữ chức vụ nào ; ta ao ước những điều kiện sinh hoạt thuận tiện để làm nảy nở những tài năng tiềm tàng của ta ; ta muốn hưởng những lạc thú tinh thần trong treo do văn chương nghệ thuật sẽ mang đến. Một mẫu sống

rực rỡ (1) do phú hào tư bản nêu ra đã làm nảy ra ở ta những ý muốn mới mẽ mạnh mẽ, luôn luôn tìm lối phát triển: Ta yêu ham André Gide, là người thù ghét gia đình và ca ngợi sự giải phóng cá nhân.

Nhưng cái « giấc mộng cá nhân » kia, ở chúng ta, cũng không lấy gì là êm đẹp lâu bền cho lắm. Cuộc sinh hoạt gay go ở ngay xung quanh ta đã làm nổi bật lên trong ý thức ta — những tín đồ của chủ nghĩa cá nhân — những hình ảnh, những ý tưởng trái ngược với chủ trương của ta. Bị sô vào một thực tế nghiệt ngã, ta sớm thấy ngay rằng tự do, bình quyền... chỉ là những danh từ mà ý nghĩa mờ nhạt dần đi. Đứng trước bao nhiêu cản trở xã hội, ta muốn hoài nghi cái « quyền sống cá nhân » của ta, nó không biết làm thế nào để thực hiện được. Đồng thời, những tư trào cấp tiến, những cuộc vận động văn hóa và chính trị ở khắp thế giới đã khua động tư tưởng của ta và bắt

(1) Cái lý tưởng cá nhân mà một loạt nhà văn gần đây (Tư lực văn đoàn) đã dụng công tô điểm và đưa ra, chỉ là một hình thức của chủ nghĩa cá nhân, một hình thức hẹp hòi nhất, cần cỗi nhất cái tình phóng túng và tiều gia đình tư sản.

ta chú ý đến một thực tại lịch sử mới, mẽ và quan trọng : những đoàn thể mãnh liệt hiện ra ở nhiều cường quốc, dưới bàn tay sắt của những nhà độc tài lừng lẫy, những đoàn thể quốc gia bó chặt trong những luật thép. Thì ra bên ngoài cá nhân bên trên cá nhân, bao trùm cá nhân, lại còn có một cái gì to hơn cá nhân, mạnh hơn cá nhân, lại còn có chính phủ (Etat) có « xã hội ». Và cá nhân, ở đây, chỉ có quyền vâng theo, quyền phụng sự, quyền hy sinh ; cá nhân sẽ phải trước bỏ hết cả những nguyện vọng thâm thiết của mình để hiến thân cho quốc gia, cho xã hội ; cá nhân chỉ có một cách tự thực hiện là tự tiêu diệt ý thức của mình đi, để sát nhập hẳn vào cuộc sống của xã hội !

Cái quan niệm lạ lùng này không khỏi làm cho ta bối ngỡ, ngại ngùng. Đã đành rằng ta cũng không muốn tự giam mình trong những ảo tưởng của chủ nghĩa cá nhân ; nhưng nếu xã hội chỉ là một... trại lính, thì đó cũng không phải là điều ta mong mỏi. Ta băn khoăn suy nghĩ, dò hỏi tương lai, trong khi hai quan niệm cá nhân và xã hội vẫn đánh lộn nhau trong óc ta, không làm nảy ra một tia sáng nào.

Trong cảnh hoang mang ấy, một số trí thức — có lẽ đã mỗi một — bày ra một kế hoãn binh khôn khéo. Họ cho rằng: chúng ta là một bọn giông buồm ra biển cả. Nay gặp cơn bão táp, sóng biển nguy hiểm và chân trời đen tối, ta hãy tạm hạ buồm và quay thuyền về « bến cũ » đợi đến khi nào trời quang mây tạnh lại sẽ xông pha đi tìm những bến xa lạ. Thế nghĩa là — về phương diện tư tưởng — chúng ta hãy tạm quay về với tâm học với đạo học, với Khổng giáo thân yêu, và về phương diện hành động, chúng ta hãy tạm gác cả chủ nghĩa cá nhân, cả những khuynh hướng xã hội, để trở lại với đại gia đình, với làng xóm, với quốc hồn quốc túy... để đợi thời.

Nếu mà họ thành thực; thì cách giải quyết ấy kể ra cũng có phần đáng cảm động. Nhưng, chúng ta không phải là những người giông buồm ra bể. Chúng ta có thể nào lại tự ý lao đầu vào những mạng lưới phong kiến mà tự ý ta đã bứt phá đi rồi? Không, ta không hối hận vì những cử chỉ giải phóng ta đã làm rồi. Ta vẫn quyết liệt bênh vực « quyền sống cá nhân » mà ta cho là chính đáng. Ta

vấn tin rằng : « mục đích cao nhất của nền văn minh ngày nay là làm cho cá nhân tận lực phát triển » (1). Ta

không đầu hàng. Ta không muốn lùi.

Ta chỉ thấy khó tiến. Ta vấp phải một thân trọng mới, « thân trọng xã hội » cái này chỉ làm le muốn đập nhào ý thức cá nhân mà ta đã khổ công gây dựng.

Ta biết làm thế nào để tự vệ ?

Hai xu hướng của thời đại. — Nếu

ta nhìn kỹ vào các ngành hoạt động ở khắp các xứ ngày nay, ta sẽ nhận thấy ở mỗi nơi đều có hai xu hướng trái ngược nhau, xung đột nhau.

Trong kinh tế, quyền tự do dồi dào, tự do cạnh tranh, tự do làm giàu của các cá nhân lúc bấy giờ đang phải một sự tái yếu của lịch sử : xã hội hóa các phương diện sản xuất và chi tiêu kinh tế.

Về phía chính trị, những nguyên vọng dân chủ thiết tha của phần đông dân chúng vẫn ngấm ngấm phản đối chính sách phát xít tuy do những cá nhân nhân tiêu từ

(1) « Le développement de la personnalité est le but suprême de la civilisation » : Canol (l'homme, cet inconnu).

sản cầm đầu, mà kỳ thực chỉ phụng sự
có quyền lợi của những cá nhân đại tư bản.

Ở địa hạt luân lý, chủ nghĩa cá nhân
khoái lạc và ích kỷ của những kẻ phong
lưu đại các đã phải lui bước và nhường
chỗ cho một chủ nghĩa hợp lý hơn, nhân
đạo hơn: chủ nghĩa xã hội.

Trong văn chương, văn phái lãng mạn
vốn chuyên cung cấp khoái cảm cho một
bọn người rời rã (nghệ thuật vị nghệ
thuật) nay đã tỏ ra hết sinh khí và đương
tàn rụi, trong khi phái tả thực xã hội đang
có cơ bành trướng để phụng sự cuộc tiến
hóa của cả nhân loại (nghệ thuật vị nhân sinh).

Ngay trong khoa học, người ta cũng đã
hộ hào khuếch trương những khoa học về
con người (sinh lý học, tâm lý học, xã hội
học) mục đích là cải tạo xã hội, để chống
lại với sự độc quyền tai hại của những
khoa học về cơ khí xưa nay chỉ dùng để
phụng sự nhiều nhất cho túi tiền nhà
tư bản.

Và trong triết học, những ảo tưởng thần
bí của những học giả mơ hồ quá tin vào
trực giác và linh cảm của cá nhân họ,
những ảo tưởng của phái duy tâm... đã bị
lan tã gần hết trước sự công phá của

phương pháp khoa học là phương pháp dựng trên nền tảng thực tiễn công cộng của cả xã hội loài người (duy vật biện chứng pháp).

Tại cá những mối mâu thuẫn kể trên hầu như đã « ăn khớp » với nhau để chia hẳn nhân loại ra làm hai phe cửa địch : một bên là một dúm những kẻ núp đằng sau lý tưởng cá nhân, một bên là đại đa số đang cố nêu cao lá cờ xã hội.

Mọi hiện trạng của xã hội ngày nay chỉ là những phản ảnh của cái thực trạng chênh lệch và cuộc xung đột gay go kia.

Xã-hội hay là cá-nhân ? Câu hỏi này sẽ hiện ra ở mọi lĩnh vực, ở mọi trường hợp và ở mọi chỗ, sẽ bắt ta phải tỏ rõ thái độ. Đó là một vấn đề luân lý cấp bách.

Mục đích cuốn sách này. — Trước khi giải quyết vấn đề luân lý kia (cá nhân đối với xã hội phải ra sao ?), ta cần phải trả lời rõ ràng cho những câu hỏi có tính cách nhận thức khách quan sau này : Xã hội là gì ? Cá nhân là gì ? Xã hội ảnh hưởng đến cá nhân ra sao ? Cá nhân phản động lại xã hội như thế nào ? Cá nhân có tự ý mình biến cải được xã hội không ? nay là

ý thức cá nhân hoàn toàn bị xã hội quyết định? Tương lai một xã hội là do một vĩ nhân tạo ra hay do sự hợp tác công phu của bao nhiêu cá nhân đoàn kết lại?...

Ở những trang sau đây. Tôi muốn mời bạn đọc giả suy nghĩ về những câu hỏi căn bản ấy.

CHƯƠNG I

Ý nghĩa hai danh từ:

xã-hội và cá-nhân

Có những danh từ mà văn-hào Hamilton đã ví như những « pháo đài của tư tưởng » (1). Hai danh từ « xã-hội » và « cá-nhân » của ta thuộc vào loại ấy. Đó là hai cái pháo đài của tư tưởng dân quyền tư sản Âu-châu để tấn công vào tư tưởng phong kiến Việt-nam cũ. Muốn chứng thực, ta hãy đặt mỗi danh từ kia vào giữa cái hoàn cảnh lịch sử đã đẻ ra nó.

1) **Danh từ xã-hội và tư-tưởng dân quyền.** — Từ cuối thế kỷ trước, những

(1) Les mots forteresses de la pensée.

quân-đội, những hàng-hóa, những máy-móc, những cách vận-tải mới... đột nhập vào xứ sở Việt-nam. Tất cả những thứ ấy (mà các cụ gọi là « văn-minh vật-chất ») đã lay chuyển đến tận nền tảng cái « giang sơn gấm vóc » của chúng ta. Ở đây ta chỉ cần chú ý đến mấy hiện tượng biến đổi sau này :

a) Sự giải phóng của một số đông nông dân nghèo đói ra khỏi lũy tre xanh, nghĩa là ra khỏi vòng kìm kẹp của giỗ tết, ma chay và những giàng buộc gia tộc, và nhất là ra khỏi vòng áp bức điền chủ của cường hào trong thôn xóm. Họ xung vào « đội-quân » cu-ly, phu-phên, thợ-thuyền, bồi-bếp, lính-trang, mại-bản, thầu-khoán, để kiếm ăn và kiếm lợi bằng cách phụng-sự những nhà tư-bản đang cần đến rất nhiều nhân công để khai thác.

b) Sự tụ tập của bọn người « vong tổ vong tiên » ấy ở các hải cảng và đô thị lớn. Không những họ được ăn uống no-nê hơn ở nhà quê, họ lại còn được những pháp luật mới che chở cho nữa. Họ thấy khỏe, mạnh hơn, dễ thở hơn, bạo rạn hơn, thông minh hơn.

c) Sự thất thế của những lớp nho sĩ

trung lưu trong khi Hán học phải lui dần để nhường bước cho các trường Tây học. Họ sẽ phải nghiêng về phía này để... đi làm kiếm ăn ở các nơi tụ tập trên kia.

d) Sự phá sản hoàn toàn về mặt tri thức của đám sĩ phiệt thượng lưu sau khi họ đã thất bại trong những cuộc khởi nghĩa cần vương để khôi phục lại địa vị và thế lực cũ.

Tất cả những yếu tố trên đây, trong một thời gian khá lâu, đã phối hợp với một vài sự kiện lịch sử nữa (như sự thắng trận của Nhật năm 1904, cuộc cách mạng Trung-hoa năm 1911, v.v...) gây ra những phong trào duy tân và Âu-hóa bùng bột khắp trong xứ.

Giấc mộng phong kiến kéo dài từ bao nhiêu thế kỷ đã đến lúc tàn, tri thức hệ nho giáo bắt buộc phải đầu hàng văn hóa mới. Những nhà nho cự phách — trong lòng còn nặng nề mỗi cảm hèn — cũng đành tạm xếp những tứ thư ngũ kinh để đọc mê mải — qua sách Tân-thư của Tàu — những tác phẩm của Phức-lộc-đặc-nhi (Voltaire), của Lư-Thoa (Rousseau), của Mạnh-đức-tư-cư (Montesquieu), của Khang-đức (Kant), của Đạt-nhi-Yân (Darwin)... Họ băng hai

muốn tìm xem những luồng tư tưởng kia, phát sinh ở bên kia lục địa, đã sang sửa, mạnh mẽ như thế nào mà đã tạo ra được — bộ tư duy vậy — cái văn minh cơ khí ghê gớm « bất khả đối địch » kia. Mọi mặt khác, họ lại chịu ảnh hưởng rất lớn của « những bậc đàn anh » ở Trung-quốc, Tăng-quốc, Triều Tiên, Khang-hữu-Việt, Lương-khai-Siêu, Hồ-Thích... — những tay ngòi chiến nhất trong làng náo — chỉ là những người đương giống rồng, phát còi để còi động cho tư tưởng Âu-châu đời sau? Hay là họ lại chịu ảnh hưởng của tư tưởng ấy là tư tưởng gì? Phải chăng người ta trong Tây, sở dĩ giàu mạnh hùng cường là tại họ đã hiểu rằng một nước không phải là của riêng một người, mà là chung của muôn nhà của muôn dân. Vậy thì dân chúng cũng có quyền tham dự vào chính trị, cũng có quyền được hưởng những quyền lợi xứng đáng với tài đức của mình. Gặp quan niệm « dân » này đối với các họ, cũng không lấy gì làm đặc biệt lắm. Vì như Khổng-tử và Mạnh-tử cũng đã có nói đến rồi (1); và trải qua bao

(1) Khổng tử: « Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng theo » và « Phải thích cái... » (Xem tiếp trang 21)

nhieu triệu đại sự chuyên chế của các vị vua chúa cũng không vì cái quan niệm ấy mà lay chuyển đi chút nào.

Sau một công cuộc khám phá chăm chỉ các cụ mới thấy rằng cái cốt trụ cốt yếu của tư tưởng Âu-châu, không phải là cái quan niệm « dân », mà chính là cái quan niệm « xã hội » vậy. Theo ý các cụ thì chính vì xã hội mà con người thanh tự do, bình đẳng, bác ái, chính nhờ xã hội mà các nước bên Âu-châu đã được văn minh, tiến bộ; chính vì xã hội mà « trên võ đài thế giới », « trong thời buổi cạnh tranh này » họ đã chiếm được địa vị ưu thắng. Vậy thì cần đáng tôn thờ, là « xã hội ». Và muốn gây dựng một xã hội cho ra xã-hội tốt đẹp, phong phú, văn minh, thì ta phải gắng công tu sửa « tư đức » và công đức, để thành một người công dân hoàn toàn. (1) Một người

thích của dân, phải ghét cái ghét của dân. Thế mới gọi là cha mẹ dân » v. v. ...

Manh tử : « Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh »

(1) Gần đây, nhà Quảng-vân-Thành ở Hanoi có phát hành một cuốn sách đề là « Đời đoan thể » của ông Hải-tùng. Trong cuốn sách đó, ta sẽ

công dân hoàn toàn, 10 người công dân hoàn toàn, 100, 1000... công dân hoàn toàn... tức là xã hội hoàn toàn vậy. Cái yếu-điểm của chủ nghĩa mới đã tìm thấy rồi, lúc bây giờ mới đến lúc đem tuyên truyền và cổ động. Qua những cơ quan giáo dục như Đông-kính nghĩa thực, những cơ quan thương mại như Tiên-long thương đoàn, những cơ quan ngôn luận như Đảng-cổ-tùng báo, Đông-dương tạp chí... những danh từ mới mẻ « nẩy lửa » được ném ra giữa công chúng, theo nhịp điệu hoặc du dương hoặc hùng tráng của lối văn biền-ngẫu là lối văn sở trường của các cụ. Trong đám danh từ tiên phong ấy như: văn minh, tiến bộ, dân quyền, bình đẳng, cạnh tranh, tự do dân chủ... danh từ xã-hội có hiệu lực mạnh nhất và được nhắc đến nhiều nhất: có nợ xã hội, có công với xã hội, có tội với xã hội, có xã hội mới có mình, có xã hội mới có văn minh, có xã hội mới có tiến bộ, con người ta phải vì nhân quần, vì xã hội, xã hội ta mai sau hay giờ..,

tìm thấy rõ rệt những vết tích của một thời tư tưởng dân quyền tư sản đã phối hóa với cái quan niệm tu thân của nhà nho.

Thực ra, với khung cảnh lịch sử xứ ta lúc bấy giờ (cái đô thị chưa đông đúc lắm, sách vở ngoại quốc còn hiếm, đường giao thông còn ít, thế lực đại gia đình còn mạnh...) cái quan niệm « xã hội » của các cụ lúc bấy giờ tất nhiên là còn lơ mơ lắm. Và cái danh từ « xã hội » cũng chưa chỉ thị được một cái gì rõ rệt. Cái ý nghĩa to lớn của nó là một ý nghĩa chống đối : mang cái ý niệm « xã hội » để đánh đổ (hoặc giảm bớt thế lực) của vua, của triều đình, của nền quân chủ. Cái cử chỉ phản kháng của các nhà trí thức cấp tiến xứ ta hồi bấy giờ có liên lạc mật thiết với những cuộc vận động chính trị để cải cách xã hội Việt nam (Phan tây Hồ) cùng những công cuộc kinh doanh của các nhà tư bản bản xứ vừa khởi nghiệp (Bạch-thái Bưởi). Có thể nói được rằng cái xu hướng dân chủ, (dùng quan niệm xã-hội làm gương cột) chỉ là ý thức của giai cấp phú hào Việt-nam đang muốn thoát ly khỏi những giằng bộc phong kiến để được rảnh tay cạnh tranh và phát triển. Cái xu hướng ấy đã lôi kéo hầu hết những tầng lớp tiểu tư sản, bấy giờ lên trên con đường cải cách xã

hội. Tuy vậy nền quân chủ vẫn còn đó, và cái ách đại gia đình cũng vẫn chưa lay chuyển tí nào, nên các xu hướng rất mạnh mẽ lúc ban đầu ấy rồi cũng phải đi đến một cuộc thỏa hiệp: thỏa hiệp quân chủ với xã hội, thỏa hiệp gia đình với xã hội, thỏa hiệp văn hóa phong kiến ngàn xưa với văn hóa mới mẻ của Âu-châu. Cuộc thỏa hiệp ấy hiện hình rõ nhất trên tạp chí Nam-Phong, và không phải là không dính dáng đến sự thất bại năm 1930 của những phần tử tiểu-tư-sản sốt ruột vì thấy sự cải cách xã hội Việt-nam đã không được như ý muốn của họ. Một đại biểu còn sót lại của xu hướng cải cách xã hội và thiết lập dân quyền, sau 1930, lại xuất bản báo « Annam mới » để theo đuổi chí nguyện. Song đến đây thì cục diện của xứ sở đã quay hẳn sang những phương khác rồi. Đứng ngay trong phạm vi văn hóa tư sản, thì quan niệm xã hội cũng đã phải lui đi để nhường chỗ cho một quan niệm dân quyền khác; bên cạnh cái pháo đài « xã hội », đã đổ ụp, lại mọc lên một pháo đài mới — pháo đài « cá nhân ».

2) Danh từ cá nhân và tư tưởng quốc gia. — Sau 1930, sau những công trình vận động cải cách xã hội của những người có nhiệt huyết, và nhất là nhờ sự hưng thịnh của nền tư bản Pháp quốc trong khoảng 1925 — 1930, cuộc Âu Lúa của xã hội ta, so với hồi đầu thế kỷ này, đã tiến một bước rất dài. Những nơi đô thị sản lạn đã hấp dẫn ra rất nhiều nông dân để xung vào các nhà máy, các xiềng tiêu công nghệ, để vào các trường học. Và từ sau cuộc thắng trận của Pháp năm 1918, văn hóa tư sản — nhờ sự quảng cáo của một vài nhà trí thức có tài — đã thấm hút lâu bền những phần tử trí thức ở trong nước. Chúng ta mê mãi đọc Lamartine, Vitor Hugo, Alfred de Musset, Chateaubriand André Theuriot, Géraudy, Dekobra, Gide... cũng như xưa kia, ông cha ta đã mê mãi Rousseau và Kant vậy. Nhưng ở đây, vì trực tiếp hơn, tinh thần văn chương lãng mạn Pháp — một phương diện khác của tinh thần dân chủ — lại thấm nhập vào « tâm hồn » ta một cách sâu xa hơn, thành thực hơn nhiều. Ở trên kia, tinh thần dân quyền — lần sau quan niệm xã hội — gay go bạo nhiều, khắc khổ bạo

niên, thì ở đây, tinh thần lãng mạn — cũng là con đẻ của tư tưởng dân quyền — lại phóng nhiệm bấy nhiêu, tha thiết bấy nhiêu. Muốn hiểu được sự phân biệt ấy, ta thử đọc lại một bài văn cổ động mãnh liệt của Phan-tây-Hồ, rồi ta lại đọc đến Tô Tâm của Hoàng-ngọc-Phách ta sẽ thấy thực là khác nhau xa lắm, tuy rằng hai thứ văn ấy, hai thứ tinh thần ấy đều bắt nguồn ở một thứ văn hóa. Cái tinh thần thứ nhất — như ta đã thấy — đã nảy ra trong khi « chúng ta » mới ở nhà quê ra và đang rày tay mắt miệng đồ cổ « tiến bộ » trong « thời buổi cạnh tranh mạnh được yếu chết này ». Ngày nay con đường, doanh nghiệp của « chúng ta » bị bế tắc (cuộc kinh tế khủng hoảng bắt đầu từ 1929 ở Mỹ và ta bắt đầu « nhận » thấy nó từ 1931), « chúng ta » đành tạm ngừng cạnh tranh để « hưởng thụ » những « dân quyền » mà chúng ta hằng ao ước. Chính cái tâm lý hưởng thụ ấy của những tầng lớp tư sản và trung sản là một trong những động lực đã đưa họ đến chủ nghĩa cá nhân. Và họ tìm thấy một bon cô động có tài và đặc lực: Tự lực văn đoàn. Trong non mười năm giống già,

Tự lực xăn đoin đã ra công cùng sức để xây đắp và chống đỡ cái pháo đài thứ hai của văn hóa, tự sản dưới lá cờ « cá nhân chủ nghĩa ».

Thế nào là « cá nhân chủ nghĩa » ? Bắt đầu từ thế kỷ XVI, ở Âu-châu, giai cấp thương nhân đã trở nên giàu mạnh, và muốn phá vỡ gông cùm của Giáo hội để thỏa mãn những dục vọng thiết tha của mình bị đè nén từ bao nhiêu đời. Phong trào văn nghệ phục hưng hồi bấy giờ chủ đích là phụng sự những bản năng của cá nhân tự sản vừa gặp những điều kiện thuận tiện để tự « thực hiện ». Cá nhân ấy muốn phát triển đến tận cùng. Nó đòi tự do, đòi các thứ tự do : tự do đổi chác (libre échange), tự do cạnh tranh (libre concurrence) tự do làm giàu ; tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do thỏa mãn những dục vọng của cơ thể.

Trong bấy nhiêu thứ tự do, giai cấp phú bào xư của ta ở thời kỳ này chỉ được chọn có một thứ cuối cùng. Chủ nghĩa cá-nhân của họ chỉ có thể bình thường được về một chiều. Họ đành xếp lại đồ

bao nhiêu thứ tự do hành động hiên ngang, đề tự xây đắp cho họ một cuộc đời phong lưu, đài các, đầy đủ gồm có ô tô, có nhà lầu, có đồn điền, có những người đàn bà biết đánh phắn, biết chọn mẫu áo, biết nói chuyện, biết làm bếp giỏi, có những gian phòng lộng lẫy trang hoàng bằng những bức tranh đắt tiền mua của các họa sĩ có tên tuổi.

Ta sẽ thấy luôn luôn những đồ vật trềa đầy trong những khung cảnh tiêu thuyết của Tự lực văn đoàn. Các nhà văn trong nhóm này đã khéo dùng những lời văn nhẹ nhàng, sáng sủa, êm ái để biến cuộc sống trường giả kia thành ra một thế giới thanh tao, tế nhị, trong đó người ta dưỡng thụ một cách say sưa mà không thô bỉ, yêu nhau tha thiết mà vẫn lịch sự, người ta sẽ thân mật mà không sống sã, người ta sẽ tôn thờ cái đẹp như một vị thần, người ta sẽ dùng mỹ thuật để « hàn rỉ » những vết thương lòng và che đậy hết những cái gì nhơ nhuốc. Do đó, họ đã nêu ra một mẫu sống mới, mẫu « cá nhân tư sản », nó đã thành ra một lý tưởng cho cả mấy thế hệ thanh niên ở xứ này.

Nhưng làm thế nào để thực hiện được cái mẫu cá nhân ấy? Phải chống lại với những lễ nghi phiền phức, những hủ tục lỗi thời, những lễ tôn ti khe khắt, những sự giằng buộc chặt chẽ của gia đình, của làng xóm... cả một khối chế độ và phong tục, sản phẩm còn sót lại của thời phong kiến. Phải giải phóng cá nhân ra khỏi những vòng kim kẹp ấy; và muốn hưởng thụ ái tình theo kiểu phú hào Âu châu, thì trước hết phải giải phóng người đàn bà ra khỏi đại gia đình đã. Cần phải nêu cao quyền sống của cá nhân để kéo những cô Loan (Đoạn Tuyệt) những cô Nhung (Lạnh lùng) ra khỏi vòng ép uổng và góa bụa, và để cho các cô ấy thành ra những cô Tuyết (Đời mưa gió) dùng làm đồ trang hoàng trong những buổi dạ hội tung bưng.

Cái ý nghĩa của chủ nghĩa cá nhân, ở xứ ta, chỉ có thế. Ta không lấy làm lạ tại sao đồng thời với phong trào giải phóng cá nhân ấy đã xảy ra bao nhiêu vụ án mạng và tự sát vì tình, đã mọc ra bao nhiêu tiệm hát và nhà chứa gái đi để reo rắc nạn hoa-liều khắp mọi nơi.

Tuy vậy, đối với những tầng lớp thanh niên tiểu tư sản cả giai lẫn gái — cái khối

hiệu giải phóng cá nhân cũng đã có một hiệu lực quyền rũ rất mạnh. Sau khi những bức tường cuối cùng của văn hóa phong kiến đã bị nhém văn-sĩ tư sản kia san phẳng đi bằng một khi giới bên sắc là tinh thần trào phúng, thì những cá nhân tiểu tư sản cũng bị lôi cuốn vào phong trào lãng mạn và phóng đảng. Một phần lớn đã bị lừa vào mạng lưới tiểu gia đình theo lối tư sản, phú hào, họ đã gặp sự thiếu thốn, sự eo-óc, sự thất vọng trong khi họ muốn đi tìm ái tình và hạnh phúc. Một phần nữa ngã vào vũng bùn truy lạc để không bao giờ dậy nữa. Trong cái đám người chạy theo chủ nghĩa cá nhân để thoát ly khỏi đại gia đình, chỉ có một số ít biết dùng tự do của mình và biết mình sẽ đi tới đâu, còn thì hầu hết đều bơ vơ như con lạc mẹ cả.

Chính vì thế, mà mấy năm gần đây, ta đã được chứng kiến một hiện tượng xã hội lạ lùng. Đứng trước sự đe dọa của chiến tranh, bị sao xuyên vì những biến đổi đột ngột của thời cuộc, những tin đồn khốn khổ của chủ nghĩa cá nhân kia đã tự phản lại mình một cách tàn bạo. Một phần số — có lẽ đã mỗi một — đành cuộn tròn lá cờ giải

phòng cá nhân và quay về với gia đình, với tổ tiên, với quốc hồn quốc túy, và tìm thủ sống bằng cách đọc lại « những trang sử vẻ vang của nước nhà ». Một phần nữa, đông hơn, bị kích thích rất mạnh vì những phong trào đoàn thể ở một vài cường quốc đang dự chiến tranh (1) họ bèn tự ý thủ tiêu tất cả những quyền sống cá nhân mà xưa kia họ bao ikhát, đòi hỏi. Hầu như họ sợ hãi cái trống rỗng, cái nhợt nhạt của những đời sống cá nhân yếu đuối và trụy lạc, họ thấy cần phải tự quên mình bằng cách sát nhập hẳn cuộc đời của mình vào đời sống một đoàn thể nào. Họ sẵn lòng hy sinh cá nhân của họ, sẵn lòng tự trói buộc họ trong những kỷ luật thép, sẵn lòng vâng theo một vị thủ lĩnh cương quyết. Họ sợ phải suy nghĩ, phải quyết định, họ chán cái ý thức cá nhân, chán cái độc lập cá nhân của họ lắm rồi. Họ muốn có một cái gì to hơn cá nhân, rộng hơn cá nhân, trong sạch hơn cá nhân, thiêng liêng hơn cá nhân... để thờ kính, để phụng sự. Họ có ý muốn « tự tiêu diệt » trên bàn thờ... của một cái gì vinh quang

(1) Xin xem « Bài Nguồn sống trong đời đoàn thể » của Dương Đức Hiền nhà Lửa Hồng Hấp Hấp xuất bản 1944.

lắm. Họ cố đeo lấy cái ảo tưởng là sẽ tự hiện được bằng cá hủ tự hiến thân cho một cái gì... không phải là mình. Nhưng lịch sử đã chứng thực rằng những biên thù quốc gia ngày nay đã bị nền kinh tế thế giới phá vỡ rồi, rằng quan niệm quốc gia đang đi đến chỗ tiêu trầm.

Những người trí thức « cấp tiến » đại diện cho giai tầng tư sản xứ ta, đã mất mấy chục năm trời mới đi hết hai chặng đường, đưa tới tư tưởng dân chủ của giai tầng tư sản Âu-châu :

1.) Chặng thứ nhất từ khi đặt bảo hộ cho tới 1930.

2.) Chặng thứ hai từ 1930 tới nay.

Ở chặng thứ nhất, họ mới đi tới quan niệm xã hội. Họ hô hào lập một xã hội trong đó mỗi công dân đều cố gắng vì lợi chung. Kết quả : một số cá nhân tư sản nảy ra và chỉ nghĩ đến thỏa mãn những dục vọng riêng của mình một cách hỗn xược, tàn hại.

Ở chặng thứ hai, họ đi tới quan niệm cá nhân. Họ hô hào giải phóng cá nhân, phát buy hết các tài năng cá nhân, và mưu đồ hạnh phúc cá nhân. Kết quả : Không có

một cá nhân nào muốn sống cho riêng mình nữa, tất cả đều dôi sát nhập vào một đoàn thể.

Hai quan niệm xã hội và cá nhân đã có công rất lớn trong sự đánh lui những quan niệm phong kiến về quân quyền và đại gia đình. Tuy nhiên, về phương diện xây dựng, những người chạy theo cái tư tưởng ấy đã không gặp được những kết quả như ý muốn của họ.

Nguyên nhân của hai cuộc thất bại này, đã đánh là phải tìm ở ngay hoàn cảnh lịch sử của xứ ta, ở ngay trong vị trí và tư cách những kẻ đã lãnh nhiệm vụ phụng sự cho tư tưởng dân quyền; song biết dân ở ngay trong cái hệ thống tư tưởng kia, chẳng đã có những chỗ nhằm lẫn thiếu sót, nhưng mỗi mâu thuẫn mà ta cần phải vạch rõ ra để tránh những sự lầm lẫn có thể xảy ra về sau này?

CHƯƠNG II

Quan niệm bình đẳng

Trong tư tưởng dân chủ tư sản, quan niệm bình đẳng đi đôi với quan niệm xã hội. Nó chống đỡ cho quan niệm xã hội và hai cái sẽ cùng nhau chung một «số phận lịch sử».

Nguồn gốc quan niệm bình đẳng. —

Quan niệm bình đẳng không phải là một quan niệm «muôn thưở» của loài người.

Chúng ta đều biết rằng ở thời thạch khí, khi loài người còn chung sống trong những bầy hỗn độn, chưa có tổ chức rõ rệt, thì ý thức cũng chưa phát sinh, nghĩa là con người chưa thể quan niệm được

cái gì cả (1). Đó là thời « cộng sản nguyên thủy » (communisme primitif) trong thời đó có lẽ sự giao hợp cũng còn hỗn độn (promiscuité sexuelle).

Khi loài người đã biết hợp thành những thị tộc (clan) có tổ chức ít nhiều, khi loài người bắt đầu có ý thức, thì đoàn thể đã bắt buộc phải phân ra mấy hạng người rồi (2) sự chênh lệch đã có rồi; vậy cái ý niệm đầu tiên của con người chỉ có thể là một ý niệm về sự chênh lệch một ý niệm bất bình đẳng.

Cái ý niệm này lại càng thêm rõ rệt khi các bộ lạc (một bộ lạc là gồm nhiều thị tộc) hay tranh đánh nhau, chém giết

(1) Về sự phát triển của ý thức con người, xin xem cuốn Văn minh sử của Ng. bách Khoa đã giải thích rõ ràng.

(2) Về điểm này, một nhà xã hội học Đức Engels đã giải thích rất hợp lý: « Khi tất cả mọi người trong đoàn thể đều làm lụng mà không đủ kiếm ra số đồ ăn đủ dùng cho tất cả, khi sự lao động hết hoặc gần hết tất cả thì giờ của hầu hết mọi người, khi ấy tất phải có một thiểu số được phân công ủy thác cho những công việc quản trị đoàn thể.... Họ không phải làm

(Xem tiếp trang 36)

nhau để dè nèn nhau. Ở thời thượng cổ Hy-lạp, chế độ nô lệ đã thành hình hẳn; và ngay hiền triết Aristote cũng cho rằng đó là một sự chênh lệch dĩ nhiên: phải có những kẻ nô lệ để làm những công việc hèn hạ thì người thương lưu trí thức mới có thời giờ để đi tìm chân lý và đạo đức.

Nuốt trong thời kỳ trung cổ phong kiến cái ý niệm bất bình đẳng vẫn bền chặt trong đầu óc mọi người; ngay Giáo tông giáo cũng chỉ biết nêu ra cho những kẻ bị áp bức trong thực tế một hy vọng bình đẳng ở thế giới bên kia (sau khi họ chết đi rồi). Đã đành rằng giai cấp quý tộc và giai cấp tăng lữ không hề bao giờ quan niệm sự bình đẳng, mà ngay

việc lao động, họ đứng ở trên để trông coi những người lao động ».... Sau khi đã chứng thực điều này trong lịch sử, Engels lại chứng tỏ rõ ràng rằng trong giai đoạn cực thịnh của văn minh tư bản (từ cuối thế kỷ XIX), kỹ thuật lao động của xã hội đã thừa sức cung cấp phẩm vật cho toàn thể nhân loại; công việc quản trị kia không cần phải giao cho một lớp người riêng biệt được đặc thù đặc quyền nữa. Quyền quản trị xã hội, các phần tử lao động sẽ có đủ thì giờ mà tự cáng đáng lấy.

đến những kẻ nông nô đã sống một cuộc đời như súc vật — theo lời La Bruyère — cũng không bao giờ biết phần uất vì địa vị nông nô của mình.

Mãi đến thế kỷ thứ XVI, khi có một bọn nông nô được giải phóng, ra buôn bán ở bên ngoài thái ấp của các địa chủ quý tộc, tụ tập ở các thị xã độc lập (commune) kiếm được nhiều tiền và được những người quyền quý nể vì, lúc bấy giờ cái ý niệm bất bình đẳng mới dần dần lui đi. Và đồng thời, họ bắt đầu thấy tức giận, thấy công phần thấy trái lẽ trời khi họ bị bọn quý tộc cướp bóc tài sản hoặc làm ngán trở sự buôn bán giao dịch của họ. Họ thấy rằng nếu cứ ở vào một tình cảnh chênh lệch như thế này thì không thể nào làm ăn được. Họ muốn tìm một lý lẽ gì vững chắc để dễ nâng đỡ, dễ thỏa mãn cái lòng khao khát của họ ; và nhất là họ muốn tìm ra một cái gì để bảo đảm cho những tài sản lợi lộc của họ.

Thế kỷ XVIII, có những người xuất thân trong đám lê dân uất ức, nhưng nay nhờ sự phú túc cũng được học hành. Nhờ những sách khoa học, triết học, lịch sử của Hy Lạp, La mã, họ thành sáng suốt và mạnh.

ran. Một người đã dám viết : « Từ trước đến nay, và từ nay về sau, không bao giờ tôi cần phân biệt những ngôi thứ, những địa vị, những sự chênh lệch bề ngoài, bởi vì dù ở trường hợp nào thì ta cũng vẫn chỉ thấy có những con người như nhau thôi : anh giàu cũng như anh nghèo chỉ có một cái dạ dày thôi và cũng chỉ tiêu hóa nổi một số cơm gạo nào thôi ; anh chủ cũng như anh tớ, cũng chỉ có hai tay thôi và hai tay cũng chỉ dài đến một chừng nào thôi ; một ông lớn với một ông thường dân thì cũng chỉ cao san, san nhau thôi. Bất cứ người nào cũng chỉ có ngàn ấy nhu cầu tự nhiên thôi, vậy thì ai cũng như ai, cũng phải có đủ cách để mà tự thỏa mãn bằng nhau ». (J. J. Rousseau — *Emile* — thiên III).

Vậy thì, theo luật thiên nhiên (tức là luật của đức Chúa Trời, đặt ra) tất cả mọi người đều bình đẳng, đều có những quyền lợi như nhau. Nhưng làm thế nào, mà thì hành được cái luật thiên nhiên ấy bênh vực được quyền lợi thiên nhiên của mình ? Phải hiểu rằng đoán thế loài người ngày nay sẽ đã có,

là vì xưa kia, những cá nhân sống rời rạc, lẻ loi, đã sớm hiểu cái lợi ích của sự hợp quần và đã cùng nhau ký kết hợp đồng để cùng nhau mưu sống (1). Nay cần phải lập, phải bầu một ban quản trị có tài cán để thi hành cái khoán ước kia. Ban quản trị ấy sẽ thay mặt cho tất cả đoàn thể, tất cả hội. Tất cả mọi người sẽ là xã hội, và ban quản trị sẽ là chính phủ. Ban ấy có nhiệm vụ bênh vực những quyền lợi thiên nhiên (2) của các hội viên (toàn thể công dân), và các hội viên sẽ có bổn phận phải tuân theo thượng lệnh của

(1) Đây là thuyết Dân ước (Contrat social) của Rousseau; ông Nguyễn Bách Khoa đã phê bình trong cuốn « Nguồn gốc văn minh », ở chương nói về sự thành lập của xã hội.

(2) Trong bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (Déclaration des droits de l'Homme et du citoyen) của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789, điều thứ nhất là: « tất cả mọi người từ lúc sinh ra cho đến suốt đời đều tự do và bình quyền ». Và năm 1791, trong hội nghị lập hiến (Assemblée constituante) dân biểu Target sẽ nói: « Tất cả nguyên cơ những sự khổ đau của dân chúng cùng sự đổ vỡ của các chính phủ là tại: không biết hoặc quên, hoặc coi thường Nhân-quyền (quyền tự do và quyền bình đẳng) ».

họ, nhưng cũng lại có quyền kiểm sát những hành vi chính trị của họ.

2) Những kết quả của quan niệm bình đẳng. — Như ngọn lửa đã bắt vào đám cỏ khô, quan niệm bình đẳng khi đã do các nhà trí thức tạo thành bình rồi (1) lan rất mạnh vào mọi tầng lớp xã hội. Giai cấp phú hào hưởng ứng mạnh nhất vì đó là một khí giới rất mạnh để chống với sự hà hiếp của quý tộc ; trong giai cấp quý tộc cũng có những phần tử bất bình nhảy sang mặt trận bên này và muốn san phẳng hết những mối bất công chênh lệch trong xã hội ; hai bọn kia bên lôi kéo cả những tầng lớp nông dân và thợ thủ công là những người cùng mang chung một mối hận đối với uy quyền phong kiến.

Chúng ta đều biết rằng cả cái khối người cầm hòn ấy, dưới quyền lãnh đạo của giai cấp tư sản, đã làm cuộc cách mạng Pháp năm 1789, và đã lật nhào chế độ phong kiến, và kéo đổ luôn cả chính thể quân chủ xuống nữa.

Không những cuộc cách mạng ấy đã

(1) Voltaire — Montesquieu — Diderot — và các nhà học giả trong nhóm Bách-khoa (encyclopédistes).

giải thoát nước Pháp ra khỏi gông cùm phong kiến, mà cái tư tưởng Nhân quyền và Dân quyền của Pháp lại còn vang dội ra khắp Âu châu và khắp thế giới nữa (1). Tuy rằng cái tư tưởng ấy không phải là nguyên nhân những cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở khắp thế giới, song đó cũng là một lực lượng tinh thần đáng kể. Ngoài ra cái quan niệm bình đẳng tuyệt đối còn dự một phần lớn vào những cuộc vận động tiêu trừ chế độ nô-lệ ở Mỹ, ở Nga, vận động xóa bỏ những sự phân biệt chênh lệch giữa các giống khác

(1) Cuộc đại cách mạng Pháp có ảnh hưởng đến cả khắp các dân tộc khác. Những nước còn theo về chính thể chuyên chế, cũng đã hết sức cố gắng chống lại, nhưng sau đều phải chịu hết. Nước Thụy sĩ (Suisse) trước là gồm vô số những nước cộng hòa nhỏ theo về chính thể quý tộc (républiques aristocratiques) sau cũng thành một nước liên bang theo về chính thể dân chủ. Các thuộc địa cũ của Tây-ban-nha, Bồ-đào-Nha ở Nam-mỹ cũng lập thành nước dân chủ cả. Những xứ bị Thổ-nhĩ-kỳ áp chế đã thành quận huyện của Thổ đế quốc như Grèce, Roumanie, Serbie, Bulgarie đều thoát ly được hết và trở thành nước độc lập cả. Nước Anh từ khi đổi lại luật

(Xem tiếp trang 42)

màu da, vận động, giải phóng họ thuyền và nông dân ra khỏi vòng ngu dốt khổ sở. Trong suốt nửa trên thế kỷ XIX, một phong trào nhân đạo rất mạnh mẽ đã tự Pháp lan đi khắp bốn cầu; các khẩu hiệu bình đẳng và tự do làm cho nước Pháp nổi tiếng là một nước trọng dân quyền, yêu lý tưởng và yêu nhân loại.

Quan niệm bình đẳng bắt nguồn ở một ý muốn gặt gao của một lớp thương-

hầu cử năm 1832, 1867, 1884; nước Ý, nước Bỉ, nước Hòa-lan, nước Tây-ban-nha, nước Thụy-điển, nước Na-uy, tuy còn là nước quân chủ, nhưng chỉ có tên quân chủ mà thôi chứ thực là theo chế độ dân chủ cả... Từ cuộc chiến tranh năm 1914-18, nước Đức cũng đã đổi ra chính thể dân chủ. Các nước mới thành lập từ sau chiến tranh đến giờ như Ba-lan, Tiệp-khắc đều theo về chính thể dân chủ hết. Đến hai cái lão đại đế quốc trong thế giới là nước Tần và nước Thổ cũng đã được nền quân chủ mà đổi ra dân quốc từ khoảng trước sau năm 1912. Cho chí nước Nga xưa nay vẫn coi là cái thành quách rất kiên cố của phái quân chủ, thế mà cổ trong khoảng 10 năm tự chính phủ quân chủ tuyệt đối đổi ra chính phủ dân chủ cực đoan... » PHẠM QUỲNH.

(Văn minh luận trang 53-54)

nhân bị áp bức, nay đã nghiêm nhiên biến thành một luồng tư tưởng trong sáng, mạnh mẽ lôi kéo được hàng triệu người lên con đường tranh đấu vẻ vang. Đó là ở thời kỳ đẹp đẽ nhất của chủ nghĩa tư bản.

Nhưng, trong khi những lớp sóng người cuộn cuộn từ những hạ tầng xã-hội vùng thức dậy, để thấy rằng mình cũng là người và cũng bằng người, thì bánh xe lịch sử vẫn quay theo cái đà của nó. Đến giữa thế kỷ XIX, giai cấp tư bản, nhờ thương mại và công nghệ phát triển, đã trở nên giàu có, sức tích lũy và chiếm địa vị ưu thắng vững vàng trong các nước dân chủ. Dùng sức mạnh của đồng tiền, những bọn lái buôn khôn khéo khi xưa, nay đã đập nhào các nhà quý tộc phong kiến, các vị vua chúa, đã nghiêm nhiên đóng những vai chủ nhân ông trên thế giới và sống một cuộc đời rất huy hoàng lộng lẫy. Đồng thời, trên nền tảng xã hội tư bản mới thành lập, sự phân chia giai cấp lại biến ra một trạng thái khác. Ở xung quanh những mỏ than, mỏ sắt, những xiềng dẹt, xiềng máy, xiềng chế tạo các chất hóa học, những hiệu buôn đồ sộ, những công tác vĩ đại, những

nơi đô thị và hải cảng lớn, có hàng vạn, hàng triệu người, đàn ông, đàn bà, trẻ con tụ tập. Những người này vì sinh kế thúc bách, vì phong trào chính trị hấp dẫn, đã rời bỏ gia đình, làng mạc và đã xung vào các đội quân tiên phong để phụng sự giai cấp tư bản. Nay họ sống chen chúc ở trong những xiềng thợ đông đúc, những căn nhà chật hẹp, làm lưng vất vả, ăn uống khăm khổ, lại không có bảo đảm chắc chắn gì cho ngày mai. Bên cạnh một thiểu số giàu có và quyền thế, họ là một đám đông nghèo nàn, sợ sệt, yếu đuối.

Trong tình cảnh ấy, những người có tư tâm trong phái phủ hảo cũng phải động lòng trắc ẩn và ước ao một vài điều cải cách; lại có người (Victor Hugo trong bộ « Những kẻ khốn nạn » đã cả tiếng công kích xã hội (?) cho rằng chính xã hội đã xui ra như thế. Và tất cả mọi người đã bắt đầu hoài nghi những nguyên tắc to lớn mà người ta đã hô hào tán thưởng trong một thời kỳ sôi nổi. Cái quan niệm bình đẳng của các nhà tư tưởng ở thế kỷ XVIII, đem đối chiếu với thực tế, thấy rằng không đúng. Khi mà có những người nằm trong tay không biết bao nhiêu nhà máy, đồn điền, và hầm mỏ

bên cạnh những người « trăn » chỉ có hai bàn tay lao động ; khi mà trong những tòa án chỉ có những người có tiền mới thuê được thầy kiện để bênh vực cho mình, khi mà chỉ ở trong giai cấp phú hào người ta mới có đủ điều kiện để biểu thế nào là văn chương, là nghệ thuật, là khoa học... thì « những quyền bình đẳng thiên nhiên của con người » chỉ là những ảo-tưởng. Sự chênh lệch giữa loài người, ngày nay, trái lại, lại rõ rệt, lại gai chướng gấp bội phần khi xưa. Loài người đã chia hẳn ra hai phe cứu địch : một bên là một dóm cá nhân tư bản giàu có tham lam và quyền thế, một bên là đại đa số dân chúng bị vô sản hóa và nô lệ hóa một cách rất khôn khéo.

Do đó, người ta nhận ra ngay rằng xã hội không phải là một cái công ty, một cái hội buôn mà các hội viên cùng chia việc đều nhau và chia lãi đều nhau. Và không làm gì có « con người », mà có những người, có nhiều hạng người phân chia ra từng giai cấp khác nhau tuy rằng những người ấy cũng thuộc vào một đoàn thể cả. Tuy rằng bây giờ không xảy ra những sự hà hiếp bóc lột dã man như ở thời phong kiến nữa, tuy rằng trong

các sách vở, trong các đầu óc không còn có cái nghĩa tồn tại mãi như xưa, nhưng cái trật tự của đoàn thể loài người bây giờ vẫn chỉ là một cái trật tự cưỡng ép, gay go. Ngoài cái công chổng phong kiến của nó trong lịch sử ra, những quan niệm về xã hội và bình đẳng của các nhà trí thức tư sản đã mất hết giá trị rồi.

Đó là một sự thật mà chúng ta không thể phủ nhận được. Nhưng nếu chúng ta nhìn sâu hơn vào vấn đề này, chúng ta sẽ thấy rằng cái trật tự cưỡng ép này không phải là một thứ gì đó hoàn toàn mới mẻ, mà nó chỉ là một sự biến đổi của cái trật tự cũ. Cái trật tự cũ là một trật tự dựa trên sự phân chia giai cấp, trong đó một thiểu số nắm quyền và bóc lột đa số. Cái trật tự mới là một trật tự dựa trên sự phân chia giai cấp khác, trong đó một thiểu số nắm quyền và bóc lột đa số khác. Nhưng bản chất của nó vẫn là một trật tự cưỡng ép, gay go. Và đây chính là lý do tại sao những quan niệm về xã hội và bình đẳng của các nhà trí thức tư sản đã mất hết giá trị rồi.

CHƯƠNG III

Quan niệm tự do

Quan niệm tự do cũng là một cột trụ trong hệ thống tư tưởng dân chủ tư sản. Hơn cả quan niệm bình đẳng trên kia, nó biểu lộ rõ rệt những tính cách của cái giai tầng đã nêu nó lên thành một lý tưởng tuyệt đối cho tất cả nhân loại.

Thế nào là tự do? — Xem trong lịch sử, ta thấy rằng từ lâu lắm, đã có những đoàn người hằng nổi loạn trong khi phản uất vì tình cảnh bó buộc của mình. Ví dụ những cuộc nổi loạn của dân Ai-cập thời thượng cổ trong khi phải đầy đọa làm lụng để xây những kim tự tháp cho

các vua Pharaon ; những cuộc nổi loạn của nông dân Tàu ở thế kỷ thứ VII, những cuộc giết người đốt nhà của nông dân Pháp thời trung cổ (jacquerie) v... v... Nhưng thực ra những đoàn người khốn khổ kia cũng chưa có ý thức gì về trạng thái bó buộc của mình. Chẳng qua vì đói khổ quá, họ đã phản động lại một cách « thú vật » mà thôi. Bị ngập ở một trình độ sinh hoạt thấp kém, họ chưa hề có ý niệm gì về tự do cả ; trái lại họ lại yên trí rằng sự tôn ti, sự sợ hãi những bậc vua chúa, là một lẽ dĩ nhiên, do Trời sinh ra như thế.

Lần đầu tiên, ý niệm tự do phát sinh ra trong đầu óc một tên nô lệ : Epictète. Nhưng Epictète cũng không hề dám nghĩ tới sự giải thoát khỏi cái địa vị nô lệ của mình. Triết nhân ấy chỉ vui sướng nhận thấy rằng những bậc cao sang, bậc vua chúa thường hay bị thúc phọc, bị sai khiến, bị hành hạ bởi những dục vọng mãnh liệt của cơ thể họ. Họ mê mẩn vì đàn ca, họ say sưa vì rượu thịt, họ đắm đuối vì nhan sắc. Trái lại, Epictète, tuy thân là nô lệ, nhưng tâm hồn ung dung, sáng khoái, muốn sao được vậy (bản chỉ muốn có một

tâm hồn thuần túy), không bị những thị dục hỗn loạn làm cho xáo trộn.

Cái ý niệm tự do này, về sau sẽ làm khởi điểm cho cả một chủ nghĩa (théorie du libre-arbitre) kéo dài mãi đến tận cuối thế kỷ XIX (qua Descartes — Malebranche — Kant...) Tuy vậy, ngay từ thế kỷ XVII, Spinoza đã đánh vào chủ nghĩa ấy một « đòn » rất nặng. Spinoza cho rằng sở dĩ con người thấy mình tự do như vậy, là vì mình ngu tối không trông thấy những động lực nó quyết định ngay cả « tâm hồn » của mình nữa. Ngày nay, chủ nghĩa tự do ý chí chỉ còn có một ý nghĩa tôn giáo mà thôi : chỉ có những kẻ nào thấy mình là một linh hồn, một điểm linh quang của Thượng-đế, vượt hẳn ra ngoài những phép tắc của thế giới vật chất này, thì mới còn ảo tưởng là « bất cứ ở địa vị xã hội nào, mình cũng có thể tự do được ».

Cái quan niệm tự do ngày nay chúng ta thừa nhận được của các nhà tư tưởng cách mạng ở thế kỷ XVIII, khác hẳn. Nguyên nhân của quan niệm tự do mới này, phải tìm ở ngay trong lịch sử cuộc giải phóng của giai tầng tư sản Âu châu. Ta đã biết rằng, bắt đầu từ thế kỷ XVI trở đi, sự

thương mại của những người « bourgeois » (tụ tập ở các nơi thị xã gọi là commune) đã phát đạt rất nhiều. Họ cần phải được đi lại dễ dãi khắp trong xứ và trong lục địa để chuyên chở hàng hóa và giao dịch với các nhà tiểu công nghệ. Nhưng, ở tình trạng bán nô lệ của họ, họ vấp phải sự ngăn cấm gắt gao của những nhà địa chủ quý tộc (mỗi địa chủ có một giang sơn riêng với những biên giới đóng kín). Họ thấy bị bó buộc không làm ăn được, mà họ thì lại cần phải được rộng rãi để kinh doanh, để làm giàu. Một mặt nữa, trình độ sinh hoạt của họ đã được nâng cao lên rất nhiều. Họ cũng lại thấy những nghi lễ khắc khổ của Gia-tô giáo giàng buộc họ, không cho họ được hưởng những thú sống đầy đủ mà đã khám phá ra khi được trực tiếp với bọn quý tộc — một bọn quý tộc suy tàn đang trút hết sinh khí của mình vào sự ăn chơi bừa bãi.

Chính những sự bức-rọc ấy (ở phạm vi kinh doanh và ở phạm vi sinh hoạt) đã làm nảy ra ở bọn người « bourgeois » một ý thức cá nhân mới, khác hẳn cái ý thức cá nhân hoàn toàn phục tòng của bọn nông nô. Cái cá nhân « bourgeois » này — trong

một hoàn cảnh kinh tế thuận tiện — muốn bứt phá những xiềng xích phong kiến đang trói buộc nó. Nó vận động để tự giải phóng. Về mặt kinh tế, khẩu hiệu giải phóng là : « *Để cho tự do làm, để cho tự do đi lại* ». (1) Và để thay vào cái mẫu sống chật hẹp khắc khổ của những kẻ tu hành đời phong kiến, nay mới nảy ra một lý tưởng sinh hoạt rất phong phú, rất bạo rạn. Nhà văn Pháp Rabelais đã được giai cấp tư sản ở thế kỷ XVI hoan nghênh nhiệt liệt, vì Rabelais đã ca tụng sự thỏa mãn của con người ở các phương diện (thể chất, tình cảm và trí thức). Châm ngôn Rabelais nêu ra : « *Mi hãy làm tất cả những cái gì mi thích* » (2) đã phản chiếu rất trung thành cái ý muốn tha thiết của những kẻ đã có ý thức về sự nô lệ của mình.

(1) « *Laisser faire, laisser passer* ». Khẩu hiệu này là để chống hai cản trở ; một là những công đoàn (corporation) bó buộc người thợ trong những khuôn sáo cũ, và làm tan rụi hết cả những sáng kiến công nghệ ; hai là những ranh giới giữa các thái ấp của địa chủ quý tộc ngăn trở sự thông thương.

(2) *Fais tout ce que tu voudras.*

Nhưng làm thế nào để thực hiện được ý muốn kia? Thế nào là tự do?

Thật thực hơn Epictète, người bourgeois ở thế kỷ XVIII không hề tưởng tượng đến một cái tự do tuyệt đối vô hình vô ảnh nào. Họ thấy cần phải đánh đổ những nhà quý tộc phong kiến vẫn trói buộc họ, thâu tóm họ, hành hạ họ. Voltaire cho rằng: « *Được tự do lúc là chỉ vâng theo cơ pháp luật* » (1) Cái ý kiến này là ý kiến chung của giai tầng tư sản, họ đã quan niệm một xã hội thành lập do một bản dân ước, để thay vào cái quan niệm cũ cho rằng một nước là quyền sở hữu của các bậc vua chúa. Muốn được rộng quyền sinh hoạt, họ đã tự ý bỏ buộc mình trong giới hạn của một mô pháp luật và bắt tất cả mọi người cũng phải theo như thế. Họ đã « *tìm ra một cách hợp đoàn có đủ sức mạnh để bênh vực từng cá nhân và gìn*

(1) La liberté consiste à ne dépendre que des lois

(2) Cái ý kiến này của Rousseau về sau nhà triết học Đức, Kant sẽ diễn lại trong một nguyên tắc luân lý. « Trong một xã hội do những người lập ra, ta phải cư xử vừa như một nhà lập pháp vừa như một người công dân. »

giữ tài sản cho hẳn; và trong cái hội liên hiệp ấy, người nào cũng được tự do vì chỉ phải vâng theo có điều lệ của hội, những điều lệ mà chính mình đã đặt ra » (Rousseau).

Nhưng thế cũng chưa đủ. Ngoài bọn quý tộc ra, còn có sự áp bức của bọn tăng lữ độc đoán và tham lam, còn có sự áp bức của những gia-trưởng chuyên chế, còn có những hủ-tục rất phiền phức. Những thứ này vẫn còn kìm hãm cá nhân bourgeois không cho thỏa mãn những dục vọng tha-thiết (những quyền tự do thiên-nhiên bất khả xâm phạm). Vì vậy, ta sẽ thấy rằng : những cá nhân « bourgeois » còn đi xa hơn Voltaire và Rousseau về nẻo tự do. Ta sẽ thấy trong bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền :

Ở điều thứ 4. — « Quyền tự do cho phép ta làm tất cả những cái gì ta muốn, miễn là cái điều ta làm đừng hại gì đến người khác ».

Ở điều thứ 5. — « Pháp luật cũng chỉ có thể cấm ta được những điều xét ra có hại cho người khác. Cái gì mà pháp luật không cấm, thì không ai được ngăn trở ta.... »

Coi vậy thì xã hội chỉ là một cái cơ quan, một cái hội đặt ra để bảo vệ quyền lợi (tài sản sinh mệnh) cho các hội viên (công dân). Ngoài ra, còn có một phạm vi hoạt động của cá nhân không can thiệp gì đến xã hội cả, mà xã hội không kiểm soát được. Mỗi cá nhân « bourgeois » là một cái linh hồn độc lập; nó có những dự vọng, những năng khiếu riêng biệt mà chỉ tự nó, theo ý nó, mới có thể làm nấy ra đầy đủ được. Mỗi cá nhân sẽ có một đời công (trực tiếp với xã hội để bảo vệ quyền lợi) và một đời tư (hoạt động ở ngoài giới hạn ngăn cấm của xã hội để tự thực hiện).

Trước khi phê bình cái quan niệm tư sản về tự do cá nhân này, ta hãy bình tĩnh xét giá trị của nó trong lịch sử.

Giá trị của quan niệm tự do. Quan niệm tự do có một giá trị lịch sử rất lớn.

Sau khi cuộc cách mạng tư sản Pháp thành công (1789) quan niệm tự do đã biến thành một lý tưởng vô cùng mạnh mẽ.

Nêu cao lá cờ Tự do, từng đoàn quân cầm tử (1793) đã liều mạng xông pha tên đạn để chống với những nước láng

giềng còn cô hám lấy lên quân chủ phong kiến. Nhờ ở tinh thần chiến đấu rất mạnh (chiến đấu vì tự do) những đội quân cảm tử kia đã đem lại sự toàn thắng cho nền dân chủ Pháp và khiến cho toàn cõi Âu-châu phải khiếp sợ.

Ở trong nước, những nhà cách mạng cũng kéo cờ Tự do để lần lượt xô ngã hết những thành lũy của chế độ phong kiến : tôn giáo, vua, và đại gia đình ; nhân danh tự do của dân chúng, họ đã xua công những tài sản súc tích của bọn tăng lữ ; nhân danh tự do của nước Pháp, họ đã xử trảm hoàng đế Louis XVI ; nhân danh tự do của cá nhân, họ đã ra những đạo luật để giảm bớt quyền hành những gia trưởng.

Mỗi cá nhân từ nay sẽ thoát ra khỏi sự áp-chế của quý-tộc, của tăng lữ, của đại gia đình ; nó sẽ có đủ những quyền tự-do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp... là những điều kiện cần thiết cho sự phát bầy cá tính và sự tiến bộ chung của cả xã hội.

Bất cứ về phương diện nào, cá nhân cũng sẽ hoàn toàn tự do. Trong giáo dục, người ta sẽ không nhét vào đầu óc đứa

trở những mở trí thức truyền lại từ ngàn xưa ; người ta sẽ dạy nó quan sát, suy xét để tự ý nó chọn lọc những điều gì hợp với nó (1).

Trong văn chương, mấy chục năm sau khi cách mạng thành công, các nhà văn sẽ nhận danh tự do để lật nhào văn học cổ điển của thế kỷ XVII, và nêu ra một thứ văn chương mới « rào rạt tình cảm » để giải phóng hết những bản năng tiềm tàng của cá nhân (phong trào lãng mạn).

Trong học thuật, về duy lý thực nghiệm của cá nhân tư sản sẽ càng đi sâu vào con đường phá hoại những xiềng xích của một cái học vụ sách vở và hình thức hẹp hòi : kinh viện học còn sót lại của thời phong kiến, và khoa học càng tiến bộ, càng khám phá ra những định luật phát triển của thế giới tự nhiên, thì tinh thần con người càng thêm vững vàng, độc lập, tự do (2).

(1) Trong cuốn *Emile*, J. J. Rousseau đã nêu ra một phương pháp giáo dục tự do kiểu mẫu của cá nhân tư bản.

(2) Thủy tổ khoa học thực nghiệm là Bacon đã nêu ra một nguyên tắc để giải phóng con người

(Xem tiếp trang 57)

Trong suốt thế kỷ XIX, cho sang tới đầu thế kỷ này, quan niệm tự do vượt khỏi biên giới Pháp, gây nên ở khắp các xứ những phong trào chính trị rất mãnh liệt (phong trào giải phóng dân tộc) ở khắp các xứ trên hoàn cầu. Lý tưởng tự do đã thành ra thần tượng của thế kỷ XIX (1). Riêng về phần nước Nga, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản đã gây ra một phong trào đặc biệt gọi là « Hoài nghi chủ nghĩa », nihilisme. Nihilisme tức là cuộc chiến tranh của cá nhân tư sản chống với những giàng buộc phong kiến. Nhưng ở Nga, cái phong trào chống phong kiến ấy rất đau đớn và khó nhọc, vì chế độ phong kiến rất mạnh

ta khỏi sự áp chế của thế giới thiên nhiên. « Muốn sai khiến được thiên nhiên, thì phải biến những định luật của nó ».

Và Hegel cũng cho là : « Còn thấy bị bó buộc tức là chưa hiểu vậy » ý nói rằng phạm việc gì nếu ta không hiểu rõ, thì ta thấy nó có tính cách chuyên chế áp bức. Ta làm một cách liên lỉn mà lòa không tự do.

(1) Năm 1886 nước Pháp tặng Hoa-kỳ một pho tượng bằng đồng cao 46 thước đặt tên là Thần Tự do soi sáng thế giới (La liberté éclairant le monde). Pho tượng này hiện vẫn đứng ở New-York.

và thế lực tư sản yếu hơn ở các nước Âu châu nhiều. Thành thử ra những đảng viên nihiliste, nhiều lúc tuyệt vọng vì bất lực hay đi đến những hành động liều lĩnh quá khích. Nguyên nhân là vì ở một tình trạng áp bức quá, quan niệm cá nhân của họ lại cực đoan hơn ở Âu châu nhiều. Một đại biểu của phái nihiliste đã viết: « Đối với chúng tôi, con người (tức là cá nhân) ở trên hết thầy mọi sự » (ở trên cả xã hội) (1)

Quan niệm cực đoan này sẽ đưa bọn thanh niên này đến chủ nghĩa phá hoại triệt để (anarchisme) và đến sự bạo động thích khách (terrorisme individuel) rất sai lầm và nguy hiểm.

Nói tóm lại, trong khi giai tầng tư sản đang đi tới để lĩnh sử mệnh lịch sử của nó (đánh đổ giai cấp quý tộc và cải tạo xã hội) thì lý tưởng tự do rất mạnh mẽ đã phụng sự đầy đủ cho cá nhân tư sản. Được tự do làm giàu, nó đã từ địa vị một anh lái buôn bán nô lệ trở nên thành những ông vua kinh tế; được tự do tư tưởng, nó đã đánh lui tôn giáo và tạo ra khoa học;

(1) Tchernychevsky do Alexinsky dẫn ra trong cuốn: « Nước Nga mới ».

được tự do ngôn luận, nó đã « sản » ra hàng rừng sách vở và báo chí để tỏ rõ cái sinh lực của nó ; được tự do hành động, nó đã sai khiến được các sức mạnh thiên nhiên, và đặt chân lên vai cả toàn thể đồng loại. Ngoài ra, trong khi lật nhào chế độ phong kiến để tự giải phóng, giai cấp tư sản đã giải phóng luôn cả cho những lớp thợ thuyền nông dân, kéo họ vào công cuộc kiến thiết xã hội mới. Và ngay khi nêu ra khẩu hiệu giải phóng dân tộc để đi chinh phục những nước hậu lạc, để đưa họ ra khỏi những xiềng xích phong kiến, giai cấp tư bản cũng đã đóng một vai trò cấp tiến. Ở giai đoạn này những lý tưởng công bằng, tiến bộ, tự do... vẫn còn muôn phần tốt đẹp.

3) Mặt trái của quan niệm tự do. — Nhưng bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa tư bản đã toàn thắng ở khắp các nước, khi kẻ thù chính của nó là chế độ phong kiến đã bị tan rã hết lực lượng rồi, khi giai cấp tư bản đã nghiêm nhiên thành chủ nhân ông của thế giới, những tư tưởng và hành vi của nó đã có chiều đổi khác.

Trong phạm vi kinh tế, khẩu hiệu tự do làm giàu đã đẩy nó đến những sự bóc lột rất tàn ác để kiếm lợi. Cá nhân tư sản không còn cần cù, còn tiết kiệm như hồi mấy thế kỷ trước nữa, nó đã sinh ra kiêu dâm, phong đăng, truy lạc. Long tham của nó đã không có bờ bến nào nữa; muốn được thỏa mãn, bắt buộc nó phải tranh nhau, đánh nhau với những cá nhân tư sản khác cũng tham lam, cũng ích kỷ như nó. Cái tâm lý ấy, xét kỹ ra cũng chỉ là kết quả của một nền kinh tế gây nên do sự tập trung tài sản của cả loài người ở trong tay một thiểu số. Với tình trạng kinh tế ủng hộ chế ấy và tâm lý phong đăng ấy, giai cấp tư sản đã gây ra những tội ác ghê gớm.

a) Nó đã bóc lột rất tàn nhẫn những thợ thuyền và nhân công phải phụng sự cho nó để kiếm ăn.

b) Nó đã gây ra những cuộc chiến tranh kinh khủng hy sinh cả tài sản và sinh mạng của dân chúng chỉ cốt để mưu lợi cho riêng nó.

c) Nó đã phủ nhận, đã dấu diếm, đã xuyên tạc hết cả những lý tưởng đẹp đẽ mà xưa kia nó phụng sự. Nhiều lúc, nó

lại muốn phục hồi những thế lực thần bí và tôn giáo để kéo lùi dân chúng vào vòng mê muội dễ dễ bóc lột họ.

Nhưng đồng thời với sự truy lạc của giai tầng tư bản, ngay trong những xã hội do tư bản chỉ huy đã nảy ra một loạt người mới, tụ tập ở trong các xưởng máy, chuyên bán sức lao động để sống một cách rất thiếu thốn khổ sở (giai cấp vô sản). Loạt người này, xưa kia vốn là bạn đồng ngũ với giai cấp tư bản trong trận đánh nhau chung với giai cấp quý tộc cũ. Người vô sản đã thành thực và háng hái tin tưởng những lý thuyết cách mệnh của người tư bản nêu ra.

Nhưng rồi sau họ không khỏi buồn rầu và tức giận khi thấy rằng bạn đồng ngũ kia đã không thật lòng. Ở chương trên ta đã thấy giá trị của quan niệm bình đẳng. Ở đây ta cũng sẽ rõ cái mặt thực của lý tưởng tự do đối với những cá nhân không phải là những cá nhân tư bản. Trong bao nhiêu thứ tự do mà chính phủ tư bản nêu ra: tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp người vô sản thấy mình không được hưởng một thứ nào cả.

Kết cục người vô sản thấy rằng mình cũng

với đa số đều đã bị lừa dối. Và ở tầng trên, cá nhân tư sản càng phát triển được tự do bao nhiêu thì ở đây những cá nhân vô sản lại càng bị bó buộc vào một cuộc sống vô cùng chật hẹp; bao nhiêu những đặc tính riêng biệt của họ sẽ mờ nhạt đi hết, họ chỉ còn là những cái răng cưa, những cái bánh xe trong một guồng máy, *giống nhau như đúc* (1). Họ bắt đầu hiểu rằng con người — họ lấy ngay họ ra làm thí dụ — không phải là một cái gì thiêng liêng cao quý có những quyền tự do và bình đẳng thiên nhiên bất khả xâm phạm. Cái quan niệm một cá nhân siêu hình kia — một linh hồn biệt lập ở ngoài xã hội — không phải là sự thực, là chân lý mà chỉ là một giả thuyết đặt ra để phụng sự những con người tư bản...

Sang những chương sau, chúng ta sẽ tìm đến những quan niệm mới mẻ về cá nhân và xã hội khác hẳn với quan niệm

(1) Trong cuốn « L'homme, cet inconnu » bác sĩ A. Carrel đã phân tích rất nhiều về tình trạng trụy lạc này của bọn người vô sản, mà bác sĩ gọi là người « đúc khuôn » (homme standard).

cá nhân tư bản và xã hội tư bản. Ở đây ta chỉ cần nhận rằng: từ mấy chục năm nay từ sau cuộc chiến tranh 1914 — 1918, giai cấp tư bản cũng đã thấy rõ cái nguy cơ của một lý tưởng tự do cá nhân đưa lên cao quá. Nó thấy rằng sự buông trôi thả lỏng quá trong sự làm giàu cũng như trong sự ăn chơi sẽ đưa nó đến sự băng hoại. Chiều theo khuynh hướng mới của "phần tử vô sản muốn liên hiệp nhau lại thành những đoàn thể có tổ chức, giai cấp tư bản bèn hô hào thủ tiêu lý tưởng tự do. Nó muốn điều khiển những phong trào xã hội này; nó bèn đẩy những lãnh tụ tiêu tư sản ra để cầm đầu những đoàn thể thợ thuyền để tuyên truyền sự thỏa hiệp giữa các giai cấp trong một xứ, và để hướng tất cả sự hoạt động về một mục đích chung: sự vinh quang của quốc gia. Đó là nguyên nhân của những phong trào phát xít ở Ý, ở Đức

Nhưng, ngay nay, dù núp dưới hình thức phát-xít hay dưới hình thức dân chủ, những lý tưởng của giai cấp tư bản đưa ra cũng đã mất hết giá trị rồi. Sự giác ngộ của quần chúng vô sản, những phát

minh rục rở của khoa học hiện đại (nhất là xã hội học), sự lúng túng của tư tưởng từ sản dân quyền trước những vấn đề lịch sử... tất oả đều tỏ cho mọi người thấy rằng phải thay đổi hết những quan niệm cũ về xã hội, về cá nhân, về tự do, về bình đẳng, về tiến bộ, về chân lý...

CHU'ONG IV

Một thần tượng mới

Ngoài hai thần tượng Bình-dẳng và Tự-do — mà chúng ta đã xét qua tính cách và giá trị — lại còn một thần tượng khác nữa, mới hơn. Cái này đã mọc ra như một vị cứu-tinh để mong giải quyết những mâu thuẫn kịch liệt giữa xã hội và cá nhân. Nó đã cuốn hút rất mạnh được mấy thế hệ thanh niên gần đây. Ta hãy thử tìm xem tại sao nó đã nảy ra, nó chứa đựng những ý nghĩa gì và đã gây nên những kết quả gì ?

1.) Những điều kiện lịch sử. —

Chúng ta đã biết rằng trong suốt thế kỷ XIX, giai cấp tư bản Âu-châu đã làm trọn

một sự nghiệp vẻ vang (mà người ta gọi là sứ mệnh lịch sử của nó) : thay đổi hẳn nền kỹ thuật thế giới, giải phóng các dân tộc ra khỏi vòng kiềm tỏa của những chế độ phong kiến, nâng cao mức sinh hoạt của toàn thể nhân loại, dùng khoa học làm lợi khí để mở đường phát triển cho những năng lực tiềm tàng của đại chúng...

Nhưng, sang tới đầu thế kỷ này, cái sự nghiệp ấy hầu như đã bị lu mờ dần đi. Về mặt kinh tế, sự sản xuất hàng hóa cứ một ngày một tăng lên, mà thị trường tiêu thụ lại càng ngày càng hẹp đi. Do đó sinh ra những nạn sản xuất quá độ (surproduction) đầu mỗi của những cuộc kinh tế khủng hoảng và những cuộc cạnh tranh giữa các nước tư bản. Kết quả là nền kinh tế bị sụt lùi, không phát triển được nữa. Và thợ thuyền và dân quê bị thất nghiệp, thiếu thốn, đói khổ. Trong tình trạng kinh tế bất lợi ấy, những lý tưởng dân chủ nhân đạo khó thực hiện được. Chủ nghĩa tư bản đã làm vào con đường suy vong.

Đồng thời, những đoàn người đông đúc tụ họp ở các xưởng máy, các bến tàu, các

hầm mỏ, các đồn điền... cũng bắt đầu có ý thức rõ rệt về tình trạng và địa vị của mình. Họ nhận thấy cái hố ngăn cách họ với lớp người đã tỏ ra không đủ sức để diu dắt họ nữa, và chỉ còn là những khối nặng trên lưng họ. Không còn trông được vào tình thương ở trên ban xuống, họ đã bình tĩnh hiểu rằng phải tự mình cứu lấy mình, nghĩa là phải lĩnh lấy cái trách nhiệm lịch sử đặt trước mặt họ. Cái tinh thần độc lập và chiến đấu ấy đã kết tinh lại thành một chủ nghĩa đối-lập với chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa mới này dựng lên trên nền tảng vững chắc của Khoa-học và thích hợp với nguyện vọng sâu xa của các tầng lớp xã hội khác. Nó đã gây nên ở các nước tư bản tiên tiến những phong trào tư tưởng rất mãnh liệt, lôi kéo hầu hết những phần tử trí-thức vào cuộc tranh đấu chung của đại đa số dân chúng, do giai cấp vô sản lãnh đạo. Sự xô-sát của giai cấp này với giai cấp tư bản đang sắp xảy ra thì cuộc chiến tranh 1914 — 1918 bùng nổ.

Nhân dịp này, ở khắp các nước dự chiến, phe tư bản bèn nêu cao nghĩa đoàn thể để xóa bỏ những sự chia rẽ và để lôi kéo

các tầng lớp dân chúng vào trong cuộc. Trước sự đe dọa của đạn lửa, phần đông những lãnh tụ đảng xã hội không đủ sáng suốt và can đảm để giữ vững lá cờ của họ. Rút cục mọi người (thợ thuyền, nông dân, trí thức tiểu tư sản) đều xung vào các đội quân, đứng sát cánh nhau để đối phó với « kẻ địch bên ngoài », dưới quyền chỉ huy của một chính phủ cứu quốc. Dưới bàn tay sắt này, các ngành hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa... đều phải sắp đặt tổ chức rất chặt chẽ. Những quyền lợi và tự do cá nhân đều phải nép mình dưới sức chỉ huy của những cơ quan chính phủ. Trong cảnh lâm nguy mọi người đều vui lòng tự hy sinh vì ích lợi chung, vì quyền lợi và tự do tối cao của nước nhà.

Sự thỏa hiệp giai cấp kéo dài được ngót bốn năm. Nhưng tháng 10 năm 1917, cuộc cách mạng vô sản đã xảy ra ở Nga. Và sau hòa ước Venailles 1919, thì ở khắp các nước thắng trận và bại trận, sự phân chia giữa tư sản và vô sản lại phơi ra rõ rệt. Nhất là ở những nước thua trận (Đức, Ý), tình hình kinh tế rất khó khăn lại càng làm cho tình hình chính trị hết

sức rối loạn. Những đoàn thợ thuyền thất nghiệp chỉ làm le cướp chính quyền nhưng phần đông binh sĩ và tiểu tư sản vẫn còn trung thành với phái tư bản. Song phái này cũng lúng túng không biết thu xếp làm sao cho ổn thỏa. Trong tình trạng bấp bênh ấy, mọi người đều lo ngại, khổ sở, thất vọng, mong đợi một vị cứu tinh tài lực phi thường để khôi phục lại trật tự xã hội và mưu đồ hạnh phúc cho nhân dân.

Đó là nguyên nhân của cái « triết lý sức mạnh » đã được rất nhiều xứ tôn thờ trong vòng hai chục năm nay.

2) Máy nguyên tắc chính — Trong phạm vi cuốn tiểu luận này, chúng ta không thể nghiên cứu kỹ lưỡng về những tính cách chính trị của những chế độ độc tài được. Song, đứng ở phương diện tư-tưởng, ta sẽ thấy những chế độ ấy, tuy có khác nhau trong việc tổ chức, nhưng đều dựa vào một lý thuyết căn bản chung.

Lý thuyết ấy gồm có mấy nguyên tắc chính sau này :

a) *Thỏa hiệp giai cấp* — Theo ý các nhà trí thức ái quốc, thì nguyên nhân của

mọi sự rối loạn trong nước là do các giai cấp xung đột và tranh dành nhau vì lợi riêng. Sự phân chia ấy rất thiệt hại cho cuộc sống của đoàn thể. Vậy trước hết, phải bỏ hết cái quan niệm giai cấp, và thay đổi vào đó cái quan niệm đoàn thể; người trong một nước phải cùng nhau hợp tác rất chặt chẽ, không kể ai giàu ai nghèo, ai sang ai hèn, phải hợp nhau thành một khối duy nhất, phải tập trung các lực lượng giai cấp tản mác lại, để đối phó với nước ngoài. Muốn được như vậy, phải đưa mục đích hành động của cả nhân lên rất cao, tức là phụng sự « nhà nước ».

b) *Phụng sự « Nhà nước »*. — « Nhà nước » (Etat) là phát hiện tối cao của tinh thần dân tộc, là cơ quan đại diện chính thức của tất cả đoàn thể. Đó không phải chỉ là Chính phủ, để điều khiển đời sống hiện tại của toàn thể, đó lại còn là một sức mạnh tinh thần để xây dựng cho quốc gia một tương lai rực rỡ. Chính Mussolini đã viết : « Chống lại với chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa phát-xít chủ trương phụng sự Nhà nước (Etat) ; muốn phát triển, mỗi cá nhân phải hoàn toàn vâng theo mệnh lệnh của « Nhà nước », vì

« Nhà nước » tức là ý thức và ý chí trường tồn vĩnh cửu của con người trong quá trình lịch sử. Xưa kia, chủ nghĩa tự do phóng nhiệm (libéralisme) đã nẩy nở ra để chống lại sự chuyên chế quân chủ; ngày nay nhiệm vụ lịch sử của nó đã hết rồi, hết từ ngày ý-thức và ý-chí của toàn thể dân chúng đã kết tinh vào « nhà nước ». Xưa kia, chủ nghĩa tự do phủ nhận quyền lực của nhà nước để bênh vực quyền lợi cá nhân. Ngày nay, đối với một người phát-xít, mọi thứ đều phải tùy nhà nước ; ngoài nhà nước ra, không có một cái gì có thể gọi là nhân đạo, là tinh thần, và tất nhiên là vô giá trị. Nhà nước, theo quan niệm phát-xít, là sự kết tinh duy nhất của mọi lực lượng, đó là một lực lượng để soi sáng, hướng dẫn, mở mang cả cuộc sống của dân chúng » (1).

(1) « Antiindividualiste, la conception fasciste est pour l'Etat ; et elle est pour l'individu, en tant que celui-ci s'harmonise avec l'Etat, conscience et volonté universelles de l'homme dans son existence historique. Elle est contre le libéralisme classique, né du besoin de réagir contre l'absolutisme et qui a terminé sa fonction historique, depuis que l'Etat est devenu la cons-

(Xem tiếp trang 72)

Như ta đã thấy, cái quan niệm « nhà nước » ở đây là một quan niệm rất mới, rất lạ, và rất khó hiểu. Đó là một quan niệm trừu tượng đã được đưa lên thành một lý tưởng cho cả một dân tộc. Thực ra, cái quan niệm « nhà nước » ấy chỉ là một thể cách phát hiện rụt rè của thuyết chủng tộc. Thuyết này do bác-sĩ Gobineau phát huy ra, đã được đem thực hành ở nước Đức độc tài của Hitler. Theo lý thuyết của Gobineau, thì trên thế giới này, có những dân tộc trong sạch, thông minh, hùng cường, đáng cai quản những dân tộc ngu dại, tội lỗi, yếu đuối. Muốn làm trọn cái nhiệm vụ bá chủ ấy, những dân tộc hùng cường phải xóa đuổi chủ nghĩa tự do và cá nhân, phải đoàn kết lại thành một khối, thành một sức mạnh, một « linh hồn ». Bộ máy điều khiển cái

ciencia misma et la voluntad misma del pueblo. Le libéralisme niait l'Etat dans l'intérêt de l'individu... Pour le fasciste, tout est dans l'Etat, et rien d'humain et de spirituel n'existe en a fortiori n'a de valeur en dehors de l'Etat... l'Etat fasciste, synthèse et unité de toute valeur, interprète, développe, domine toute la vie du peuple ».

(Trích *Encyclopédie Italienne*)

khối ấy, « nhà nước », có đủ uy-quyền để cõn nãn các cá nhân theo những lệ luật danh thép, thiêng liêng.

c) *Sùng bái siêu nhân.*— Về phần các cá nhân, họ chỉ có một bốn phận, một trách nhiệm là vâng theo huấn lệnh của một siêu nhân mà Thượng-đế đã « chọn » và sai xuống để hướng dẫn họ. Siêu nhân phụng sự nhà nước, nhà nước là ý thức của đoàn thể, đoàn thể tức là gồm các cá nhân, vậy sùng bái siêu nhân, hy sinh vì siêu nhân cũng tức là sùng bái mình, tức là « sống » cho mình vậy. Khác hẳn với những cá nhân trong các chủng tộc hèn kém chỉ nghĩ đến cách thỏa mãn những dục vọng thô bỉ của riêng mình, những cá nhân hùng cường này sẽ vô cùng tự phụ vì sự bó buộc, sự khắc khổ, sự hy sinh của họ. Họ sống bằng tinh thần, vì chủng tộc, để xây dựng một thế giới tương lai muôn phần rực rỡ.

Mấy nguyên tắc kể trên đã liên hợp với nhau rất chặt chẽ thành một hệ thống tư tưởng, một nhãn sinh quan mới mẻ và giản dị. Nó có ý muốn chống đối hẳn với hai khuynh hướng khác của thời đại : Chủ nghĩa tự do cá nhân và chủ nghĩa xã hội quốc tế.

Những người chủ trương nó đã tự phụ tìm thấy một lối giải quyết thỏa đáng những mối mâu thuẫn giữa xã hội và cá nhân. Họ chê chủ nghĩa tự do là đã hy sinh đoàn thể vì tư lợi một vài cá nhân. Họ chê chủ nghĩa xã hội đã bóp bẹp cá nhân vào những khuôn khổ eo hẹp tâm thường. Họ khinh cả hai vì cả hai chỉ vụ cô hiện tại, có vật chất, có lý trí — một thứ lý trí khô khan và cần cỗi. Chỉ có họ là những người mới, sẽ đem lại một sinh lực mới, để sáng-tạo một nền văn minh mới tươi tốt và thanh-cao.

3. — Sự thực của lịch sử. — Trước hết ta phải nhận rằng cái triết lý sức mạnh đã gây ra những ảnh hưởng rất lớn lao ở các nước tư bản bị thua kém trong cuộc cạnh tranh, đó là một liều thuốc kích thích tất cả mọi người : những thợ thuyền và dân quê bất lực, những thanh niên trí thức tiểu tư sản đang băng khuàng không tìm thấy lối đi, những đại tư bản đang cần tập trung tài sản và nhân công để khuếch trương thế lực. Trong khi ở các nơi khác rồi rảo hơn, một bọn người lăn lóc trong cuộc truy hoan,

thì ở đây, họ cần cù, cặm cùi « mài
nanh rửa vuốt ». Sự cố gắng cấp tốc ấy
đã gây nên khắp trong các ngành hoạt
động những cơ quan kinh tế, quân sự,
chính trị, giáo dục, văn hóa... tổ chức cực
kỳ chu đáo theo phương pháp khoa học tối
tân. Tất cả những bộ máy ấy chạy đều
nhau theo một tốc lực nhất định, và nhất
là bộ máy điều khiển (chính phủ) lại có
một áp lực tiêu nghiệm chưa từng thấy
trong lịch sử. Nó chỉ huy cả sức hoạt động,
cả những tư tưởng, cả những tình cảm của
hàng triệu người. Xã hội, ở đây, đã biến
thành một trại lính khổng lồ, và mỗi người
dân, từ đứa trẻ mới lọt lòng cho đến ông
già sắp kề miệng lỗ, đều phải đeo một con
số và có một phận vụ. Trong khuôn khổ
những kỷ luật thép, những cá nhân đã
được bình đẳng đến tuyệt đối. Tinh thần
kỷ luật, tính phục tùng đối với họ, đã
thành một thiên tính thứ hai. Đó là những
hành vi, những định ốe chỉ đợi mở động-
cơ là chuyển vận đều đặn theo đúng đường
lối vạch sẵn không có gì cản nổi.

Sự « kỹ thuật hóa », cuộc sinh hoạt
của cả một dân tộc này, đã gây cho các
nước độc tài những lực lượng chiến tranh

đô sộ. Chính vì thế mà các nước dân chủ tự do như (Anh, Mỹ, Pháp) cũng đều phải đề ý lo sợ; và rồi các nước này cũng phải dần dần đi vào con đường kỹ thuật hóa xã hội ấy! (1) Ở đâu, người ta cũng thấy cần phải sửa sang một bộ máy chính phủ cho thật hoàn toàn, để điều khiển đời sống của đoàn thể, chớ không nên đề cao các cá nhân tự do hành động như trước được nữa.

(1) Trong cuốn « Nhìn về tương lai », thủ tướng Mỹ Roosevelt cũng đã viết: « Đã đành rằng quyền có tư hữu tài sản là không nên xâm phạm, song cái quyền ấy cũng không thể thành trưởng, không kể gì đến những quyền lợi công cộng. Đã đành rằng những sáng kiến cá nhân phải được phát triển, song không thể để sự tự do cá nhân ở đây gây ra những mối khó khăn cho quần chúng; ta còn cần phải đề ý đến lễ tiên thụ, người thợ, người chung cổ phần. Tôi cũng không muốn cho Chính-phủ thành ra cơ quan quản lý của xã hội, hoặc tăng trở nhiều của cải, nhưng có những khu vực. — Ví dụ trong sự sản xuất điện khí. — Chính-phủ có thể trực tiếp, đóng lấy vai trò quản trị. »

Từ đó đến nay, càng ngày nước dân chủ ấy càng đi sâu vào con đường « Nhà nước là tất cả » của các nước độc tài.

Cái xu hướng mới này đã gây ra những kết quả gì? Trong khi chờ lịch sử trả lời, và đứng ở trong phạm vi văn hóa, ta có thể ghi mấy điều nhận xét sau này:

1.) Sự thỏa hiệp các giai cấp chỉ là một hiện tượng tạm thời; nếu ta nhận sự phân chia giai cấp bắt nguồn ở tình trạng kinh tế, thì chỉ có những sự thay đổi trong nền kinh tế mới làm mất được sự phân chia kia. Cái ý muốn thỏa hiệp của một vài cá nhân, ở đây, không phải là một lực lượng quyết định. Và lại, nói rằng thỏa hiệp, nhưng sự thực lại không phải là thỏa hiệp.

2.) Thuyết chủng tộc ngày nay đã bị khoa học chứng tỏ là sai lầm rồi. Ngay ở Đức, khoa nhân chủng học cũng đã khám phá ra bấy giống người khác nhau (1). Và nếu trình độ văn minh của các dân tộc sở dĩ chênh lệch nhau, không phải là vì chủng tộc mà là vì những điều kiện địa dư, kỹ thuật và chính trị.

3.) Thuyết siêu nhân của Carlyle, của Nietzsche chỉ còn là một ảo tưởng; khi xưa người ta tin rằng: anh hùng tạo thời thế

(1) Biologie et Marxisme (Marcel Prenant)

vì người ta chưa biết phân tích rõ những điều kiện xã hội và lịch sử tạo ra người anh hùng (1).

4.) Cái triết lý sức mạnh của các nhà độc tài không phải là món ăn cho những người biết suy nghĩ và cảm xúc. Ta hãy nghe lời phân trần của một nạn nhân của cái triết lý ấy: « Thanh niên ngày nay (chỉ những thanh niên bị cuốn hút vào xu hướng phát xít) không còn thể nào hiểu được những giá trị tinh thần chân thực nữa. Họ không biết suy nghĩ nữa. Họ quên hẳn trách nhiệm cá nhân chỉ còn biết gieo mình vào giữa một đoàn thể và cố làm tiện lợi hơn cả. Đời đoàn thể của họ là một cuộc đời quá dễ dãi, nên họ đã thành ra thụ động. Cả cái thể hệ này chỉ muốn có một điều: là quên mình đi; người thanh niên bây giờ chỉ muốn, chỉ thích say sưa... Chính vì thế, mà họ bị mê muội, bị lừa dối một cách rất khốn khổ rất đáng thương. Cái thần tượng mà họ phụng sự một cách điên cuồng đã làm cho họ mất trí khôn đi rồi » (2).

(1) Xin xem phần thứ hai.

(2) Thomas Mann (Avertissement à l'Europe).

CHƯƠNG V

Kết luận phần thứ nhất

Ở mấy chương trên, chúng ta đã đi qua một vài lý thuyết quen thuộc, mục đích là tìm xem người ta đã đặt và đã giải quyết vấn đề « cá nhân và xã hội » ra sao.

Ta thấy gì ?

Trước hết, đó là một vấn đề của những cá nhân tư sản (bourgeois). Họ cho họ là những linh hồn biệt lập, và xã hội là một cơ quan quản trị thay mặt họ để điều khiển cả các đoàn thể ở trong phạm vi thế lực của họ.

Buổi đầu, khi cần chống với uy quyền quân chủ, họ đưa cả hai quan niệm xã hội và cá nhân ra như một bộ đôi chống đỡ lẫn cho nhau, điều hòa với nhau. Phải thiết

lập được xã hội thì cá nhân mới phát triển được, và cá nhân có phát triển thì xã hội mới đứng vững mà tiến hóa được.

Khi họ đã thành công rồi, nghĩa là khi chế độ phong kiến đã đổ rồi và khi xã hội tư sản đã thành lập vững vàng, thì vấn đề lại chuyển khác đi. Xã hội chỉ còn là một khí cụ để phụng sự cá nhân, cân cân nghiêng hẳn về phía cá nhân. Cái này tận lực phát triển trong khi cái kia bị héo bất cần cỗi.

Tình cảnh ấy thành nguy ngập, vì ở giai đoạn này, bên cạnh những cá nhân tư sản, lại mới nảy ra những cá nhân vô sản có ý thức về quyền lợi của họ, và cũng lắm le muốn thiết lập một xã hội của họ. Cá nhân tư bản đành tạm chịu đựng, khuất mình đi, đưa quan niệm xã hội của mình lên thiết cao để mong cứu vãn tình - thế. Đó là nguyên nhân của những chế độ phát xít. Vấn đề cá nhân ở đây không còn nữa.

Ngày nay, còn bản khoán vì vấn đề cá nhân và xã-hội là những người thành thực muốn thỏa mãn những nhu-cầu cốt yếu của ngay bản thân họ, nhưng cũng lại tha-thiết đến tình cảnh của bao nhiêu người khác cũng đau khổ như họ. Một mặt nữa, họ nhận thấy rằng không thể một mình

giải quyết cuộc sống khó khăn của mình được, mà phải đoàn kết với bao nhiêu người khác. Bên cạnh cái thực tại là « ta », còn có một cái thực tại nữa là « xã-hội ». Hai cái này chưa bao giờ rời nhau được, nhưng cũng chưa bao giờ điều hòa được với nhau cả. Nguyên nhân mọi sự rối loạn là ở đó.

Nhưng vấn đề xã hội và cá nhân bây giờ không có tính cách như ở thời Rousseau. Bây giờ ta không cần phải lấy lý để bắt buộc xã hội phải như thế nào, cá nhân phải như thế nào. Ngày nay vấn đề xã hội và cá nhân, trước hết, là một vấn đề nhận-thức, quan sát, khoa học. Nếu ta biết rõ xã hội là cái gì, cá nhân là cái gì, những tương quan giữa hai thực tại ấy ra sao, thì ta sẽ hiểu tại sao hai cái ấy đã không điều hòa với nhau và làm thế nào cho chúng điều hòa với nhau được.

Từ thế kỷ trước đã có những nhà xã hội học (1) đào sâu vấn đề ấy rồi; từ bấy đến nay một số người có kiến-thức càng ngày càng đông vẫn tiếp tục công cuộc ấy.

Sang phần thứ hai, chúng ta sẽ xem họ đã gặt hái được những kết quả gì?

(1) Marx, Engels, Morgan.

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I

Thực tại xã hội

Chúng ta thường yên trí rằng những năng khiếu, những tài hoa của con người là do « trời phú tính cho » hoặc là do khí thiêng của non sông chung đúc lại, hoặc là do những tinh hoa của giống người truyền lại.

Ta hãy nghe chuyện « thằng mọi con xứ Aveyron » này. Vào khoảng năm 1800, ở khu rừng Lacane bên Pháp, người ta tìm thấy một đứa trẻ độ chín mười tuổi, bơ vơ, lạc lõng, sống ở trong đám cây cỏ muông thú không biết tự năm nào. Nó hầu như không biết có giống người là đồng loại với nó. Ở khắp mình mẩy nó, người ta đếm

được lời 26 vết thương gây ra do sự xung đột với các thú vật trong rừng. Nó cảm không nói được, và không tỏ ra thông minh một chút nào cả. Xét về hình thể, về sinh lý, thì nó khỏe mạnh, đều đặn, đúng là giống người da trắng. Người ta giao nó cho một thầy thuốc trẻ tuổi, bác sĩ Hard. Bác sĩ Hard lại là một nhà giáo dục kiên nhẫn và khôn khéo; nhờ có sự dạy dỗ của ông mà dần dần thằng mọi con kia mới có ý thức — một thứ ý thức rất yếu ớt — về nó và về cuộc sống với những người xung quanh. Nhưng rút cục, nó cũng chặm chạp, ngẩn ngơ, rất khó giao hòa.

Cái việc này tỏ rằng sự sống cô độc làm lui trụt hết những năng khiếu tiềm-làng của con người. Những năng khiếu này phải cần đến một hoàn cảnh riêng mới nảy nở ra được, cũng như những sinh vật phải được đặt trong một hoàn cảnh thiên nhiên xúc tích mới sống nổi. Vậy, cái hoàn cảnh riêng kia là cái hoàn cảnh gì? Nó có từ bao giờ? tại sao mà có? và đã biến đổi như thế nào từ xưa đến nay?

Ở thế kỷ XVII, nhà triết học Anh là Hobbes cho rằng con người từ thuở « khai thiên lập địa » vẫn sống lẻ loi, trợ-trợ và thường

tranh dành câu xé đồng loại: « Người là con sói đối với đồng loại ». Về sau, vì thấy sự đánh lẫn nhau như thế không lợi gì, tất cả những con người lẻ loi kia mới họp nhau vào « bầu » một người hoặc một toà người làm chủ để giữ trật tự và xếp đặt sự kiếm ăn chung nhau. Người chủ hoặc bọn chủ kia, Hobbes gọi là Léviathan. Nhờ có Léviathan, từ đó mới có đoàn thể tổ chức, mới có xã hội.

Sang thế kỷ XVIII, nhà văn J. J. Rousseau cũng theo cái giả thuyết kia, nhưng lại tưởng tượng thêm ra một cái khoán-ước mà bọn người « chó sói » kia đã ký kết với nhau (thuyết Dân ước: *théorie du contrat social*). Ở đây, xã hội không phải bị nép dưới quyền độc đoán của vị Léviathan, vì người nào cũng sẽ có quyền căn cứ vào khoán ước để kiểm soát Léviathan và đàn hạch hắn nếu hắn làm sai điều lệ.

Đầu thế kỷ XIX, Sumner-Maine cũng vẫn đi theo vết xe ấy. Sumner-Maine cho rằng cái xã hội căn bản thành lập đầu tiên là gia đình (gồm có vợ chồng và các con). Rồi những tiểu gia đình ấy họp lại thành đại gia đình; những đại gia đình họp thành xã thôn; những xã thôn họp

thành quốc gia... v.v. Phạm vi xã hội cứ mỗi ngày mỗi rộng ra và sự tổ chức cũng phải tập dần ra.

Ngày nay cũng còn nhiều người nghĩ như Hobbes, J. J. Rousseau và Sumner-Maine.

Những ý kiến ấy đều sai lầm hết. Đó chỉ là những ảo tưởng của những nhà triết lý ở một thời khoa học còn non nớt.

Mãi đến giữa thế kỷ XIX, lãnh tụ của chủ nghĩa thực nghiệm (positivisme), Auguste Comte mới có ý đặt ra một môn học riêng bên cạnh những khoa học khảo sát những hiện tượng thiên nhiên (như vật lý học, hóa học) và những khoa học nghiên cứu các sinh vật. A. Comte cho rằng ngoài hai cái thực tại vật lý và sinh lý, còn có một cái thực tại xã hội. Cái này phải được coi như một đối tượng khách quan đã thành lập và chuyển vận theo những định luật riêng của nó; những định luật xã hội này nhà khoa học sẽ phải tìm ra như đã tìm ra những định luật vật lý và những định luật sinh lý vậy. Nền tảng và nguyên tắc của khoa xã hội học đã thiết định rồi, các nhà xã hội học chuyên môn (như Karl Marx, Frédéric Engels, Lewis Morgan, Westermarck, Mauss, James Frazer, Lévy Bruhl, Emile Durkheim, ...)

đã tiếp tục nhau sâu tằm và lọc lõi những tài liệu sử học, địa dư học, nhân chủng học, tâm lý học... mục đích là khám phá ra những định luật chi phối sự tiến hóa của xã hội.

Nhờ có những công phu nghiên cứu ấy, ngày nay, người ta đã xây dựng được những quan niệm khá vững chắc về nguồn gốc xã hội, bản thể xã hội, kiến trúc xã hội, hiện tượng xã hội. Ta có thể tóm tắt sơ lược những quan niệm ấy như sau này :

1) Nguồn gốc xã hội.— Ngay từ khi người ta thấy có loài người trên mặt trái đất (vào khoảng đầu đệ tứ kỷ (1) cách đây ước chừng 20 vạn năm thì loài người đã sống chung với nhau ngay rồi. Những « bầy người » này (mà các nhà xã hội học

(1) Ère quaternaire — Theo các nhà địa chất học (géologue) thì lịch sử trái đất chia làm bốn thời kỳ, bốn kỷ. Ở ba kỷ trên, chưa có loài người xuất hiện : ở trong những lớp đá đánh dấu những kỷ ấy chưa thấy có vết tích gì của loài người cả, mà chỉ có những hóa thạch (fossile) của các giống vật khác.

Về điểm này xin xem cuốn Gốc tích loài người của Nguyễn Đức Quỳnh lần Thuyên xuất bản năm 1943.

hiện đại gọi là horde primitive) không phải chỉ là những trạng thái quần tụ vô ý thức, những hiện tượng sinh lý giống hệt như bầy ong, bầy kiến, bầy voi, bầy khỉ... như nhà sinh lý học Etienne Rabaud đã chủ trương. Đặc tính của bầy người là những cá thể (individu) nhờ có bộ thần kinh rất tinh vi, đã sớm biết rằng sẽ phải sống chung với nhau thì mới sống được. Những cá thể ấy đã có ý thức rồi dù mới chỉ là một ý thức bao quát cả toàn bầy và còn lo mờ, dờm mầu lo sợ hãi hùng. Đứng trước sự thúc bách của một hoàn cảnh ác liệt (đầy thú dữ, thiếu đồ ăn, thiếu quần áo nhà cửa) những ý thức cá nhân càng nảy nở mạnh, và hướng cả về một mục đích: hành động để sinh tồn. Tuy rằng trong horde, ngoài sự phân biệt già, trẻ, đực, cái, chưa có sự phân biệt gì khác giữa các cá nhân, chưa có xếp đặt trên dưới, song tất cả các cá nhân đã kết hợp với nhau để mưu sống. Ở giữa các cá nhân đã có một sợi giây liên lạc mật thiết; đó là sự hành động chung, sự kiếm ăn chung. Trong khi đời sống của cả bầy còn vô cùng chật vật, kẻ nào không làm được, không góp sức lao động của mình vào

được, tất bị đói rét, bị khử trừ ngay. Trong cái khối người lao động ấy, mọi người đều như nhau, giống nhau, bằng nhau, các phẩm vật thì chia đều, sự giao hợp và sự nuôi con con chung cha lẫn lộn : đó là xã hội cộng sản nguyên thủy.

Nhờ có ba điều kiện kể trên (đời sống hợp đoàn, ý thức đoàn thể, hoàn cảnh khe khắt) bảy người thái cổ trong khi xuất toàn lực ra để mưu sống, đã tìm thấy một thể cách thích ứng đặc biệt : dùng những kinh nghiệm lao động công cộng để sáng tạo ra những khí cụ (búa, dao, cung tên...) Nhờ có kho kinh nghiệm lao động (nhiều khi chung đúc vào những nghi lễ ma thuật) và những khí cụ, sự mưu sinh của bảy người đỡ khe khắt một đôi chút. Lúc bấy giờ mới thấy tách ra ở các khối người lẫn lộn kia ra những khối người nhỏ hơn, có tổ chức hẳn hoi : đó là những thị tộc (clan). Thị tộc là một bình thức xã hội sơ thủy rõ rệt, biệt lập với những thị tộc khác, chỉ còn dính dăng với nhau vì những liên lạc tôn giáo. Một bộ lạc (tribu) không phải là một xã hội duy nhất, mà là gồm những thị tộc cùng thờ chung một to-tem mà thôi.

Về sản, kỹ thuật biến đổi, trong các thị tộc lại tách ra, những xã hội nhỏ là gia đình mẫu-bê (1) ở dưới quyền cai quản của một người đàn bà. Cái gia đình mẫu-bê này rồi cũng lại vì cuộc mưu sinh mà biến dần ra thành gia đình phụ quyền (2). Khi có những gia đình phụ quyền tỏ chức vững vàng rồi, lúc bấy giờ mới có những tù trưởng mạnh mẽ thu phục được « trăm họ » dưới quyền của mình mà lập ra một nước. (giai đoạn văn minh nông nghiệp cực thịnh). Nhưng ở những xứ mà thương mại và công nghệ đã có cơ phát triển mạnh (như ở Âu-châu bắt đầu từ thế kỷ XVI) thì đại gia đình cũng lại phải tan vỡ, và những cá nhân được giải phóng ra lại một mặt lập thành những tiểu gia đình ít ràng buộc hơn, một mặt lại quy tụ những đơn vị gia đình ấy thành một xã hội lớn gọi là quốc gia (3). Đến giai đoạn này, vì sự sản xuất và cuộc sinh hoạt ở nhiều nơi

(1) Famille matricarcale.

(2) famille patriarcale.

(3) Cái ý niệm quốc gia này (nation) là một yếu tố trong tư tưởng dân chủ tư sản như ta đã thấy ở phần thứ nhất. Nó khác hẳn với cái ý niệm thờ vua giúp nước của các xã hội còn ở dưới hai áp lực phụ quyền và quân quyền.

đã kỹ nghệ hóa hẳn, nên ngay tới chức
hầu gia đình cũng lại không được vững
nữa. Và những cá nhân trong đó lại có ý
muốn vượt hẳn ra ngoài cái đoàn thể nhỏ
hẹp ấy để sáng tạo ra một xã hội loài
người mà mình sẽ sát nhập vào đó.

Xem như vậy thì cái thực tại xã hội,
thành lập từ lúc có loài người, nhưng lại
« biến đổi » luôn luôn tùy theo điều kiện
sinh hoạt vật chất tức là tùy theo trình độ
của kỹ thuật sản xuất. Nó đã trải qua nhiều
trạng thái khác nhau về phạm vi, về hình-
thức, nhưng bản thể nó vẫn không thay đổi.

2. Bản thể xã hội. — Vậy bản thể của
xã hội là gì?

Theo nhà tâm-lý học Gabriel Tarde, thì
« xã hội là một đoàn người mà đặc tính là
trực tiếp bắt chước lẫn nhau, hoặc nếu không
trực tiếp bắt chước lẫn nhau, thì cũng giống
nhau như cũng đúc ở một khuôn mẫu chung
ra vậy » (1). Cái nền tảng của xã hội ở đây

(1) La société est une collection d'êtres en tant
qu'ils sont en train de s'imiter entre eux ou en
tant qu'ils sans s'imiter actuellement, ils se ressem-
blent et que leurs traits communs sont des copies
anciennes d'un même modèle.

là tính bất chiếc nhau của con người vậy. Ý kiến một nhà mô phạm khác, ông Giddings cũng tương tự như thế: « Sở dĩ một xã hội là một xã hội là vì trong đó mỗi cá nhân đều có ý thức về sự liên lạc của mình với những người cùng chủng loại với mình và đều cảm thấy mỗi mỗi hoan lạc đặc biệt vì sự giống nhau ấy » (1).

Phải đồng các nhà trí thức thường thường chỉ trông thấy phương diện tinh thần của xã hội. Họ đều nhận thấy rằng xã hội có một áp lực phi thường đối với cá nhân, và đã giàng buộc các cá nhân vào với nhau một cách rất khăng khít. Họ đã cố tìm ra những giây liên lạc vô hình ấy. Giáo sư R. Maurier chia ra ba thứ giây liên lạc đã tạo ra ba loại xã hội:

- a) *Liên lạc huyết thống*. Cái này là gương mặt của những loại xã hội nhỏ như thị tộc, gia đình phụ quyền, tiểu gia đình tư sản, v.v.
- b) *Liên lạc cư trú*. — Nhờ sự sống chung

(1) La société repose sur la conscience qu'a l'individu de se trouver en relation avec des êtres de même espèce que lui et sur le sentiment particulier de satisfaction qu'il tire de cette ressemblance.

với nhau trên một khoảng đất nào, loài người đã đặt thành làng, thành phủ, thành nước.

c) *Liên lạc cảm tình.* — Những người không cùng một máu và ở khác xứ nhau cũng có thể họp lại thành xã-hội: đó là những câu lạc bộ, những hội buôn, hội học, những nghiệp đoàn thợ thuyền (1).

Chính vì quá để ý đến cái phương diện tinh thần của xã hội, mà các nhà trí thức trên kia đã xáo trộn lẫn cả các loại đoàn thể với cái thực tại xã hội mà Auguste Comte đã coi là đối tượng khách quan của khoa xã hội học. Họ không khám phá ra được cái đặc tính căn bản của thực tại xã hội bởi vì họ chỉ trông thấy có cái thượng tầng của xã hội. Ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy có người viết: « Xã hội của loài người là một đoàn thể trong đó các phần tử, người nọ với người kia, có những mối quan hệ có ý thức, cùng làm một cuộc sinh hoạt chung, đoàn kết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Một số đông người khuynh hướng giống nhau, mục đích giống nhau cùng nhau làm cuộc sống

(1) Les sociétés et la Société — Evolution humaine (tome II. Quillet).

chung, gây giữa nhau nhiều mối quan hệ, tức là dựng nên một xã hội. Sự nghiệp ấy, ra, nhỏ từ gia đình, học hiệu, giáo hội, thương hội, công đoàn chính đảng, lớn đến dân tộc và quốc gia đều gọi là xã hội cả.

Sự thực, ở xứ ta, những quan niệm duy tâm (1) về xã hội còn lưu hành rất mạnh. Xưa kia chúng ta chưa có quan niệm xã hội, ngày nay ta lại hay bị lúng túng trong những định nghĩa lâm lý rất hồ đồ nó che lấp không cho ta thấy rõ cái bản thể đích thực của xã hội.

Cái bản thể đích thực ấy, các nhà xã hội học (đứng đầu là Marx, Engels và Morgan) đã khám phá ra từ lâu rồi, và lý thuyết của Marx đã đem áp dụng bản hơi và đã gây ra những kết quả rực rỡ.

Trước hết, ta cũng phải nhận rằng xã hội là một đoàn thể, hơn nữa một « hệ

(1) Danh từ duy tâm ở đây dùng để chỉ thái độ tư tưởng của những người tin rằng tinh thần là động lực căn bản của mọi hiện tượng xã hội và thiên nhiên. Đối với danh từ duy vật dùng để chỉ thái độ tư tưởng của những người hay phân tích những hiện tượng tinh thần để tìm ra những vật thể nguyên ủy.

thống người», nghĩa là trong các đoàn thể ấy cá nhân nọ có liên lạc với cá nhân kia, và mỗi cá nhân bị xếp đặt ở một vị trí nhất định. Vậy các đoàn thể người ấy đã có tổ chức và vì thế có thể đem ví với một cái máy, hoặc với một sinh vật cơ thể.

Nhưng tại sao lại có cái hệ thống người ấy? Không phải là tại người ta cùng máu huyết với nhau, hay ở gần nhau, hay thương yêu nhau. Mà tại vì tất cả những người trong hệ thống ấy đều *cần phải làm việc để sinh tồn*. Chính cái mục đích mưu sinh ấy, cái giây lao động ấy nó buộc chặt người nọ với người kia, và đặt người này ở trên người kia ở dưới. Dù trong một thị tộc thái cổ, trong một gia đình phụ quyền phong kiến, hay trong một quốc gia tư sản, ở đâu những tương quan lao động ấy cũng dùng làm nền tảng xã hội. Không có lao động thì không có xã hội; những đoàn thể mà giây liên lạc nối liền các phần tử không phải là giây lao động, đều không phải là xã hội. Tóm lại, « xã hội là một hệ thống người; cái hệ thống ấy chứa đựng tất cả mọi mối tương quan vĩnh cửu giữa các cá nhân, và nó đứng vững được là bởi

nó dựa lên những tương quan lao động giữa các phần tử ». Nói một cách khác, xã hội có thể ví như một xường máy, và mỗi cá nhân là một người thợ, người nào cũng có phận vụ nhất định, vị trí nhất định. Cái phận vụ và vị trí này sẽ quyết định sự sinh hoạt vật chất và quyết định luôn cả những trạng thái tinh thần của bản.

3) Kiến trúc xã hội.— Tuy vậy, sự so sánh trên kia cũng không đúng hẳn. Xã hội không hẳn là một nhà máy. Kiến trúc của nó còn phức tạp hơn nhiều. Ta có thể hình dung đại khái cái kiến trúc ấy như sau đây.

Trước hết trong xã hội có những người. Nhưng không phải chỉ có những người; còn có những vật như: nhà cửa, cầu cống, đường xá, thư viện, trường học, tàu xe, máy móc; những « vật bất động, » ấy cũng là những thành phần quan hệ của xã hội. Ngoài ra lại còn có những ý tưởng, những tình cảm bàng bạc trong đầu óc mọi người hoặc cõng đực lại trong các bia, các biểu, các sách vở. Phải có cả ba yếu tố người, vật, tư tưởng mới hợp thành một xã hội

Ba cái ấy sẽ cùng nhau tác động để đạt mục đích lao động và mưu sinh của xã hội.

Trong các xã hội từ xưa tới nay, những yếu tố căn bản kia đã được sắp đặt như thế nào? Các nhà xã hội học duy vật thường hay lấy sự kiến trúc một toà nhà ra để diễn giải quan niệm của họ. Vậy trong « toà nhà xã hội » cái nền tảng (gọi là hạ tầng cơ sở) là gồm những khi cụ, những máy móc, những hàng hóa, những tài sản và những người lao động rất đông, bị dính chặt vào cái hệ thống kỹ thuật ấy. Ở tầng trên (gọi là thượng tầng kiến thiết) thì gồm có những pháp luật, luân lý, văn chương, nghệ thuật, khoa học, triết lý... Tóm lại, những sản phẩm tinh thần do một thiểu số quản trị tạo tác ra để bảo vệ quyền lợi của họ.

Xem như vậy, thì xã hội có một nền tảng vật chất và lao động và trên cái nền tảng ấy thì là một lâu đài tinh thần. Hai phần ấy ảnh hưởng qua lại lẫn nhau luôn luôn; nếu cái nền tảng vật chất lay chuyển thì cái lâu đài tinh thần cũng phải đổ vỡ và ngược lại, nếu cái lâu đài tinh thần kiên cố thì nó đè nặng xuống dưới, nền tảng vật chất rất khó lay chuyển.

4) **Hiện tượng xã hội.** — Sau cùng ta cũng cần phải phân biệt những hiện tượng gọi là hiện tượng xã hội. Ví dụ: ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, khoa học, nghệ thuật... Không một cá nhân nào có thể một mình đào tạo ra được những thứ ấy. Đó là sản phẩm của đời sống công cộng hợp đoàn, kết quả đột ngột của một sự phối hóa vô ý thức, y như những hiện tượng phối hóa đã xảy ra trong địa bại hóa học.

Nhưng một khi những sản phẩm xã hội đã thành bình rồi, đã kết tinh lại thành một cái gì ở ngoài mọi người rồi, thì nó lại có áp lực rất mạnh đối với mọi người. Trong một xã hội, ít ai dám cưỡng lại không tuân theo những mệnh lệnh của phong tục, của dư luận, của ngôn ngữ, hầu như những thứ kia đã thành ra những sức mạnh bí hiểm, những ma lực chuyên chế vậy.

Chính vì hai tính cách đột ngột phối hóa và chuyên chế áp lực kể trên, mà trước kia người ta ngỡ ngàng không thể nhận rõ được chân tướng của xã-hội. Phải đợi đến khi các nhà tâm lý học và sinh lý học dùng « thức thử » không thể giải thích

nổi những hiện tượng xã hội, người ta mới có can đảm xông thẳng vào thực tại xã hội, và đào sâu mãi xuống nền tảng của nó để tìm ra nguyên nhân những hiện tượng tâm lý bí hiểm. Lúc đó quan niệm về ý thức cá nhân cũng biến đổi hẳn đi.

CHƯƠNG II

Ý thức cá nhân

Thực tại xã-hội là một thực tại khó nhận : nó có từ độ 20 vạn năm nay, mà mãi đến giữa thế kỷ trước, nhờ có sự áp dụng phương pháp khoa học trong khi nghiên cứu lịch-sử, nhờ sự phê bình gắt gao những học thuyết thần bí, người ta mới khám phá ra thấy nó.

Nhưng còn một thực tại nữa cũng phức tạp như thế, mà lại còn vô hình vô ảnh không thể dùng giác quan mà tiếp xúc được ; vậy mà cái thực tại bí hiểm này, người ta đã biết ngay rằng có nó từ lâu lắm, từ khi mới có xã hội, mới có con người. Tuy rằng biết có nó đây, nhưng trong suốt

một trường kỳ lịch sử dài mấy trăm thế kỷ, qua bao nhiêu công phu dò hỏi đau đớn, người ta cũng chưa hề hiểu thấu rõ bản thể của nó, những định luật chi phối nó, và những phương tiện thực hiện nghiêm để điều khiển nó. Tâm lý học bấy còn là một khoa học non nớt, và sự cố gắng của các viện « tâm lý hướng nghiệp » (Institut de psychotechnique) (1) cũng chưa mang lại được những kết quả gì rõ rệt.

Mãi đến mấy chục năm gần đây, vì dám mang hẳn phương pháp duy vật sử dụng vào trong địa hạt tâm lý, nên những nhà bác học đã rọi được một vài ánh sáng vào trong cái thực tại âm u « ở ngay trong con người » chúng ta, mà chúng ta vẫn coi là một thế giới xa lạ (tâm giới) khác hẳn với cái thế giới quen thuộc bên ngoài (vật giới) mà Khoa-học đã soi tỏ và chinh phục được.

1.) Tín ngưỡng về linh hồn.— Từ thuở nào đến nay, loài người, bất cứ ở xứ

(1) Khoa học này do giáo sư Binet ở Pháp sáng lập ra có chủ đích là tìm xem ở mỗi thanh niên có những đặc tính tâm lý gì, những khuynh hướng hành động nào, để hướng dẫn thanh niên ấy trong việc chọn nghề cho hợp với sở trường sở thích.

nào, và theo tôn giáo nào, vẫn tin rằng ở mỗi cá nhân có hai phần khác hẳn nhau, khu biệt nhau : ngoài cái thân thể thô kệch ham ăn ham uống và đầy những dục vọng điên cuồng, lại còn có một « cái gì » tinh anh, thiêng liêng, trong sạch, sáng láng, một linh hồn tự trên « thượng giới hạ xuống » để chung sống với cái thân thể kia. Có khi người ta cho rằng linh hồn là một nhân vật của thượng giới bị đầy ải xuống trần và phải chịu đau khổ để « gột rửa tội lỗi ». Có khi người ta lại tin rằng đó là một điểm linh quang do nơi Thượng đế phát ra để cải tạo cái thế giới vật chất ô trọc này. Đối với những tín đồ của đạo Phật ở xứ ta, thì linh hồn con người là một kẻ tu hành đã trải qua bao nhiêu kiếp luân hồi, đã từng thấm nhập vào những cơn súc vật rất thấp kém, nay lên thành người và đang hy vọng rời bỏ cái vỏ người và cõi đời này để lên cõi Nát-bào, làm Phật...

Kể ra thì còn nhiều hình thức tín ngưỡng lạ lùng hơn nữa. Song tất cả những mô-típ tín ngưỡng ấy chỉ có một mục đích : giải quyết sự xung đột gay go giữa hai khuynh hướng trái ngược nhau, một bên là những dục vọng mãnh liệt của cơ thể, một bên

là những lời đe dọa, những điều cảm đoán, những mệnh lệnh độc đoán không biết từ đâu đến để phản đối, để ngăn trở sự thỏa mãn của xác thịt. Phải có tín ngưỡng linh hồn người ta mới đỡ oán thán, đỡ sợ hãi vì những tai nạn, những sự chết chóc thảm khốc. Nói tóm lại, sự tín ngưỡng linh hồn là liều thuốc an ủi cho những kẻ đau khổ, là ánh sáng cho những kẻ ngu lỗi, là kim chỉ nam cho những kẻ không biết đường hành động.

Cái tín ngưỡng ấy thuộc về tất cả mọi phương diện (trí thức, tình cảm và hành động) và làm vừa lòng được đủ các hạng người, hạng giàu có và hạng nghèo khổ, hạng quyền thế và hạng hèn kém. Nhờ có nó, người ta đã giải thích, ổn thỏa mọi vấn đề tâm lý và xã hội.

Cho đến nỗi, ngay gần đây, ở ngay thế kỷ này cũng vẫn có những nhà triết học (Boutroux, Bergson, Stern, William James...) đã từng « quen thuộc thân mật » với phương pháp khoa học thực nghiệm mà cũng không thể rút được với tín ngưỡng linh hồn. Có điều là họ gọi « nề » khoa học một chút, và họ gọi tranh cãi là linh lực, họ

sinh lực (élan vital) là cái bí mật của Tạo hóa (mystérium)...

Có những nhà khoa học nhiệt thành ở cuối thế kỷ trước — vì muốn chống lại với những bộ óc thần bí kia — đã nung nấu mang áp dụng ngay những nguyên tắc vật lý và sinh lý học để giải thích những hiện tượng tâm lý. Những hiện tượng này theo ý họ, chỉ là những kết quả trực tiếp của những cuộc phối hóa vật chất trong cơ thể : óc tiết ra tinh can đảm, quả tim và ruột tiết ra những tình tình vui buồn, v.v. Tất nhiên là họ đã thất bại và bị phe địch chế giễu là những kẻ mù quáng cho khoa học là vạn năng (scientisme) có thể vượt được quyền tôn giáo.

Phải chờ đến những công cuộc phân tích tỉ mỉ, thấu đáo, rành rọt, ừ dõ, bình tĩnh, rất vững vàng rất sắc mẫn của các nhà xã hội học đã dùng một lợi khí sắc bén là biện chứng pháp duy vật, thì cái quan niệm cố kết về linh hồn kia mới bị tan rã hẳn. Ngay nay, tuy rằng sự giải thích của các nhà xã hội học chưa được đầy đủ hẳn, song những ý niệm khoa học về ý thức con người, không ai có thể không

công nhận được nữa.

2. — Cá tính và ý thức. — Trước hết ta thấy rằng mỗi cá nhân có những đặc tính tinh thần có liên lạc rõ rệt với một vài sự kiện sinh lý.

a) giống nòi. — Có những đứa trẻ từ lúc mới sinh ra đã lừ đừ, buồn bã, ủ-rột bởi chúng phũ tạng nó yếu đuối (vì vi trùng di truyền hoặc vì thiếu chất bổ); lại có những đứa trẻ mập mạp tươi đỏ lúc nào cũng đùa nghịch hoạt động. Nhiều người ngoại quốc chê dân Việt-nam là chậm chạp, ít ứng động (reflexe) và tình cảm khô khan.

b) — Chỗ ở. — Điều này cũng đã nhận. Ai cũng biết rằng ở những vùng quê phía bắc (Hà-dông, Bắc-ninh) thì người nông dân hay ham chơi, thích đàn ca hát, xướng và có nhiều khiếu mỹ thuật. Còn ở những nơi sinh sống khó khăn (Nghệ-Anh) thì tình tình con người lại thường khắc khổ, nặng nề, nhẫn nại, (tuy rằng cùng một giống nòi).

c). — Đức và cái. — Dân bà tương đối với dân ông cùng một hoàn cảnh, thường

là hiền lành như mì bơn. Dân ông nếu là người lành mạnh, thì không mấy người rứt rứt ở lệ, rứt rứt ở iếm, rứt rứt ở iếm.

d) Tuổi: Người ta thường chia cuộc đời ra tuổi trẻ (adolescence) là tuổi hăng hái sôi nổi, tuổi đứng đắn (âge adulte) thì trầm mặc vững vàng; và tuổi già hay rút rứt rất lo sợ. Điều ấy ai cũng thấy rõ cả.

Những đặc tính tính thần kể trên hợp lại, gọi là cá tính (individualité) của con người. Những đặc tính ấy là kết quả của ảnh hưởng vật chất rõ rệt: đồ ăn, khí hậu, huyết dịch... Nhưng nếu chỉ có thế, thì tâm lý con người cũng không hơn sức vật mấy. Ngoài những ảnh hưởng sinh lý ra mỗi cá nhân lại còn bị những hoàn cảnh gia đình, học đường, các đoàn thể nhỏ và cả xã hội... uốn nắn, nhào nặn một cách sâu sa hơn nữa. Chính vì có cái áp lực của những hiện tượng xã hội (như tiếng nói, chữ viết, những phong tục, lễ nghi, luân lý, văn chương, khoa học...) mà mỗi cá nhân càng ngày càng nhận rõ những đặc điểm riêng biệt của mình. Cuộc sống hợp đoàn càng linh hoạt, càng bắt cá nhân và chạm, cọ xát, chống đối chừng nào thì ý thức cá nhân

càng rõ rệt thêm chừng nấy. Có ý thức tức là biết so sánh, biết phân biệt mình với ngoại giới với người khác tức là hiểu được vị trí và con đường hành động của mình, tức là biết suy nghĩ, dự đoán và dự bị. Một cá nhân có ý thức là một cá nhân biết rõ cá tính của mình (*Une personnalité est une individualité qui a conscience d'elle-même — Berthelot*). Chữ *personnalité* có thể dịch là cá-nhân-tính.

Ngoài cái việc nó đánh dấu sự vượt bậc của con người từ tình trạng thú vật đến tình trạng người, ý thức cá nhân mới chính là một động lực khả dĩ biến cá nhân thành một vai trò quan hệ trong lịch sử tiến hóa của xã hội. Cái động lực ấy mạnh hay yếu là tùy ở trạng thái ý thức rõ rệt hoặc mờ mờ.

8) Những trạng thái ý thức. — Chúng tôi đều biết rằng xã hội càng tỏ chức vững vàng và tinh vi bao nhiêu, thì nó lại càng quây kín và thắt chặt những cá nhân vào trong những mắt lưới của nó. Tùy ở vị trí lao động, tùy ở trình độ sinh hoạt, mỗi một cá nhân sẽ có những đặc tính tính thân tương đương. Tâm lý một

người thợ nghèo không thể giống tâm lý một người chủ giàu được, tuy rằng hai người ấy cũng ở trong một hoàn cảnh xã hội chung.

Nay ta hãy lướt qua lịch sử, xem ý thức cá nhân, từ xưa đến nay, đã biến đổi như thế nào?

1.) Trong bầy người. — (Xã hội cộng sản nguyên thủy). Chưa có một cá nhân nào nổi lên trên cả; mọi người đều như nhau; chưa có phân biệt về sự ăn uống, về quần áo, về thứ bậc, chưa có của riêng; chỉ mới có sự phân biệt già trẻ, đực cái. Ý thức, lúc này, chỉ là ý thức chung: mọi người lo cho cả bầy, lo hoang mang; một ý thức lơ mơ nhiệm nhiệm về sợ hãi.

2.) Xã hội thái cổ. — (Bộ lạc và thị tộc). Đoàn người nay đã ít đi, lại lưu động nay đây mai đó. Gặp nhiều người lạ, cá nhân đã nhận thấy sự phân biệt hơn, đề ý đến mình hơn. Vì đời sống dễ hơn hẳn có những phẩm vật dành riêng cho mình, trong đoàn đã có vợ chồng thành đôi lứa chứ không hỗn độn như trước nữa. Con người đã biết dùng nghi lễ ma thuật để cầu xin các vị thần thánh khoan dung hoặc

phù hộ cho. Đồ lo sợ, ý thức cá nhân thêm rõ rệt; nhưng áp lực của ngoại giới bí hiểm còn mạnh lắm, ý thức đoàn thể hãy còn ít ý thức cá nhân đi nhiều lắm.

3) *Trên nền tảng nông nghiệp*. — Cá nhân địa chủ được phát triển mạnh nhờ có tài sản, đất cát riêng; những kinh nghiệm về sự làm ruộng đã rồi rào, hẳn đã biết rõ sự biến chuyển đều đặn của thời tiết, của năm tháng, dám tin ở luật thiên nhiên. Được ăn mặc sang trọng loè-loẹt khác với thường dân, các vị vua chúa lại tự cho mình là những bậc thần thánh ở trên và khác hẳn mọi người. Ý thức cá nhân của họ rất mạnh; một ý thức khá mạnh mẽ, chỉ còn chịu nẹp dưới những luật thiên nhiên. Ý muốn điều hòa với thiên nhiên ấy đã gây ra mẫu người « hiền nhân » (sage) biết cai quản muôn dân nhưng vẫn « tri thiên mệnh », (biết mệnh giới).

4) *Cuộc giải phóng của lớp thương nhân*. — Lần đầu ở Hy-lạp 600 năm trước Tây-lịch. Một lớp thương nhân đã rút hết những xiềng xích đại gia đình, Lũ làng xóm, và đến tụ tập tại các nơi đô thị.

Khoa học phát triển, thế giới tự nhiên bị khám phá dần. Con người thành mạnh ran không sợ thần thánh nữa. Cuộc sinh hoạt phong túc. Cá nhân thương nhân hờ hạo sự thỏa mãn xác thịt, tình cảm và trí tuệ. Mẫu người cân đối Hy-lạp có một phản ảnh của nguyện vọng ấy.

Thế kỷ XVI trở đi, ở Âu-châu, sự giải phóng cá nhân ra ngoài gia đình càng thêm mạnh mẽ và lan rộng. Sự giao dịch náo nhiệt, thương mại phát đạt, khoa học tiến rất mau. Nhờ tài sản rất dồi dào, cá nhân bourgeois tìm mọi cách để tự thỏa mãn. Khác với mẫu người « hiền » khắc khổ của địa chủ quý tộc, cá nhân bourgeois đưa ra mẫu người anh hùng, thao vát kinh doanh nhiều, hưởng thụ nhiều, và tự nhận nhiệm vụ giải phóng cho nhân loại.

Ý thức cá nhân tự sản rất hùng cường vì bản đã đoạt được quyền tạo hóa ở nhiều phạm vi. Không phục tùng như cá nhân địa chủ nữa. Một ý thức phóng nhiệm kiêu ngạo... Nhưng, còn những sự khó khăn trong việc làm ăn: hàng hóa chất đông, thợ đình công, kinh tế khủng hoảng, âm ảnh của chiến tranh. Trong ý thức tự sản bên cạnh mẫu kiêu ngạo, lại có mẫu lo âu.

Một cái số mệnh vẫn còn treo lơ lửng trên đầu bạn. Xã hội còn là một cái gì bí hiểm ghê gớm.

5.) *Con người tương lai.* — Trong lúc cá nhân tư sản đã no chán mệt mỏi, bị khủng hoảng, thì một ý thức cá nhân khác đã thành hình trong các xưởng máy. Ở đây đời sống thường trực, con người vượt ra khỏi bản cả vòng tiểu gia đình, không có tài sản riêng, cùng làm chung, ăn chung, giải trí chung với mọi người. Đời cần lao, cặm cuì, mục đích không phải là làm giàu, mà muốn hiểu, muốn phá, muốn thay đổi một hoàn cảnh chật hẹp. Một ý thức ngang tàng, không sợ thiên nhiên, không sợ xã hội, không hoang mang về những bí mật của tâm hồn, sáng suốt, lạnh lùng, khắc khổ, ghét sự trì trệ, sự ích kỷ, ưa bành động, cần thay đổi, (thấy thế giới linh động và mình là một tay tài công đã vặn lại các bộ máy.

Trở lên, là năm cái trạng thái ý thức tiêu biểu của từng thời kỳ lịch sử, do từng lớp người lãnh sự mệnh lịch sử nêu ra. Ta thấy rằng ý thức cá nhân phát triển đều về ba phương diện :

a) *Lương* : Ý thức cá nhân càng ngày càng nhiều. Ngày xưa chỉ có các vị vua chúa mới có ý thức về đời sống của mình và biết hành động để tự thực hiện. Về sau số người có ý thức càng ngày càng tăng : lớp địa chủ quý tộc phong kiến nhiều hơn bọn tù trưởng thời cổ ; lớp thương nhân đông hơn lớp địa chủ, và vô sản ngày nay lại đông lên gấp bội phần.

b) *Phẩm* : Ý thức con người càng ngày càng rõ rệt, nhờ kho trí thức của xã hội ngày một giàu ra. Không từ chỉ cần dạy học trò biết mình và biết vua, không muốn nói đến việc quý thân và việc giới. Ngày nay người trí thức không bỏ một lãnh vực tư tưởng nào mà không xông vào khám phá. Cái vị trí của con người giữa sự vật đang nhận-dịnh đúng thì ý thức cá nhân càng sáng suốt.

c) *Lực* : Và năng lực hàng động càng mạnh. Người thái cổ chỉ biết lay lự và cầu xin, bởi vì ý thức còn yếu quá. Ngày nay người thợ giác ngộ dám tự phụ đờng hoàng vì tin rằng mình có thể và sẽ dự vào những công cuộc cải tạo lớn lao.

Nói tóm lại, ý thức là một trạng thái phức tạp gây ra do nhiều ảnh hưởng

sinh lý và xã hội kết tính lại. Hơn nữa nó không phải chỉ là một trạng thái, nó còn là một động lực nữa. Sang chương sau, chúng ta sẽ xét vai trò của nó trong cuộc tiến hóa của xã hội.

CHU'O'NG III

Vai trò cá nhân

Ta đã thấy rằng xã hội là một thực thể tồn tại ở ngoài cá nhân và biến chuyển theo những định luật riêng biệt của nó. Và mỗi cá nhân bị cái khuôn xã hội ấy nhào nặn một cách thường trực, mật thiết đến nỗi nó phải biến đổi luôn luôn tùy theo sự biến đổi tất yếu của xã hội. Đứng trước cái áp lực ghê gớm của xã-hội, nhiều người (trong số đó có nhà xã-hội học Emile Durkheim) cho rằng cá nhân không còn có thể có một chút tự do, một chút sáng kiến nào nữa, hầu như nó không phải là một thực thể độc lập, mà chỉ là một tiếng vang, một phản ảnh của xã hội vậy. Trái lại, lại có những

người như Carlyle, như Nietzsche, như Gabriel Tarde chủ trương rằng lịch sử xã hội chỉ do một vài người anh hùng, một vài siêu nhân tạo ra, và những phần tử khác, nhờ khiêu bắt chiếc, cũng có thể nhảy vào cái « luồng sống » đã mở ra ấy để tác động, cải tạo xã-hội.

Vậy sự thực ở phía nào ? ở phía « xã hội vạn năng » ? Hay ở phía « cá nhân toàn quyền tác động » ?

Tùy theo cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này, ta sẽ có một thái độ tương xứng đối với cuộc sống. Kẻ bị quan là kẻ thấy mình bất lực đối với những sức mạnh xã-hội bên ngoài ; kẻ lạc quan là kẻ tự tin được ở sức sáng tạo mãnh liệt của mình. Đây không phải chỉ là một vấn đề trí thức, mà còn là một vấn đề « luân lý », một vấn đề nhân sinh nữa.

Ta hãy thử tìm xem, từ trước đến nay, trong khung cảnh xã hội, cá nhân đã đóng những vai trò gì ?

1) **Vai trò thụ động.** — Trong một xã-hội, khi sinh-sản-lực còn kém không đủ cung đồ ăn, quần áo và nhà cửa cho mọi người, khi cuộc sống của nhân dân

còn trăm phần eo hẹp khốn khổ, khi các phần tử của xã hội phải luôn luôn đối đầu với đói, rét, bệnh tật, thì con người cũng chưa đủ thông minh để tìm nguyên nhân những tai họa của mình, người ta chỉ biết đổ tại Trời. Ngay đến vua, quan, những bậc giàu có quyền thế... cũng tự cho là những người thừa mệnh trời để điều dắt « trăm họ ». Tất cả mọi người đều yên phận rập mình dưới uy quyền Số-mệnh. Đối với sức mạnh thiêng liêng của Trời, người ta chỉ có một phương pháp hành động, là lay lục cầu xin. Còn đối với những kẻ thừa hành lệnh Trời, đối với chính quyền, thì thái độ của nhân dân là phục tòng tuyệt đối.

Ngoài ra, trong phạm vi sinh hoạt hằng ngày, những lễ lối làm ăn, những cách cư xử của mọi người cả những cách thưởng thức văn chương và mỹ thuật... nhất nhất cái gì cũng là tòng cổ cả. Người ta rất sợ những cái gì lạ, những cái gì mới, những cái gì không giống với những khuôn mẫu tục truyền. Không một ai dám tin vào cá tính đặc biệt và khả năng sáng tác của mình. Khi Khổng-tử đứng ra lập một chủ nghĩa vĩ đại với một mục đích cứu thế, ngài

cũng chỉ nhũn nhận nhận là mình chỉ « san » lại những kinh sách của cổ nhân. Nhà thi sĩ lừng lẫy ở thời thượng cổ Hy-lạp, Homère (1) cũng chỉ dám nhận là người « biên chép » lại những cổ tích lưu truyền trong nhân gian. Vì vậy, ở trong những xã-hội khe khắt thời xưa, những kẻ đã dám có sáng kiến làm khác mọi người thường là bị hành hạ, bị xua đuổi: Jésus, Cakya - Mouni, Khổng-tử, Homère, Copernic, Galilée, J. J. Rousseau, Babeuf... và còn bao nhiêu nhà tư tưởng và nhà khoa học nữa.

Thực ra, cũng không phải họ « thần thánh » gì mà dám táo bạo đi ngược lại với trào lưu xã hội: họ chỉ là những người đại diện « bất buộc » phải đứng ra để biểu lộ những khuynh hướng đang tiềm tàng trong đại chúng và sắp đến kỳ bùng nổ ra. Nhưng bao giờ họ cũng đi nhanh hơn đại chúng, « đến » sớm hơn lịch sử: cái khổ của họ ở đó, và phần vinh hạnh của họ cũng ở đó. Sự thất bại nhỡn tiên của họ tỏ ra rằng trong các xã hội cổ thời, vai trò của cá nhân — dù là những cá nhân siêu việt — cũng chỉ là một vai trò thụ

(1) Tác giả hai bộ « Illiade » và « Odyssee ».

động. Và những người gọi là vĩ nhân đã thành công lừng lẫy ngay lúc sinh thời, — như Alexandre, như César, như Gengis Khan — cũng không phải là những người đã « tạo ra thời thế », đó chỉ là những ngọn sóng cao nhất trong những lớp sóng cuộn tự trong « đáy lòng xã hội đưa lên, đó là những vị lãnh tụ mà một giai cấp thắng thế hoặc toàn thể dân chúng đang cần đến, để ủy cho một chức vụ nhất định. Và cả cái đám người đã tạo ra vĩ nhân và đang chạy theo ngay tạo phẩm của mình, cả cái đám người vô ý thức kia đã bị và đang bị những sức mạnh xã hội (1) xô đẩy không thể nào cưỡng được và cũng không hề ngờ đến.

Đó là tình cảnh chung của những cá nhân trong các xã hội thái cổ (xã hội cộng sản nguyên thủy, thị tộc và bộ lạc; gia đình mẫu hệ) và thượng cổ (nông nghiệp sơ khai). Ngày nay, ở nhiều xứ, có

(1) Sau khi phân tách lý tưởng các cuộc vận động văn hóa và các phong trào xã hội, người ta đã thấy rằng : các nguyên nhân căn bản bao giờ cũng là sự xung đột của sinh sản lực và những tương quan tái sản không thích hợp.

những nông dân, cũng vẫn còn trim ngập trong trạng thái thụ động khốn khổ ấy.

2) Vai trò phản động. — Phải đợi đến khi nông nghiệp phát đạt khá mạnh, trong số những người phong lưu nhàn rỗi, mới có những người đủ thông minh để hiểu rằng « ông Táo hóa » cũng không đến nỗi qua ác nghiệt như xưa kia người ta thường lầm tưởng. Những người có trí thức đã mở mắt nhận thấy những định luật thiên nhiên diễn ra rất đều đặn, rất hiền lành, rất nhân từ đối với sự lầm ăn (giống giọt cây cầy) của nhân dân. Hơn nữa, thiên nhiên lại còn là một nguồn lạc thú thanh cao, một « kho vô tận » để cung cấp thi hứng và tư tưởng cho những văn sĩ cao nhân...

Và sở dĩ có những tai nạn không khiếp như giặc giã, bệnh dịch, đói kém, trộm cướp ; sở dĩ có những sự bóc lột, áp bức làm cho loài người phải đầy dọa khốn khổ, không phải tại giới, mà là tại « phong hóa suy đồi, luân thường đảo ngược ». Cái nguyên nhân đau khổ của loài người đã ở ngay trong lòng con người. thì chỉ có một cách giải thoát. Trừ một vài kẻ ngông

cuồng muốn « để xướng đạo đức » và « chấn chỉnh nhân tâm », phần đông các hiền nhân quân tử đều chủ trương rằng muốn tự cứu mình ra khỏi bể trầm luân khổ ải, ta phải tránh xa cõi đời ô-trọc này và tìm nơi non xanh nước biếc để mà luyện nhân cách, di dưỡng tính tình.

Đó là cái tâm trạng chung của những cá nhân thuộc vào đẳng cấp trung lưu (đã có ý thức) bị những vua chúa và những kẻ lộng quyền áp bức, nhưng tự thấy mình bất lực không chống đối được. Họ đã tìm ra nhiều « cửa ngõ » để « xuất thế », thoát tục nghĩa là phản đối lại xã hội.

Phần đông ngã vào tôn giáo. Họ đi tìm một thiên đường xa lạ, một thế giới tương lai để quên những nỗi thống khổ hiện tại. Muốn tới đó, họ đã không từ nan những phương pháp tu luyện rất khắc khổ, mục đích cốt yếu là tiêu diệt hết những dục vọng nồng nàn của cơ thể. Họ tin rằng có làm cho cơ thể được « trong sạch » (không ham rượu thịt và sắc dục) thì linh hồn mới có thể « bay bổng » lên và thoát ra ngoài xã hội được, mới có thể tới cõi nất bần được.

Một phân số khác không nghĩ xa xôi, viễn vông như thế. Họ chỉ muốn tránh xa những con người xấu xa, độc ác mà họ khinh bỉ, họ thương hại. Họ cũng không tin gì ở sự bất tử của linh hồn. Họ chỉ muốn tìm một cảnh tịch mịch, êm ái và giản dị. Nếu họ không có thể, như thầy Tăng điếm, « đi tắm ở sông Nghi, hóng gió trên núi Vũ, rồi ca hát trở về »; hoặc không có thể « cầm hạc tiêu dao trọn tháng ngày » như thi sĩ Nguyễn-Du; hoặc không có thể « hầu gái một vài cô, hầu trai năm bảy cậu, này cò này rượu này thơ, này đàn ngọt hát hay, này chè chuyên chén mẫu, tay thao lược đủ ngoài vòng cương tỏa, lấy gió mát trăng thanh làm trí thức, tuổi trời ít nữa ấy là hơn » như cụ Nguyễn công-Trứ lúc trong lòng đã chán cả công danh, thì họ cũng sẽ học đòi như Bá-di, như Thúc-tề « uống nước suối, ăn lá cây » sống chết trong rừng xanh để đoạn tuyệt với nhân tình thế thái. Trong cái rừng văn thơ quốc âm ở xứ ta, mà nhiều người vẫn coi là quốc hồn quốc túy, ta luôn luôn gặp cái tâm sự « chán đời » ấy dù là ở dưới ngọn bút của Bạch vân cư sĩ (Nguyễn bích Khiêm), của Ôn như hầu, của

Cao-bá-Quát, hoặc là ngay gần đây của Tú-Xương và Tản-Đà....

Tóm lại, dù là khắc khổ, dù muốn ưu du, những nhân vật kể trên cũng giống nhau ở một điểm: *đi trốn xã-hội*. Trốn vào Tôn-giáo, trốn vào Dĩ-vãng, trốn vào Nghệ-thuật, trốn vào Đạo-đức, trốn vào Rượu, trốn vào Ái-tình; bọn người ấy đã phản động lại với xã hội vậy. Nhưng đó chỉ là một sự phản động tiêu cực.

3.) Vai trò tác động. — Thế nào là tác động đến xã-hội?

Ta đã biết rằng mỗi một xã-hội là một hệ thống phức tạp (có những người, những vật, những tư tưởng) tổ chức rất kiên cố (hạ tầng cơ sở và thượng-tầng kiến thiết). Mỗi xã-hội lại có một cơ quan quản trị để duy trì cái trật tự đang có. Cơ quan này bao trùm cả xã-hội, bủa ra rất nhiều mắt lưới bám chặt lấy từng cá nhân và giữ chặt ở vị-trí đã định sẵn. Xem như vậy, thì cái áp lực xã-hội rất mạnh mẽ, hầu như đã thành một « định mệnh » rồi vậy (Durkheim). Thực ra, cái áp lực ấy — không ai còn dám chối cãi sức mạnh của nó — không phải, không thể nào là một sức mạnh

« vạn năng » được. Sức chịu đựng của cá nhân cũng chỉ có hạn thôi. Đã đành rằng khi bị cuốn vào trong cuộc sống của cả một đoàn thể có tổ chức, khi ăn, khi nói, khi đi, khi đứng, khi làm việc, khi giải trí, khi phấn nộ, khi yêu đương, bao giờ cá nhân cũng phải đi theo những con đường vạch sẵn (do pháp luật luân lý phong tục) nhưng cơ thể cá nhân không phải là một cái máy hoàn toàn thụ động. Nó cũng phải sinh hoạt theo những định luật sinh lý của nó, khác hẳn những mệnh lệnh xã hội, nhưng cũng cấp bách chẳng kém gì. Vì thế nên mặc dầu những cấm kỵ và hành phạt của xã hội, luôn luôn ta vẫn thấy có những cá nhân đánh nhau, giết nhau, cướp bóc của nhau (vượt quyền pháp luật) hoặc có những hành vi khác thường, ngông cuồng, điên dại (vượt quyền luân lý), hoặc nêu ra những tình cảm « lạ lùng » vượt hẳn với cái mức cảm xúc thông thường, hoặc nghĩ ra những lý thuyết « kỳ quặc » chổng đối hẳn với những tư chân lý hiện hành, quan định (officiel). Dù bộ máy xã-hội có muốn kềm cựa đến đâu — thực ra thì chính nó cũng lệch lạc, sộc sệch, lỏng lẻo luôn — tất cả cái khối cá nhân nằm dưới sức

đè ép của nó, cũng vẫn cựa quậy, rầy rụa và vẫn công phá, thay đổi dần dần cái bộ máy kia. Có điều là, xét từng cá nhân lẻ loi một, thì cái sức công phá thay đổi ít ỏi quá, yếu đuối quá, nhất là khi cá nhân chưa có ý thức về địa vị của mình. Vì thế nên xét từ xưa đến nay, ta có thể cho là phần đông các cá nhân lẻ loi, đối với xã hội, chỉ mới đóng những vai trò thụ động hoặc phản động tiêu cực mà thôi.

Nói đến sự tác động tích cực, nói đến những sự thay đổi xã hội rõ rệt do từng cá nhân lẻ loi gây nên, tức là phải nói đến những người siêu quần, xuất chúng, các vĩ nhân.

Trong bọn người « chán đời », « bất mãn » mà ở xã-hội nào cũng có, không phải ai cũng đi tu, đi trốn và truy lạc như những vai trò phản động tiêu cực nói ở trên kia. Có những văn sĩ viết ra những tác phẩm đề « chửi đời » (La Rochefoucauld, La Bruyère) đề riêu đời (La Fontaine, Molière) đề răn đời, đề dạy đời. Có những nhà thi sĩ tạo ra những lời cảm xúc mới khó khăn và tế nhị để khỏi phải « sống » bằng những tình cảm dễ dàng và thô tục của « thể nhân » (Victor Hugo, Baudelaire, Verlaine, P. Valéry...) Có

những nhà tư tưởng ngồi trong tháp ngà xây dựng những học thuyết « cách mạng » để lật đổ hẳn cái ngai vàng của bọn trí thức mà thời thượng đang sùng bái (Socrate-Descartes, Spinoza, Rousseau, Marx).

Họ đã gây ra được những phong trào văn chương và tư tưởng lôi cuốn cả một số rất lớn người đồng thời; họ đã có sức mạnh biến cải hẳn những thể cách suy nghĩ, cảm xúc, cả những luân lý, phong tục cổ hủ của một xã hội. Họ đã ngự trị trên tinh thần của thời đại như những ông « vua linh thần » vậy.

Mạnh hơn nữa, là những nhà khoa học, những anh hùng, những chinh khách. Lavoisier, Newton, Pasteur, Curie, Einstein... là những người đã dùng sức óc để thay đổi hẳn « mặt trái đất » trong một thời gian ngắn ngủi. Họ đã « tạo » ra nền văn minh khoa học cơ khí rực rỡ của Âu-châu vậy. Còn như Alexandre, César, Charles Quint, Louis XIV, Napoléon, Bismarck, Lénine, Tôn Văn... phải chăng là những ngôi sao chói lòa để dẫn đường tiến hóa cho xã hội?

Có lẽ chúng ta ngay nay, không ai dám chối cãi rằng những văn nhân thi sĩ, những nhà khoa học, những viên tướng giỏi... là những

tài năng phi thường và địa vị của họ rất lớn lao trong lịch sử. Nhưng cái vấn đề phải đặt ra là: tại sao họ lại có những tài năng phi thường ấy? Tại sao địa vị của họ lại lớn lao? Trước hết, ta cần nhớ rằng những tài năng phi thường kia không phải là những « thiên tài » giới sai xuống. Cũng không phải là những linh hồn do « khí thiêng của non sông hun đúc ». Cũng như mọi người, họ cũng có một cơ thể, cũng có một ý thức do một hoàn cảnh xã hội đào tạo ra. Cái cơ thể kia cũng bị quy định bởi những điều kiện sinh lý thông thường như nội tạng, khí huyết, đồ ăn, đồ uống. Và cái ý thức kia cũng đã chịu ảnh hưởng mật thiết của luân lý, giáo dục, phong tục của thời đại họ. Những thứ kể trên đã tạo ra sức khỏe, ra trí tuệ, ra ý chí của họ. Cái đặc điểm ở đây là họ đã được hưởng những điều kiện sinh lý và xã hội xung mãn, đầy đủ, và nhất là những điều kiện ấy lại gặp được những trường hợp lịch sử thuận tiện để phối hóa với nhau một cách cân đối: tài năng của vĩ nhân chỉ là kết quả đẹp đẽ của sự phối hóa kia. Đã đành rằng những cuộc phối hóa quý báu kia — cần đến rất nhiều điều kiện — là

những dịp rất hiếm, nhưng nó cũng không có gì là thiêng liêng, là bí hiểm cả. Ngày nay, nhờ có những điều kiện sinh hoạt rõ ràng hơn ở các xã hội văn minh, số người « tài hoa » đã tăng lên gấp bội ngày xưa. Ta không còn phải lo rằng một vĩ nhân mất đi rồi thì không thể ai thay được nữa, (Ví dụ ở nước Đức, có bốn năm người đã được dự bị đề thay Hitler nếu chẳng may có xảy ra sự gì). Sở dĩ ngày xưa, sự sùng bái anh hùng rất mạnh, một là vì những điều kiện sinh hoạt eo hẹp thường bóp chết hầu hết các tài năng chớm nở, hai là người ta hay dùng những phương pháp tôn giáo thần bí đề « thần hóa » (diviniser) người anh hùng làm cho lê dân khiếp sợ. Ngày nay, người ta đếm vỉnh coi vĩ nhân như như một « hiện tượng, kết tinh tốt đẹp » (phénomène de cristallisation heureuse), và tin rằng sự tổ chức xã hội càng hoàn thiện, thì những hiện tượng kết tinh tốt đẹp kia càng nhiều ra.

Cũng có nhiều người không còn bị mê hoặc về cái « bản thể thần thánh » của vĩ nhân nữa, song không thể không lấy làm lạ và hết sức thần phục công nghiệp nguông giới lệch đất của vĩ nhân. Họ

cho là *một tay* Napoléon đã làm rung chuyển cả Âu-châu trong mấy chục năm, *một tay* Pasteur đã cứu sống được hàng trăm triệu sinh linh, *một tay* Tôn văn đã lật đổ được cả một đế quốc đồ sộ của nhà Mãn-thạch...v... v.... Nghĩ như thế, tức là chỉ trông thấy ngọn cây mà không thấy gốc cây, tức là không trông thấy đằng sau cái « *bàn tay* » tiêu biểu kia, còn có bao nhiêu sức mạnh xã hội đang quy tụ và điều khiển. Napoléon sẽ chỉ là một viên tướng thường như trăm nghìn viên khác nếu không gặp một nước Pháp đang bùng bột một sinh lực cách mạng, nếu không sinh nhằm đúng thời kỳ chế độ quân chủ đang suy tàn. Không phải Napoléon đã tự ý muốn gây ra chiến tranh để thỏa mãn riêng mình, mà nước Pháp dân chủ của giai tầng bourgeois đang đi tới bắt buộc phải diệt hẳn chế độ quân chủ Âu-châu thì mới có thể tồn tại được. Có người sẽ bảo: nếu không có Napoléon thì sao? Thì con đường của lịch sử cũng sẽ phải đi như thế. Có lẽ không có những trận nhỏ ở Aboukir, ở Saint Jean d'Acre, ở Bérésina... do Napoléon cầm đầu; có lẽ không có một vài sự cải cách lật vạt do sở thích

riêng của Napoléon bày ra, song rồi cuối cùng những kết quả phải có cũng vẫn phải có : sự phục hưng nền quân chủ, sự điêu tàn của lý tưởng cách mạng.

Về mặt khoa học, chúng ta đều biết rằng từ thế kỷ XVII nền công nghệ Âu-châu đã gặp những điều kiện rất thuận tiện để phát triển, giai tầng bourgeois cần đến những phát minh khoa học trong các ngành công nghệ để khuếch trương sự nghiệp kinh doanh. Người ta bỏ ra rất nhiều tiền để dựng những viện khảo cứu, những phòng thí nghiệm, để khuyến khích sự tìm tòi khoa học. Người ta đã ủy cho Lavoisier công việc nghiên cứu vấn đề đèn lửa cho thành phố Paris, để tìm những cách soi sáng tỏ tường và tiện lợi, nhân đó mà ông nghiên cứu về dưỡng khí và lập ra khoa hóa học. Về sau này, rất nhiều công phu nghiên cứu của Pasteur cũng là bắt nguồn ở các « commande » của các nhà tư bản cả : nghiên cứu về sâu nhỏ, sâu tằm, về ướp men dấm...v.v. Đồng thời với Pasteur, ở khắp các nước còn có bao nhiêu phòng thí nghiệm, bao nhiêu nhà khoa học, hàng vạn nhân viên giúp việc và không biết bao nhiêu báo chí sách vở

trao đổi qua các biên thủy quốc gia. Đã đành là Pasteur phải là một tài năng xuất chúng, nhưng cái địa vị lớn lao của Pasteur trong sự tiến hóa của xã hội, không phải một mình Pasteur đã gây ra được mà là do tình trạng kinh tế và trí thức của nước Pháp và của thế giới, do nguyên-vong thiết tha của cả một giai tầng quyền thế, do công phu cố gắng của hàng nghìn người đồng chí và đồng nghiệp, do sự tiến bộ của các khí cụ khoa học (và sự tiến bộ này lại bị lệ thuộc vào sự tiến bộ của tất cả nền kỹ thuật của xã hội).

Vậy thì chính là những điều kiện xã hội đã quý định ý muốn và tác động của vĩ nhân, và đã tạo cho vĩ nhân một địa vị rất lớn lao trong cuộc tiến hóa. Ta thừa biết rằng trong bóng tối có biết bao nhiêu tài năng không gặp điều kiện để nảy nở, và trái lại lịch sử đã chứng rằng có nhiều người — nhờ vị trí trong hệ thống xã hội — đã có những địa vị lớn lao mà không phải là vĩ nhân, nghĩa là không có năng khiếu gì xuất sắc hơn người thường. Nói vậy, không phải là làm giảm giá trị của vĩ nhân. Vĩ nhân là những sản phẩm xã hội rất quý báu, có sức tác động đến xã hội rất mạnh,

rất cần thiết cho cuộc tiến hóa. Nếu không có Robespierre có lẽ cuộc cách mạng dân chủ Pháp không thành công vẻ vang như thế, nếu không có Lavoisier, Newton, có lẽ khoa học Âu-châu chưa tiến được nhanh như thế, nếu không có Marx thì khoa xã hội học không được rục rở như ngày nay và loài người sẽ phải bi quan lâu hơn nữa... Nhưng chắc chắn là mỗi thời kỳ lịch sử sẽ phải tạo ra những người có tài năng và nhất là biết hành động đúng với những nguyện vọng xa xa của xã hội. Họ sẽ thành ra những vĩ nhân trong khi những tài năng nào đi ngược lại với trào lưu tiến hóa chỉ là những kẻ cuồng dại không ai đếm xỉa tới.

Đi theo dòng lịch sử, ta đã thấy rằng : thời xưa, khi kiến trúc xã hội còn đơn giản, khi bao nhiêu quyền chính ở cả trong tay một vài vị vua chúa độc đoán, khi ý thức cá nhân còn ít ỏi, yếu đuối và lơ mờ, thì vai trò một cá nhân lẻ loi thường chỉ có tính cách thụ động hoặc phản động tiêu cực. Về sau, nhờ những cuộc biến đổi của xã hội, những cá nhân được giải phóng ra khỏi vòng gia đình và làng xóm càng ngày

càng nhiều. Ý thức cá nhân cũng thêm sáng suốt và sức tác động tăng lên rất mạnh. Ngày nay, ở các xứ văn minh, số người dự vào văn chương, tư tưởng, khoa học, kỹ thuật, chính trị... càng ngày càng đông. Mỗi cá nhân, gặp nhiều điều kiện sinh hoạt thuận tiện hơn, đã có thêm nhiều khả năng để biến đổi xã hội (phá hủy những hiện tượng cũ và gây ra những hiện tượng xã hội mới).

Tuy vậy, sức tác động cũng chưa đủ để đánh giá vai trò cá nhân, ta còn phải xét đến xu hướng và mục đích của sức tác động ấy nữa.

K
lớp,
trần
cá n
nhau.
T
lực l
bên x
tây, r
cùng n
những
tôn, th
các cá

CHƯƠNG IV

Con đường phát triển của cá nhân

Khi một xã-hội còn chia ra nhiều tầng lớp, và những tầng lớp riêng rẽ ấy còn tranh dành nhau, thì sức tác động của những cá nhân chắc phải va chạm nhau, cản trở nhau. Kết quả sẽ ra sao ?

Tá hãy tưởng tượng ra hai bộn người lực lưỡng đang cùng xô một tảng đá, một bên xô về phía đông, bên kia lại xô về phía tây, rút cục tảng đá quay tròn đi và hai bên cùng ngã cả. Trong một xã hội thiếu hợp nhất, những phần tử xung đột nhau thường bị đau đớn, thiệt thòi như thế cả. Sức tác động của các cá nhân càng mạnh, sự xô xát lại càng

gay go thảm khốc. Không những thế, những hiện tượng xã hội do sự xô xát kia gây ra (nạn đói rét, nạn chiến tranh, nạn kinh tế khủng hoảng...) lại biến thành những sức mạnh « xa lạ » nó áp bức mỗi người mà không ai điều khiển nổi. Chính vì thế mà đứng trước những « tai họa » hằng ngày, chúng ta thường chỉ biết nhắm mắt đồ liều cho số mệnh.

Lịch sử một xã hội, bao giờ cũng do những cá nhân « làm » ra. Nhưng cái bi kịch ở chỗ cái xã hội do những cá nhân làm ra kia lại phản trái với nguyện vọng từng cá nhân. Xã hội không phải là của cá nhân. Cá nhân không phải của xã hội. Xã hội và cá nhân vẫn còn là hai cái thực tại biệt lập, hai sức mạnh đối đầu nhau, tàn phá nhau, làm cho xã hội thành rối loạn và các cá nhân phải khốn khổ.

Trong tình trạng này, người ta đã đưa những phương pháp giải cứu nào ra ?

A. -- Cải tạo con người. -- Đây là phương pháp của những nhà sinh lý học như (Le Dautec, Huxley, J. Rostand, A. Carrel); của những thầy thuốc trong phái Y-học tự nhiên (Medecine naturiste) như

Paul Carton, Demarquette, Gaston Durville, của những nhà văn hay chú ý đến thời cuộc (Charles Wagner, Daniel Rops, Gustave le Bon, Henry Bordeaux, Georges Duhamel, André Maurois...)

Tất cả những người kể trên đều đã « giết mình » vì thấy cảnh đọa lạc « khốn nạn » của con người văn minh : ăn uống quá độ, dâm dục quá độ, thần kinh suy yếu, thân thể trì trệ, các bệnh tật thêm ra, sự sinh dục sút kém, sức làm việc giảm nhiều, tình cảm khô cạn, khí phách tiêu tán... Họ cho là chính cơ khí và kỹ nghệ, sự sung mãn vật chất, sự sao nhãng linh hồn, sự tiện nghi (confort) và xa xỉ (luxure) quá đáng dễ nuông chiều cơ thể, đã rút mòn hết sinh lực của con người, làm cho con người kiệt liệt, rối loạn khôn khổ.

Làm thế nào để chữa được cho hẳn.

1) Toa thuốc hạnh phúc của văn sĩ André Maurois. — Đối với những người khốn khổ ấy — phần đông là thanh niên văn sĩ André Maurois đã biên một toa thuốc về hạnh phúc mà ông cho là linh nghiệm. Đó là một phương pháp « vệ sinh tinh thần » gồm có bốn phương thuốc :

a) *Phương thuốc đầu tiên là tránh sự suy nghĩ nhiều quá về quá khứ.* — Ta phải theo câu phương ngôn Anh: quên lãng để tìm hạnh phúc. Phải làm như thi sĩ Lord Byron một người vốn nhiều tâm sự, hay riêng khổ sở, nhưng đã biết tự rút với mình, bỏ xứ xở là nước Anh và quảng mình vào cuộc chiến tranh ở Hy-lạp, chiến đấu cho sự giải phóng của dân tộc Hy-lạp. Thi sĩ Byron đã thán vì chiến tranh nhưng cũng đã tìm thấy hạnh phúc trong sự quên lãng cái dĩ vãng chắc là sâu thẳm rối loạn của mình.

Ngày nay, André Maurois hiến cho thanh niên những bí quyết hạnh phúc dễ dàng hơn. « *Hãy trông coi khu vườn của anh. Hãy sưu tầm các bộ. Hãy tìm lấy một đầu đề khảo sát. Hãy tập một thứ đàn, học một thứ tiếng ngoại quốc. Nếu anh không có thể tự mình hành động, hãy quên mình trong một buổi kịch, một cuốn phim, một cuốn tiểu thuyết* » (1).

b) *Phương thuốc thứ hai là hành động.* — Phải làm như người làm vườn

(1) Xem chú thích trang 139.

tủa nhà triết học Anh Bertrand Russel : lúc nào cũng tìm cách đuổi những con thỏ đó phá hại rau của anh ta, nghĩa là lúc nào cũng bận công việc. (1) c) *Phương thuốc thứ ba* : Chọn dễ mà sống quen thuộc trong một hoàn cảnh mà sự nỗ lực cũng đi theo một chiều với mình và miễn thích công việc của mình (2).

d) *Phương thuốc thứ tư* : Không nên tự làm khổ bằng cách tưởng tượng những tai họa xa xôi và bất ngờ (3), nghĩa là không cần nghĩ đến tương lai nhiều quá. « Hãy làm hết bổn phận của ông và hãy mặc thân thánh xoay vần » (4).

André Maurois là một văn sĩ « còn cứng » trong những giới phong lưu đài các. Với giọng văn chải chuốt, với những lý lẽ uyển chuyển khôn khéo, ông đã làm thỏa mãn được một số đông trí thức tư sản. Không biết cái toa thuốc trên kia của ông có làm lấp được cái « trống rỗng thâm thiết » của những thanh niên tư sản chìm ngộp trong

(1), (2), (3), (4) Thanh niên trước thế giới mới (La jeunesse devant le monde moderne) nguyên văn của A. Maurois, Phùng-Nguyễn dịch, Tân-Việt xuất bản.

sự ăn chơi vừa mơ mộng vừa truy lạc không? Chỉ biết rằng, đó là một phương pháp cá nhân 100 phần 100, trong đó ông thầy thuốc tinh thần kia đã hết sức chú mục vào con người và không có dả động đến xã hội cũng chỉ là để khỏi tắc trách với lương tâm. Xã hội ở đây cũng chỉ là một phương tiện cho cá nhân tự thỏa mãn thêm.

2.) **Mấy nguyên tắc của bác sĩ A. Carrel.** — Đi xa hơn nữa, bác sĩ Carrel (1) muốn « phá vỡ những khuôn khổ giáo dục và xã hội đang kìm hãm con người ». Nhưng ông cũng không hề nói rõ ra là bằng cách nào. Trong khi chờ đợi một nền văn minh tinh thần mới, để giải cứu con người ra khỏi tình cảnh dọa lạc hiện thời, bác sĩ Carrel đã nêu ra một phương pháp tu luyện cá nhân. Để chống với ảnh hưởng tai hại của cái xã hội suy đốn này, để tái tạo lại cái thế giới mục nát này, mỗi cá nhân sẽ phải cải tạo lại ngay con người của mình trước đã và theo mấy nguyên tắc sau này :

(1) L'homme, cet inconnu.

1.) *Biến đổi cơ thể.*— Tiêm hoặc uống những chất hóa học (do những viên khảo cứu sinh lý học chuyên môn như viện Rockefeller ở Mỹ làm ra) khả dĩ biến đổi được huyết dịch, các tế bào, các nội hạch, và thần kinh hệ. Để tăng sức mạnh của cơ thể, một cơ thể phải luôn luôn chống đỡ với sự công kích hỗn loạn và mãnh liệt của những nơi đô hội náo nhiệt. Nhưng thế cũng chưa đủ.

2.) *Đời sống cố tịch.*— Lại còn cần phải tránh hẳn hoặc luôn luôn xa lánh những thành phố lớn. Thu hẹp sự giao thiệp lại. Bớt những cuộc vui như đi xem chiếu bóng, như nghe hát ở mấy truyền thanh, như đọc những báo khiêu dâm. Cắt đứt bớt những giây liên lạc với cuộc đời. Tắm mình trong yên lặng. Xa đám đông, lũ lễ dân bản thủ và thô tục. Tìm những biệt thự xa vắng ở trên núi hoặc bờ biển. Trăm tư mặc tưởng, cầu nguyện, nuôi dưỡng tinh thần nhưng không phải để tu mà là để dự bị cuộc tranh đấu.

3.) *Đoàn thể bạn.*— Và muốn tranh đấu phải tìm những người cùng chí hướng, thờ chung một lý tưởng, sống riêng với nhau ở

một thế giới khu-biệt, cùng nhau theo một qui luật khắc khổ như các vị thánh trong đạo Gia-tô ngày xưa. Thiết lập một đoàn thể cố kết, trước hết là để nhờ đó « làm cuộc cách mạng cá nhân » tự rèn luyện lấy một tinh thần mạnh mẽ, rồi sẽ dục vào những việc từ thiện, cứu tế, làm tròn những bổn phận đối với quốc gia và xã hội. Thực ra A. Carrel đã kết án văn minh vật chất, phản đối những nguyện vọng dân chủ (mà ông cho là mù quáng), những khuynh hướng xã hội (mà ông cho là những ảo tưởng). Ông lại còn cổ vũ chiến tranh, coi nó là một lò lửa để gột rửa linh hồn và khôi phục lại chí khí của tổ tiên ngày xưa mà ngày nay con cháu đã làm cho quệ liệt (vì văn minh vật chất!). Ông công kích những chính khách đương thời, cho là họ không đủ tư cách hướng dẫn quốc dân, vì không hiểu tâm lý và sinh lý học. Theo ý ông, những người cầm đầu cho « vận mệnh quốc gia » sau này, phải là những nhà tâm lý học đại tài kiêm cả y học và sinh lý học nữa...

Cuốn sách « L'homme cet inconnu » của bác-sĩ A. Carrel, một đạo đã được hoan nghênh nhiệt liệt ở nhiều nước tư bản, đồng

thời với những phong trào Y-học tự nhiên và « ở trần » (Nudisme), với những cuộc hội họp về Thầi-học (Spiritisme) và Thông-thiên học (Théosophie), với những sách về sinh của Victor Pauchet, những sách thời miên của P. C. Jagot, với những phong trào thanh niên và hướng đạo rầm rộ.

Nguyên do là sau cuộc chiến tranh 1914 — 1918, hầu hết những cá nhân trong đẳng cấp tư bản và ở những tầng lớp trung sản và tiểu tư sản đã đi sâu vào con đường ăn chơi, mơ mộng, chán nản, điên cuồng. Họ thấy rằng cái thế giới họ đang sống là một thế giới cũ kỹ mục nát, đang siêu vẹo, sắp trúc đồ. Đứng trước một tương lai đen tối, họ mất hết tin tưởng và nghị lực. Họ trôi dạt xuống dốc truy lạc.

Những phương pháp cải tạo sinh lực kia đã vì họ mà có. Người ta đã tha thiết kêu gọi họ để họ dừng lại, mau mau *chấn chỉnh* con người của họ lại, để duy trì nền trật tự cũ và khôi phục những quyền lợi và địa vị của họ, đang gặp bước suy vong. Do đó chủ nghĩa cá nhân lại hiện ra với một hình thức mới, dấu kín sự hung hăng gay gắt, một sự đối phó đáng sau một bộ áo vĩ-tha tô điểm bằng

một vài xu hướng cải lương xã hội. Đó là một sự thích ứng của chủ nghĩa cá nhân trước sự tiến tới của phong trào xã hội.

B. Tổ chức xã hội. — Bên cạnh sự đọa lạc của những cá nhân rời rã, phong lưu, xúc tích, đài các, lại còn có sự đọa lạc rõ rệt hơn, bộc lộ hơn, muôn phần bi thảm hơn của rất nhiều cá nhân khác. Những thầy thuốc và những nhà văn trên kia chỉ nghĩ đến giải quyết ở một phía, cho một bọn, một số ít. Bị những quyền lợi đảng cấp xô đẩy, họ có ý thức hoặc không có ý thức về việc làm của họ. Họ đều ngã vào những lý thuyết cũ kỹ và sai lầm về địa vị quá to của người anh hùng, của siêu nhân. Trong khi muốn giải quyết một vấn đề trong đại, một bài toán bao trùm cả cuộc sinh hoạt của loài người; họ không tính đến cái yếu tố căn bản : xã hội. Từ non một trăm năm nay, đã có những người vẫn âm thầm, vẫn cặm cụi, nghiên cứu lịch sử và xã hội. Họ đã xây dựng được một học thuyết vĩ đại (học thuyết của Marx) mở đường cho những cuộc vận động văn hóa rực rỡ (ở Nga), đánh thức dậy ở hàng triệu người

những mối lạc quan và tin tưởng vô cùng mãnh liệt. Chủ đích của họ cũng chỉ là mong giải quyết những mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội. Có điều khác, là ở đây người ta không vụ những kết quả nhơn tiền hời hợt mà mưu những công cuộc vững bền ở tương lai, người ta không lo cải lương mà thấy cần thay đổi (cách mạng); không muốn chỉ giải quyết cho một số cá nhân mà cho toàn thể các cá nhân; không chịu đứng trong vòng một xứ mà muốn vùng rộng ra khắp các xứ. Một điều khác nữa, là ở đây, người ta dám dựa vào chân lý, dù là một chân lý tương đối, dám tin ở khoa học, dù là một khoa học thực nghiệm đi rất chậm chạp. Giáo sư Paul Langevin, khi đề tựa cho một bộ sách đồ sộ nghiên cứu xã hội học (1), đã viết: «Nhiệm vụ của khoa học, từ mấy ngàn năm nay, vẫn là làm thế nào cho trí tuệ con người phản chiếu đúng được thực tế (2); là làm thế nào cho ta nhìn

(1) L'évolution humaine des origines à nos jours
nhà Quillet ở Paris xuất bản năm 1934.

(2) Thực tế đây là gồm cả, thiên nhiên, xã hội, và con người.

dùng được ngoại giới càng ngày càng rõ rệt, càng tinh vi, để hiểu rõ nó là cái gì. Có hiểu thì mới biết đoán, có dự đoán mới dám hành động.

Các nhà xã hội học duy vật đã áp dụng nguyên tắc căn bản này, trong khi nghiên cứu mọi vấn đề về cá nhân và xã hội. Nhờ vậy mà họ đã tránh được con đường u ám, thần bí mà hầu hết các nhà trí thức hiện thời đều đắm vào khi đứng trước những vấn đề gọi là những vấn đề tinh thần. Họ đã phân tích căn kẽ những vấn đề tinh thần này, và ở chỗ nào cũng tìm ra những điều kiện lịch sử và xã hội đã quy định những hiện tượng tâm lý; ở chỗ nào cũng đã đi tới cái nền tảng vật chất làm cơ sở cho tất cả những phát hiện tinh thần. Vấn đề xã hội và cá nhân này, họ cũng đã nghiên cứu và giải quyết bằng phương pháp ấy. Họ sẽ đi đến kết luận này:

Phải tổ chức xã hội để cho cá nhân phát triển.

1.) **Tổ chức xã hội.** — Khi xưa con người tin rằng có những thần gió, thần mưa, thần sấm sét... vẫn dọa nạt và áp bức hẳn. Đứng trước cái bí mật của thiên nhiên thấy mình

bé nhỏ, yếu đuối, chỉ biết nhắm mắt tin ở số mệnh.

Ngày nay, đối với xã hội, thái độ của nhiều người cũng giống như thế. Mỗi khi chúng ta bị thất bại trong sự giao tế hoặc trong công việc làm ăn, ta cũng chỉ biết kêu trời, hoặc vô đầu vô tai oán trách ta hay những người thân ta, hay một số người mà ta gọi một cách vu vơ là xã-hội. Chung quy, ta cũng không hiểu rõ nguyên do của rất nhiều tình trạng đau khổ của ta, và không biết tự giải cứu thế nào? Cũng như con người thái cổ đứng trước thiên nhiên, ngày nay đứng trước xã hội, ta cũng thấy sợ hãi, bất lực, vì không thấy gì, không hiểu gì cả.

Nhưng, con người đã chinh phục được thiên nhiên. Ánh sáng khoa học đã đánh tan những tín ngưỡng thần bí, khám phá ra những sức mạnh ở ngoại giới (xưa kia vẫn gọi là những vị thần), soi rõ tới tận cái nền tảng vật chất của chúng, tách ra những định luật vẫn chi phối sự phát triển của chúng. « Muốn chế ngự thiên nhiên, trước hết phải biết phục tùng nó ». Theo nguyên tắc ấy của thủy tổ khoa học thực nghiệm, Roger Bacon, người ta đã thiết lập ra những khoa học về vật lý,

ngiên cứu rảnh rẽ những hiện tượng thiên nhiên. Nhờ vậy, mà ngày nay người ta sai khiến được hơi nước, sức nóng, điện khí, ánh sáng, quang tuyến... Những sức mạnh này bị điều khiển, quay lại phụng sự con người, biến thành những khí giới rất lợi hại để con người chinh phục thiên nhiên, giúp con người cải tạo hẳn lại sự sinh hoạt trên mặt trái đất, tạo ra cho hẳn những khả năng hành động càng ngày càng mạnh mẽ.

Ngày nay, đối với cái thực tại bí mật và ghê gớm là xã hội, chúng ta cũng phải lo tìm tòi, khám phá như thế. Con đường giải thoát vẫn chỉ có thể là con đường khoa học: ngày xưa người ta nghiên cứu những khoa học về thiên nhiên mãi miết chừng nào, thì ngày nay ta cũng phải hết sức nghiên cứu những khoa học về xã hội như thế. Tại sao vậy?

Chỉ có xã hội học mới chỉ rõ cho ta cái hoàn cảnh xã hội ta đang sống, xem nó có thích hợp hay không thích hợp với ta. Nhân đó, ta sẽ khám phá ra những thủ tục, những thành kiến, những áp lực đã « nhào nặn tâm hồn » ta và tạo ra nhân tính ta. Xưa kia, ta vẫn có ảo tưởng là con

người tự do ; nay nhờ ánh sáng của xã-hội-học, ta mới thấy ta bị xã hội bao vây như trong một cái lưới rất mau, rất dày. Không có một tác động nào của ta mà là tự ý ta cả, ngay đến ý chí của ta cũng đã bị xã hội quy định, cũng chỉ là sản phẩm xã hội mà thôi.

Hiểu như vậy, nhận rõ được các vị trí của ta trong hệ thống xã hội, nhận rõ được những tương quan kinh tế, những tương quan trí thức giữa ta với mọi người ở những tầng lớp khác trong xã hội tức là có ý thức. Có ý thức, tức là bắt đầu chống lại với áp lực chuyên chế của xã hội rồi. Từ nay, nếu ta chưa thay đổi được xã hội như ý ta muốn, thì ít ra ta cũng rỗi được rất nhiều lăm lặc và ảo tưởng, ta sẽ không bị xã hội xô đẩy một cách mù lòa nữa. Như « cây sậy biết nghĩ » của Pascal, ta sẽ biết ta đang chịu nén dưới những uy lực nào, và ta sẽ bình tĩnh nghiên cứu ngay những uy lực chuyên chế kia.

Ta sẽ dùng phương pháp xã hội học (duy vật sử quan) để chiếu tỏ vào những pháp luật, những tín ngưỡng, những nền luân lý cổ truyền, những phong tục, những chế độ chính trị... Nhờ đó, ta sẽ nhận được mọi

hình thái của xã hội. Rồi theo cái quá trình biến chứng của xã-hội, ta sẽ tìm ra những định luật phát triển của nó, ta sẽ dự đoán được những đoạn đường sẽ đi tới và nêu ra được những lý tưởng « thiết thực » có đủ điều kiện lịch sử để thể hiện.

Hơn nữa, người ta lại có thể dựa ngay vào những kiến thức và định luật xã hội học kia, để *thay đổi* hẳn xã hội trong một thời gian ngắn ngủi, theo những chương trình vạch sẵn. (Công việc này đã thực hành ở Nga và đã đem lại những kết quả khá tốt). Một nhà xã-hội học hiện đại đã dám quả quyết rằng : « Khi nào người ta không coi công việc chính trị là một trò ảo thuật để huyền hoặc quần chúng nữa, mà là một khoa học nghiêm trang, khi đó người ta sẽ thừa sức xây dựng, cải tạo lại cả một xã hội như người ta mở một hải cảng hoặc đào một con sông vậy ». (Jean Pain : Les inventions et le sens inventif).

Nhờ có ánh sáng của xã hội học, con người từ nay sẽ « làm lịch sử » của mình một cách có ý thức, có phương pháp, để gây nên *những kết quả như ý muốn*. « Nhân-loại sẽ nhảy một bước từ tình trạng bó buộc u-

mê này (thế giới tất yếu) (1) sang một tình trạng rộng rãi và sáng sủa khác (thế giới tự do) (2) (Engels).

2.) Cá nhân phát triển. — Sự thực thì công cuộc gây dựng hạnh phúc cho toàn thể các cá nhân bằng phương pháp xã hội là một công cuộc lâu dài, nhọc nhằn, đầy cản trở. Phải cần có kiến thức để hiểu rõ lẽ tiến hóa và lẽ biện chứng của sự vật, của xã hội, của con người, thì mới đủ can đảm để theo đuổi và tin tưởng ở cái công việc « đội đá vá giày » là biến cải bản cuộc sinh hoạt của xã hội loài người.

Theo bác sĩ H. Vallon (3), con đường phải triển cá nhân sẽ phải chia ra mấy giai đoạn :

a) Phá bỏ giai cấp. — Bình đẳng không phải chỉ là một cách hô hào xuyên những quyền bình đẳng thiên nhiên của con người. Engels cho rằng « sự bình đẳng chỉ là sự phá bỏ giai cấp » sự bình đẳng thiết thực nhất chỉ là sự đem những cơ quan sinh sản

(1) Monde de la nécessité.

(2) Monde de la liberté.

(3) L'individu et la société.

làm của chung xã hội. Khi những sinh sản lực không ở trong tay một bọn, tức là cái căn bản vật chất của sự phân chia giai cấp đã mất. Đó mới chỉ là bước đầu.

b) Hưởng lợi tùy theo sức làm việc. —

Ngay khi các giai cấp đã phá bỏ đi rồi, ngay khi không có những kẻ tích trữ hàng hóa nữa, mỗi cá nhân cũng chưa được «lọt vào thiên đường» ngay đâu. Mỗi người cũng còn phải hy sinh một chút nguyên lợi của mình (số tiền lương làm việc) cho công quỹ : để sắm sửa và giữ gìn khí cụ sinh sản, những máy móc công cộng, để nuôi dưỡng những người già, những người ốm, những con trẻ không làm việc được. Vậy hẳn chưa được hưởng hết những quyền lợi theo đúng với sự làm việc của hẳn : đó là một sự bất công mà hẳn sẽ phải chịu trong một thời kỳ. Một sự bất công nữa : Ví dụ hai người cùng làm việc ngang sức nhau, nhưng một người sống độc thân, một người có bốn năm con, hai người cũng chỉ lĩnh một số lương bằng nhau tùy theo sức làm việc. Trong một thời kỳ người có con còn bị thiệt thòi trong sự thỏa mãn các nhu cầu của mình, tương đối với người độc thân. Xã hội — một xã hội vừa mới

thoát thai ở xã hội cũ vô tổ chức ra — chưa đủ điều kiện để san phẳng hết những sự chênh lệch đầy rẫy.

c) Hưởng lợi tùy theo nhu cần. — Nhưng giai đoạn tạm thời trên kia cũng chẳng phải kéo dài bao lâu. Xã hội mới là một cơ quan sản xuất tổ chức theo phương pháp khoa học tối tân: những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống các cá nhân nhờ có máy móc sẽ tăng lên rất nhanh, rất nhiều. Và không có kẻ nào trục lợi riêng được nữa, sự phân phối sẽ rộng rãi những nhu cần căn bản (cơm ăn, áo mặc nhà ở) sẽ được thỏa mãn đầy đủ, và ở phương diện này những mối chênh lệch sẽ tự tiêu diệt đi hết, các cá nhân sẽ thực là được bình đẳng (về phương diện sinh lý). Đó là một kết quả hết sức quan trọng: nhờ đó mà các cá nhân từ nay không phải thôi thúc vì những dục vọng cấp bách nữa, sẽ vượt hẳn lên một mức sống tinh thần cao hơn.

d) Tìm thú sống trong sự làm việc. — Xã hội càng tổ chức chu mật, sự sản xuất càng dồi dào, sự phân phối càng rộng rãi, mỗi cá nhân mới có thể nghĩ đến sự làm

phát triển những khả năng tiềm tàng của mình. Dù hẳn muốn làm một nhà khoa-học hay một nghệ-sĩ, hay một lực sĩ... hẳn cũng sẽ có đủ điều kiện để thực hiện (se réaliser), hẳn sẽ được chọn cái nghề mà hẳn thích, hợp với tài năng của hẳn. Khi ấy, sự làm việc sẽ không còn gì là một « cở vê », một sự khổ sai nữa, hẳn sẽ không thấy bị bó buộc nữa, dù phải khó nhọc, phải chnyên cần, phải cặm cùi. Sự làm việc đã biến thành một nhu-cần hoạt động, một nguồn lạc thú vậy.

Trong xã hội cũ, người ta đã tách hẳn con người ra làm hai phần : phần thân thể và phần linh hồn ; người ta đã chia loài người ra làm hai bọn : bọn lao động làm việc bằng chân tay và bọn trí thức làm việc bằng óc. Sự phân chia ấy làm cho con người thành ra căn cỗi, thiếu sót, và xui người nọ ghen ghét, khinh bỉ người kia. Trong xã hội có tổ chức, giáo dục cá nhân sẽ là một giáo dục hoàn toàn, vừa mở mang những năng khiếu hành động (dạy nghề) vừa rèn luyện trí thức (khoa học, văn chương, nghệ thuật) (1), sẽ

(1) Education polytechnique.

không có sự phân biệt lao động với trí-thức: ai cũng sẽ có một nghề, cũng sẽ dự vào sự sản xuất của xã-hội, sự tổ chức xã hội, ai cũng sẽ trau dồi trí thức sẽ dự vào công việc xây dựng văn hóa của xã hội.

Một điều nữa là một cá nhân, dù trong lúc làm việc, dù trong lúc giải trí, sẽ luôn luôn trực tiếp với những cá nhân khác, con người sẽ là con người của xã-hội, một xã hội mà mình hiểu biết, yêu mến, và điều khiển được.

Không sợ vì thế mà cá nhân sẽ mất hết cá tính, sẽ giống nhau « như in », như đúc trong một khuôn ra. Trái lại. Những ý thức cá nhân, không bị ràng buộc bởi những điều kiện sinh hoạt ác nghiệt, sẽ nảy nở rất mạnh và sẽ bày ra muôn nghìn sắc thái mới mẻ khác nhau. Những sáng kiến trong công việc hàng ngày sẽ là những lực lượng luôn luôn biến đổi tính thần con người: trong cuộc tiến hóa sống đôi, cá nhân và xã hội sẽ là hai chiếc bánh xe cùng quay theo một nhịp điệu hòa, không còn ngừng trệ và xô xát nữa. Tóm lại, những cá nhân xã hội có tổ chức sẽ được

bình đẳng và tự do (1). Và ở giữa những con người đầy đủ và vui vẻ ấy, sự thân yêu nhau không còn là một lý tưởng mơ hồ nữa : lý tưởng bác ái mà người ta hô hào mấy nghìn năm nay, bây giờ, nhờ kỹ thuật và khoa học, mới có đủ điều kiện để thực hiện.

* *

Nếu ta vượt lên trên những chi tiết để xét hai phương pháp kể trên : Cải tạo con người và tổ chức xã hội, ta sẽ thấy đó là phản ảnh của hai mẫu người của thời đại, mẫu người cũ và mẫu người mới.

Mẫu người cũ là con đẻ của thế giới cũ, của nông nghiệp phong kiến. Nó có một đặc tính căn bản : tư kỷ. Vì tư kỷ nên không những nó bám chặt lấy những tài sản tây riêng, đi tìm những khoái lạc tây riêng, hành động để mưu những lợi lộc tây riêng ; nó lại còn muốn tìm cách khuếch trương tài sản, và bành trướng thế lực tăng gia (trong không gian) và tồn tại

(1) Tự do không phải là muốn làm gì thì làm, tự do chỉ có nghĩa là có khả năng thỏa mãn được mọi nhu cầu tất yếu, không mù quáng và biết rõ những giới hạn hành động của mình.

(trong thời gian). Chính vì thế, nên nó mới quan niệm một thế giới tĩnh, một xã hội không bao giờ thay đổi và một linh hồn bất diệt.

Mẫu người mới, trái lại, là con đẻ của kỹ thuật và khoa học cận đại. Nó chống lại với con người cũ từng điếm một, sống trong xưởng máy với hai bàn tay trắng, giữa một đoàn thể cần lao xếp đặt có kỷ luật; bên cạnh những bộ máy luôn luôn biến chuyển mà nó phải hết sức thận trọng để điều khiển, nó không thể quan niệm được một cuộc đời tây riêng, một con người lẻ loi, một thế giới không thay đổi. Ba đặc tính của nó là : vô tư kỷ, trọng kỷ luật, ưa sáng kiến khoa học.

Sự tiến hóa của xã hội ngày nay (sự tập trung sinh sản lực trong các trust, consortium, cartel ở Mỹ ; sự tổ chức kinh tế, sự quốc gia hóa tài sản; sự kỹ nghệ hóa thôn quê, sự kỹ thuật hóa cuộc sinh hoạt, sự tổ chức những cuộc thể thao, ăn uống và giải trí công cộng, sự tụ tập dân cư ở quanh những khu kỹ nghệ, sự giao dịch mở rộng khắp hoàn cầu, những sự cộng tác quốc tế trong khoa học, y tế, kỹ thuật, lao động, văn chương và nghệ thuật...)

càng ngày càng làm nổi bật mẫu người của thế kỷ. Mẫu người ấy càng rõ, càng mạnh, càng nhiều thì khung cảnh xã hội cũ, chật hẹp và mục nát sẽ không thích hợp nữa, sẽ bị phá đổ và đổi mới. Mẫu người cũ sẽ tiêu diệt cùng xã hội cũ. Cá nhân mới sẽ làm ra xã hội mới. *Chỉ có xã hội mới mới phụng sự được cá nhân mới.*

CHU'ONG V

Kết luận phần thứ hai

Dem so sánh cuộc tiến hóa của xã hội và cuộc tiến hóa của cá nhân, ta đã thấy :

1) Xã hội dựng trên nền tảng kỹ thuật sinh sản đã luôn luôn biến đổi theo với sự biến đổi của nền tảng kỹ thuật ấy. Từ con dao bằng mảnh sừng, qua cái cuốc bằng đá trau, đôi bánh xe bằng gỗ, lưỡi cày bằng sắt, cho đến những máy móc, tối tân ngày này ; từ thời kỳ lang thang du mục qua thời kỳ nông nghiệp và tiểu công nghệ, đến thời kỳ thông thương hàng hải và đại kỹ nghệ cơ khí ; từ bầy người thô lỗ qua những thị tộc chưa có văn tự và pháp luật, những đám gia đình phụ hệ

tụ tập xung quanh một tù trưởng đã biết dùng nghi lễ và luân lý để giúp vào sự cai trị bằng lưới kiếm, cho đến những quốc gia tự bản đặt dưới quyền một bộ máy chính phủ thập phần hoàn hảo, kiến trúc xã hội đã biến từ đơn giản đến phức tạp, phạm vi xã hội đã vùng rộng từ một địa phương nhỏ hẹp ra khắp toàn thể trái đất.

2.) Cá nhân tồn tại được là nhờ ở hệ thống xã hội kia, cũng đã theo liền từng bước tiến hóa của xã hội mà thay đổi. Từ trạng thái mù mờ thú vật của con người thái cổ, qua tình cảnh sờ sệt cầu xin của nông dân ăn phận, qua tình thần ưu du của địa chủ nhân rồi, qua tâm lý sắc mắc ngạo mạn của kẻ thương nhân muốn đoạt quyền Tạo hóa để vợ cho đầy túi tham, đến sự giác ngộ mãnh liệt của đại chúng ở thế kỷ máy móc, những ý thức cá nhân này nở càng ngày càng nhiều, càng ngày càng đầy đủ, càng ngày càng thêm sức tác động đối với hoàn cảnh thiên nhiên và hoàn cảnh xã hội và ngày đối với bản thân mình.

Sự thực ra, cá nhân không tách hẳn ra ngoài xã-hội bao giờ. Cá nhân vẫn ở trong

xã hội như cá ở trong nước vậy. Cá nhân với xã-hội hợp thành một khối, một hệ thống để đối đầu với hệ thống thiên nhiên. Nhưng cái hệ thống « cá nhân xã hội » kia từ xưa đến nay, thường bay lục đục, lộn xộn, vì còn phải chia ra thứ bậc, từng lớp, giai cấp. Đó là một sự tất yếu của lịch sử khi kỹ-thuật sinh sản còn thấp kém, chưa đủ cung cấp những phẩm vật cho tất cả mọi người. Nhưng khi máy móc đã sản xuất được quá nhiều phẩm vật đến nỗi người ta phải mang vùi mang dốt bỏ đi, tức là cái thời kỳ phân chia kia đã hết rồi. Nay đã đến thời kỳ cá nhân và xã-hội sát nhập vào nhau, chống đỡ cho nhau, bổ khuyết lẫn nhau, điều hòa với nhau, hợp lại thành một khối duy nhất để chiến đấu với hệ thống thiên nhiên.

Xưa kia, có những nhà hiền triết tiềm-nhiệm tinh-thần tư-kỷ muốn tách mình ra khỏi xã-hội để một mình dung hòa cảm thông với thiên nhiên. Họ đã thất bại. Phải đem cả cái khối xã hội để chinh phục hết cõi thiên nhiên : bao nhiêu hy vọng tốt đẹp của cá nhân phải đem đặt cả vào sự chiến đấu chung ấy !

ĐOẠN KẾT

Sau khi đã phê bình những quan niệm sai lầm về cá nhân và về xã hội (phần thứ nhất); sau khi đã xem xét những tính cách cốt yếu và những mối tương quan của hai cái thực tại ấy (phần thứ hai), ta hãy trở lại vấn đề cá nhân (của bọn thanh niên trí thức tiểu tư sản) đã nêu ra ở đầu cuốn sách này. Vấn đề ấy gồm trong ba câu hỏi:

- 1.) Ta có nên quay về đại gia đình?
- 2.) hay nên bám lấy lý tưởng tự do cá nhân?
- 3.) hay nên đem thân phụng sự xã hội?

Câu hỏi thứ nhất không có lý nghĩa gì nữa. Ai cũng biết rằng những tàn tích

phong kiến đã bị cuộc sinh hoạt ngày nay làm cho tan rã hết rồi, không thể nào còn cứu vãn được nữa. Câu hỏi thứ hai cũng không làm cho mấy người bạn tri nữa : Sự trục lợi tàn ác hoặc sự hành lạc khốn nạn của những cá nhân tư sản — một thứ cá nhân bourgeois đã đến lúc cần cỗi — đã rành ra đó rồi. Câu hỏi thứ ba quan hệ hơn cả. Ở ngay chương I phần thứ nhất, chúng ta đã thấy rằng danh từ xã hội, xứ ta, chỉ chứa đựng những ý nghĩa rất lạ lùng. Người ta cho xã hội là một cái hội buôn để bảo vệ quyền lợi cho các hội viên — những hội viên đặt nhiều vốn nhất — có người lại coi nó như một cái chợ để kiếm tiền và để mua khoải lạc. Phần đông, không hiểu rõ nó là cái gì, chỉ thấy rằng họ là những người « có nợ xã hội » phải làm một cái gì cho xã hội. (Ví dụ phải đồ đạc thật cao để cho xã hội được vinh dự, phải làm giàu thật lớn để cho xã hội được phú cường, phải bỏ tiền ra làm nhiều việc nghĩa để cho xã hội được nhờ... vân vân). Những quan niệm quái gở về xã hội ấy, ta đã biết rõ người gốc nó ở đâu ; ta cũng lại biết rằng người ta đã dùng nó làm tấm bình phong rất đẹp để

để che đậy những hành vi không đẹp để một tí nào.

Ngày nay, tâm bình phong ấy cũng vẫn còn dùng để chống đỡ cho một chủ nghĩa cá nhân đã biến biến, từ trắng tráo trở nên nhu mì, từ ngang ngạnh trở nên ngoan ngoãn. (Nhưng đó chỉ là những thứ nhu mì và ngoan ngoãn của con cáo).

Nguy hơn hết là nó bưng mắt ta không cho nhận rõ được chân tướng của xã hội và những ánh sáng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính vì thế nên chúng ta chỉ mới đặt ra vấn đề cá nhân để tìm cách giải quyết nó một cách rất cá nhân (nhưng ta không giải quyết nổi hoặc giải quyết một cách rất khôn khéo). Chúng ta chưa có vấn đề xã hội, chưa biết đặt ra vấn đề xã hội, trên nền tảng khoa học. « Những câu chuyện xã hội » đã nêu ra — nếu có thể gọi được là những vấn đề thì chỉ là những vấn đề luân lý, lý tưởng phụ thuộc vào vấn đề cá nhân mà thôi: những cá nhân đã thỏa mãn lại cần đặt thêm ra những bổn phận xã hội để thêm những có và những dịp để tự thỏa mãn nữa.

Ngày nay chúng ta cần phải « xoay ngược

cái đầu gây lại », nghĩa là đề vấn đề cá nhân xuống dưới, và đặt vấn đề xã hội lên trên. Vì chúng ta đã biết rằng, nếu không có một khung cảnh xã hội rộng rãi thì không cá nhân nào có thể phát triển được. Những đòi hỏi tha thiết và chân đáng của bản thân ta lúc này, ta phải kìm chúng lại, để dự bị một ngày mai tốt đẹp cho bao nhiêu cá nhân khác cũng đang khao khát như ta. Nói vậy, không phải bảo rằng chỉ có xã hội là đáng kể và phải hy sinh cuộc sống của cá nhân đi. Không, cuộc sống của cá nhân là cứu cánh của mọi nền văn minh, vấn đề cá nhân là một vấn đề trọng đại. Nhưng, ở giai đoạn lịch sử này, ta không thể nào đặt riêng nó ra mà giải quyết nó được. Trên quá trình tiến hóa của hầu hết các xã-hội đến nay, cá nhân vẫn còn là một yếu tố bị động, đặt ở giữa « vòng thép » của xã hội và chịu sức chi phối của muôn nghìn ảnh hưởng xã hội. Chỉ bao giờ, nhờ sự xung đột của những lực lượng nội tại, xã-hội chuyển động và thay đổi hẳn đi, thì những ràng buộc mới sẽ rơi bớt ra, cá nhân mới điều khiển được xã hội, vai trò cá nhân mới nổi bật lên được, vấn đề cá nhân mới sẽ

TẾT

HÀN THUYỀN

sẽ phát hành :

PHÊ BÌNH

Văn chương truyện Kiều

của **NGUYỄN BÁCH KHOA**

tác giả :

« **NGUYỄN DU và TRUYỆN KIỀU** »

« **TÂM-LÝ VÀ TƯ-TƯỞNG NG. CÔNG TRÚ** »

Người ta thường nói : « Luận lý
truyện Kiều đáng chê, nhưng văn
chương truyện Kiều thì bất bủ,
Có thực thố không ?

Có thực truyện Kiền còn giá trị,
và nên thưởng thức là ở lời thơ
đẹp và du dương không ?

Ồ, NG. BÁCH KHOA sẽ trả lời các
bạn trong cuốn :

PHÊ BÌNH

Văn chương truyện Kiều

Sách in có hạn các Đại-lý muốn
mua xin viết thư về trước.

VĂN MỚI

TẬP TRÒ

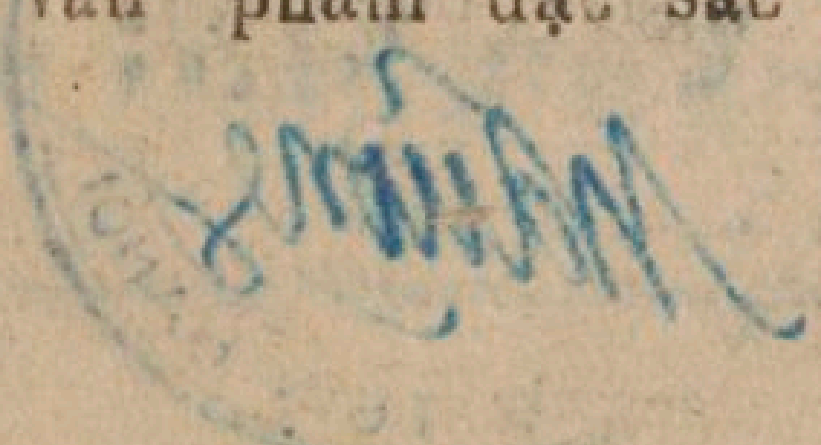
Một tin mừng trong làng xuất bản

Hôm mới đây, ở Hà-nội có một cuộc họp mặt thân mật của hơn hai chục nhà xuất bản, bàn về nhiều vấn đề thuộc về nghề nghiệp: gửi sách đi các tỉnh, định một số hoa hồng nhất loạt cho các đại lý v.v.... Cuộc họp mặt ấy tuy chưa đạt tới một kết quả thực tiễn rõ rệt nhưng cũng đã chứng tỏ rằng các nhà xuất bản, muốn sinh tồn và phát triển, phải đi tới sự đoàn kết chặt chẽ. Các nhà xuất bản còn sẽ họp bàn nhiều buổi nữa. Mong rằng các ông giám đốc các nhà ấy sẽ có thể thỏa thuận cùng nhau về những vấn đề nghề nghiệp để xây nền cho một Liên đoàn xuất bản.

Những ngày cuối năm Giáp Thân của nhà xuất bản

HÀN-THUYỀN

Trong những ngày cuối năm Giáp Thân nhà xuất bản **HÀN THUYỀN** sẽ cho ra mắt các bạn đọc hai vấn phẩm đặc sắc



của hai cây bút vẫn được các bạn yêu mến :

— Một văn phẩm thuộc loại sáng tác của *P. N. KHUÊ*, nhan đề là **Ý XUÂN**. Tác giả sẽ hiến các bạn đọc một ý tưởng rất lý thú, rất nên thơ mà cũng rất thiết thực về MÙA XUÂN của mọi cuộc đời. Ý tưởng này sẽ đem đến các bạn một lạc quan mạnh mẽ và một thi vị đầm ấm đủ làm cho say sưa, cho phấn khởi các tâm hồn mê sống.

— Một văn phẩm thuộc loại phê bình của *NGUYỄN BÁCH KHOA*, nhan đề là **VĂN CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU**. Đây là một thiên bình luận đậm đà, sáng sủa về nghệ thuật thưởng thức thi ca mà cũng là một phần tách khoa học về cái « giá trị văn chương » của truyện kiều.

Các bạn đọc có thể tin cậy được ở hai cây bút *P. N. KHUÊ* và *NGUYỄN BÁCH KHOA*.

V. M.

THỐNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Bản chức nói đến sự hợp quần của quốc dân Pháp thì các người nên làm thế nào cho lời nói ấy không phải là vô ích. Vậy các người hãy giúp ta xây lại nền hợp nhất cần thiết cho vận mệnh nước Pháp.

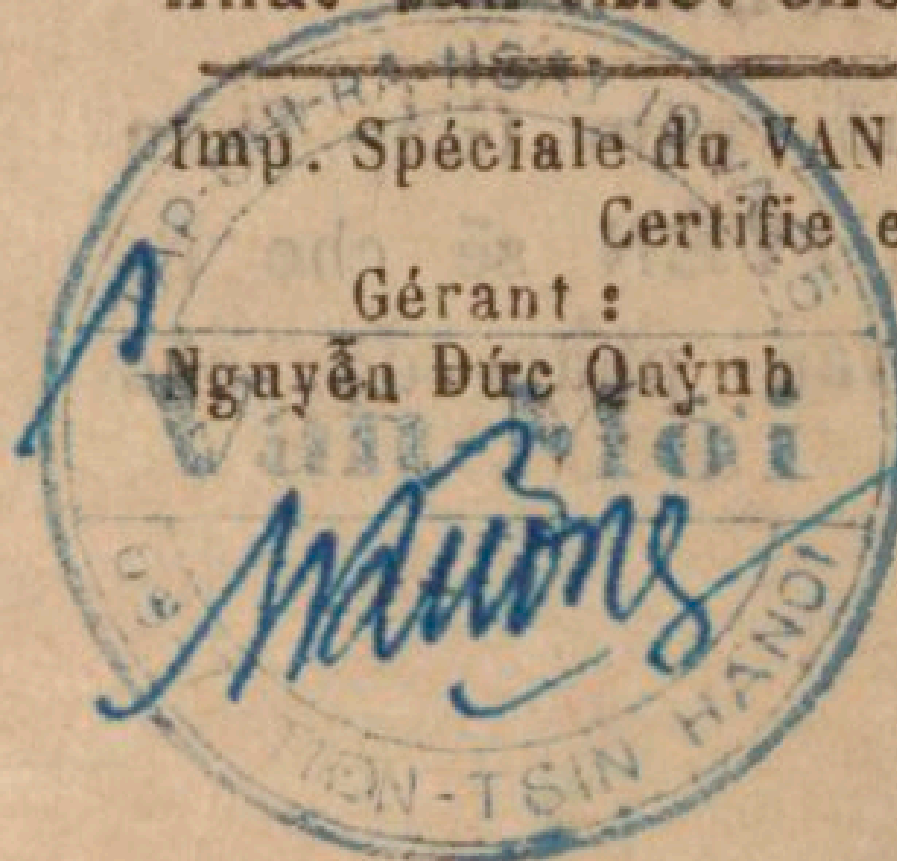
Imp. Spéciale du VAN MOI Tirage *200* exemplaires
Certifie exacte l'insertion

Gérant :

Nguyễn Đức Quỳnh

Fondateur :

Đỗ Văn Trường



TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA

NHÂN LOẠI

tiên hóa sử

NGUYỄN BÁCH KHOA

Bộ sách *NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ* gồm có 32 cuốn, mỗi cuốn khảo cứu một sự trạng xã-hội riêng, theo quan điểm tiến hóa sử. Đọc hết bộ *NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ*, sẽ có thể có đủ tài liệu lịch hội và tin tưởng một Hệ thống tư tưởng rất khoa học.

ĐÃ XUẤT BẢN

- I — TIẾN HÓA LUÂN . . . (hết)
- II — NGUỒN GỐC VĂN MINH 2\$20
- III — VĂN MINH SỬ (thượng) 4.00

SẴN XUẤT BẢN

VĂN MINH SỬ (hạ) :

VĂN MINH

HIỆN ĐẠI

Hàn Thuyên xuất bản

71, Tiên Tsin — Hanoi

GIÁ 5\$00